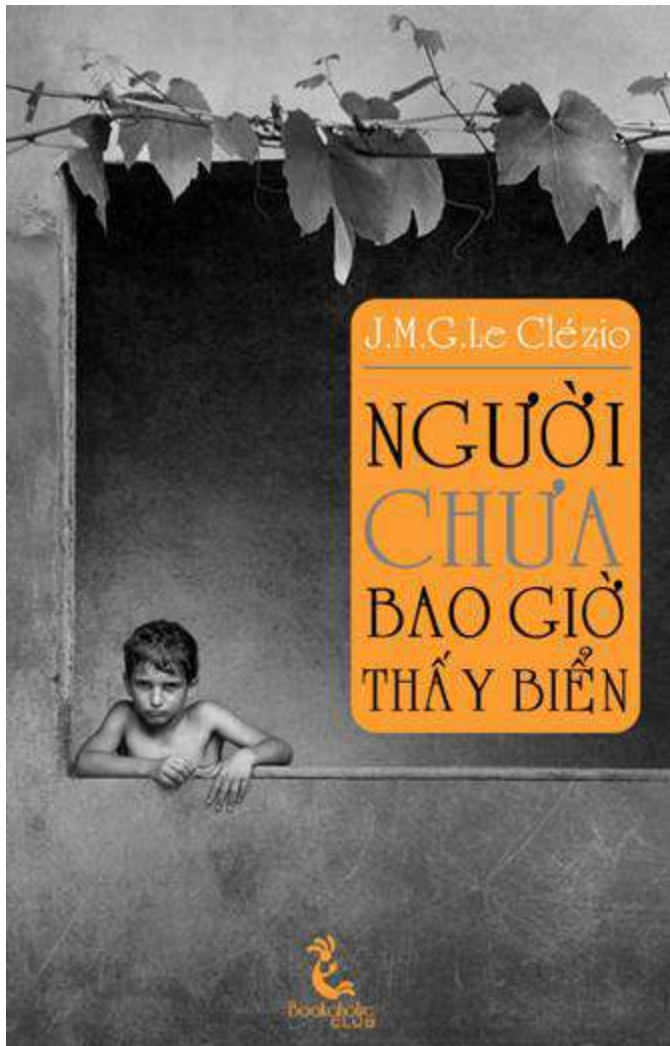




J.M.G. Le Clézio

NGƯỜI  
CHƯA  
BAO GIỜ  
THẤY BIỂN



# NGƯỜI CHƯA BAO GIỜ THẤY BIỂN

Jean-Marie Gustave Le Clézio

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Tên sách: **NGƯỜI CHƯA BAO GIỜ THẤY BIỂN**

Tác giả: **Jean-Marie Gustave Le Clézio**

Dịch giả: Đặng Vương Hạnh

Nhà xuất bản: Hội Nhà Văn

Năm xuất bản: 2000

Số trang: 214

Khổ: 13x19 cm

Giá tiền: -- Đồng

Scan: **Quang Hải**

Nhận dạng bằng Newocr: **Hannah Lê**

Kiểm tra: **Quang Hải, Hannah Lê**

Chế bản ebook: **Hannah Lê**

Ngày thực hiện: 30/11/2010

Making Ebook Project #68 – [www.BookaholicClub.com](http://www.BookaholicClub.com)

Bạn đang đọc ebook **NGƯỜI CHƯA BAO GIỜ THẤY BIÊN** của tác giả Jean-Marie Gustave le Clézio do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

**Making Ebook Project** của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

**Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.**

# MỤC LỤC

THẾ GIỚI SỐNG ĐỘNG TRONG  
SÁNG TÁC CỦA LE CLÉZIO

MONDO

NGƯỜI TRỜI

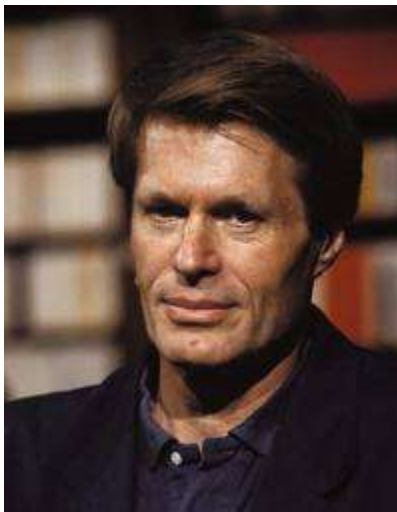
NÚI CHÚA NGỰ

HAZARAN

NGƯỜI CHƯA BAO GIỜ THẤY BIỂN

# THẾ GIỚI SỐNG ĐỘNG TRONG

## SÁNG TÁC CỦA LE CLÉZIO



*JEAN-MARIE GUSTAVE LE CLÉZIO, một trong những nhà văn lọt vào danh sách để xét giải Nobel văn học năm 1999, đã thành danh từ khá sớm. Những năm 60 của văn học Pháp là những năm khó khăn với các cuộc tìm tòi thí nghiệm, những quan niệm mới và những khuynh hướng mới. Chính vào thời kỳ ấy, cụ thể là vào năm 1963, “một chàng trai trẻ, cao lớn, đẹp trai, có mái tóc vàng”, ít nói, đã “trình làng” với cuốn tiểu thuyết **Biên bản (Le Procès - verbal)**, in tại Gallimard, một nhà xuất bản lớn hàng đầu, có uy tín ở Pháp. Cuốn tiểu thuyết lập tức thu hút sự chú ý của bạn đọc cũng như giới phê bình không những vì nó đoạt giải thưởng Renaudot, mà chủ yếu vì nó đã đặt ra nhiều vấn đề lý thú cho thể loại tiểu thuyết dường như đang ngắc ngoải. Thế là, mặc dầu anh còn quá trẻ (23 tuổi) để thành tên tuổi, người ta vẫn cứ “xếp hạng” và anh “có chỗ” trong làng văn Pháp đương đại đang khá là nhốn nháo. Tính đến nay, cầm bút được hơn 30 năm, Le Clézio đã có 47 đầu sách gồm tiểu thuyết, truyện ngắn, tiểu luận và dịch thuật, trong đó có 4 cuốn viết chung. Đó là chưa kể đến rất nhiều bài viết*

ông đăng trên các tạp chí, các báo... và hoạt động giảng dạy của ông ở các trường đại học tại Pháp, Mỹ, Mexique, Thái Lan.

Bảo vệ xuất sắc khoá luận cao học về H.Michaux vào năm 1964, sau đó Le Clézio bảo vệ luận án tiến sĩ về Lautréamont. Le Clézio và những tác phẩm của ông đã là đề tài nghiên cứu của 21 cuốn sách và 29 luận án cao học và tiến sĩ (riêng ở Nice, thành phố quê hương ông có 7 luận án). Năm ông 49 tuổi (1989) tạp chí **Sud** đã ra số chuyên san về sự nghiệp sáng tác của ông. Năm 1994, tạp chí **Lire** mở cuộc điều tra xã hội học với câu hỏi “Ai là nhà văn Pháp ngữ lớn nhất trong số hiện đang còn sống?” đã có 13% độc giả trả lời đó là Le Clézio.

Cùng một số nhà văn khác, Le Clézio đã làm cho bức tranh toàn cảnh của văn học Pháp thế kỷ XX đỡ màu ảm đạm: “Suốt cả thế kỷ, người ta nói đến “cái chết của văn học”, bị giết bởi báo chí, điện ảnh, truyền hình, những trò giải trí đại chúng v.v... Vậy mà, nó không chết. Người ta viết và công bố nhiều hơn. Thành công của những tác phẩm cách tân, những tác phẩm hay và có giá trị (chúng đã dạng biết bao) của Claude Simon hay Marguerite Duras, của Jean-Marie Gustave Le Clézio hay Georges Perec đã làm cho chúng ta trở nên lạc quan”.

Thói quen của các ngòi bút phê bình nghiên cứu hay dẫn chúng ta đến việc “xếp loại” “sắp đặt” các nhà văn ngòi chõ này, chõ kia... hoặc thuộc trường phái này, khuynh hướng nọ... Đối với Le Clézio và các sáng tác của ông, việc này quả là không dễ dàng (có thể nói là không thể). Bởi vì, hình như ông thuộc về nhiều trường phái và hình như cũng chẳng thuộc về khuynh hướng nào cả.

Cuốn tiểu thuyết đầu tay xuất hiện khi ông còn rất trẻ đã khiến người ta xếp ông vào “chủ nghĩa hiện thực mới”. Có lẽ đó là một cách nói để làm rõ vấn đề và để đối sánh với các khuynh hướng “Tiểu thuyết Mới” “Phê bình mới” đang rất rầm rộ lúc đương thời. Vậy thì “Chủ nghĩa hiện thực mới” của Le Clézio không phải như chủ nghĩa hiện thực thời Balzac. Muốn hiểu cho rõ ngọn ngành vấn đề này, ta không thể nói trong phạm vi một hoặc vài trang giấy. Để tham khảo, chúng tôi chỉ xin nêu ở đây ý kiến của các tác giả trong cuốn **Văn học Pháp từ 1945 đến 1968**. Khi viết về Le Clézio họ đã



dùng một cái tit lạ thường “**Cách viết địa chấn học**” (*Une écriture sismographique*). Đó là cách viết tuân theo quy luật tự nhiên, ghi theo kiểu máy đo độ rung của trái đất, ghi lại “những độ rung nhỏ nhất của những điều nhạy cảm, đem lại sự sống náo nhiệt của thế giới”. Bởi vì theo Le Clézio, thế giới vô cũng sống động. Trong tiểu luận **Thế giới sống động** ông đã viết: “Đây chính là điều cần phải làm: đi về nông thôn, như một họa sĩ đi vào ngày chủ nhật, cùng với một tờ giấy lớn và bút chì. Hãy chọn một nơi thanh vắng, một thung lũng xung quanh là đồi núi, ngòi trên mỏm đá và ngắm nhìn thật lâu xung quanh mình. Và rồi, khi đã nhìn thật kỹ, cầm lấy giấy, và miêu tả bằng chữ những gì ta đã thấy”. Đó là đoạn mở đầu tác phẩm. Đọc tiếp những câu cuối, ta có cảm giác như là “nghệ thuật thơ ca” của Le Clézio, một quan niệm thật giản dị: “Đó. Thế giới sống động như thế, trong những tiếng động nhỏ xíu, những cú trượt, tiếng rả rích của dòng nước. Trong những lùm cây, trong hang động, trong đám cây cối chằng chịt, rối rắm, thế giới hát ca, cùng ánh sáng hoặc bóng tối, nó sống một cuộc sống nổ tung, không ngừng nghỉ, đầy tai biến và chết chóc. Cần phải sống cùng nó, như thế, hàng ngày, nằm áp má xuống đất, tai nghe ngóng, sẵn sàng lắng nghe tất cả những tiếng ồn ào và tất cả những tiếng thì thầm. Dây thần kinh cắm sâu vào đất như rễ cây và tự nuôi dưỡng bằng sức mạnh quật khởi khó mà hiểu nổi; cần phải uống thật lâu ở suối nguồn của sự sống và cái chết, rồi sẽ trở thành vô địch không ai thắng nổi”.

Xét về mặt nội dung các tiểu thuyết của Le Clézio đều có thể kể được, có nhân vật, cùng với các “phụ tùng” của nó: Adam Polo trong cuốn **Biên bản** (1963), François Besson trong **Cơn hồng thủy** (*Le déluge*, 1966), cô gái Lalla trong tiểu thuyết **Sa mạc** (*Désert*, 1980), tác phẩm đoạt Giải Lớn Paul Morand, Alexis trong **Người tìm vàng** (*Le chercheur d'or*, 1997) v.v.. Có vẻ như những lời tuyên ngôn hùng hồn của N. Sarraute trong tác phẩm nổi tiếng **Thời đại hoài nghi** cùng các quan điểm cách tân táo bạo của Tiểu thuyết Mới hầu như chẳng thấy có khúc xạ nào qua sáng tác của Le Clézio.

Chính bản thân ông từng kể lại: “Khi tôi đưa bản thảo tiểu thuyết đầu tay của tôi đến Nhà xuất bản Gallimard, tôi đã nói rõ rằng tôi không có quan hệ gì với Tiểu thuyết Mới”. Thế nhưng, không phải hoàn toàn không có những điểm tương đồng nào đó giữa ông và các nhà Tiểu thuyết Mới.



Thậm chí người ta còn tìm thấy sự tiếp nhận những tư tưởng từ Roland Barthes trong **Lời tựa** cho cuốn sách thứ hai của ông có tên là **Con Sốt**.

Trong một cuộc phỏng vấn P.Lhoste có nói với Le Clézio về những từ được lặp đi lặp lại trong các tác phẩm của ông. Nhà văn đồng ý với nhận định đó và cho rằng đó “là những điểm mốc” để có thể khẳng định là mỗi người đều có một “huyền thoại cá nhân” (mythologie personnelle). Đề cập đến vấn đề này có thể Le Clézio có liên hệ gì đó với khái “huyền thoại cá nhân” (mythe personnel) của Ch.Mauron, nhà phê bình phân tâm học đã nhấn mạnh đến việc nghiên cứu quá trình vô thức trong sáng tạo của nhà văn.

Cũng trong cuộc nói chuyện ấy, Le Clézio đã gợi lên sự hàn gắn giữa nhà văn và thầy phù thủy. Cả hai đều có một “thao tác ma thuật”, có một “mã” (code) và những ký hiệu để “hành nghề”, tất nhiên là những ký hiệu khác nhau, thầy phù thủy với những ký hiệu của cây lá, của rắn... nhà văn với “những ký hiệu chính xác của từ ngữ gắn bó với các hình ảnh đặc biệt sẽ cho phép độc giả thực hiện thao tác có tính chuyển đổi thành một hiện thực khác, cao hơn”. Nghe đến những “ký hiệu”, đến “mã”, chúng ta có cảm giác như lại sắp bước sang một lĩnh vực khác...

Là một người đọc rất nhiều, ngay từ đầu Le Clézio đã quan tâm đến những vấn đề thuộc lý luận văn học. Ở **Lời tựa** với hình thức như một bức thư nhỏ nhỏ gửi đến bạn đọc trong tiểu thuyết **Biên bản**, nhà văn đã dành nhiều dòng cho độc giả, một nhân tố tạo thành quan trọng được chú ý đặc biệt ở văn học thế kỷ XX với tư cách là người tiếp nhận. Ngay cách viết **Lời tựa** với hình thức hoàn toàn như một bức thư gửi đến bạn đọc có lẽ cũng là một cách để nói rõ thêm quan điểm này của nhà văn.

Như vậy có thể thấy một quan niệm mở của Le Clézio, chấp nhận cùng lúc mọi lối biểu hiện của thực tiễn sáng tác văn học đa dạng và phong phú. Đó là xét về mặt lý luận, còn trong sáng tác, nhà văn đã thể hiện điều đó, trước hết trong tiểu thuyết. Về mặt hình thức được trình bày trên trang giấy, bản thân các tiểu thuyết của ông không phải toàn các con chữ bình thường theo lối viết xưa nay. Văn bản được gài xen vào đủ thứ: từ các bức họa, các công thức toán, lý, hoá, các con số, các đoạn thơ, nhật ký, các mẫu quảng

cáo, các mẫu báo chí (có khi được in ở giữa những trang đầu hoặc cuối), có cả những đoạn chữ bị xóa vẫn còn nguyên dấu gạch chéo X... Với cách đó, dường như ông đã thu hẹp lại khoảng cách giữa hư cấu và hiện thực. Hiện thực tràn vào trang giấy bằng của bản thân nó, chứ không phải bởi uy quyền tối cao và độc đoán của nhà văn. Các sáng tác của Clézio vào những năm đầu thể hiện rõ điều này; **Biên bản** (1963), **Cơn hồng thủy** (1966), **Những người khổng lồ** (*Les géants*, 1973)... Thậm chí có những đoạn tác giả còn để nguyên tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc xen lẫn giữa toàn bộ văn bản bằng tiếng Pháp. Những tiếng vọng đến từ xa được thể hiện thành nhiều con chữ trên mặt giấy: i i i i i i i i i..., woou woou woou..., hom! hom!, hom!, hom!, hom!, v.v...

Đọc tiểu thuyết của Le Clézio chúng ta thấy ông một mặt vẫn ràng buộc với tiểu thuyết truyền thống qua những đặc điểm cơ bản nhất, mặt khác, ông đã tạo ra một lối của riêng mình. Điều đó được thể hiện không chỉ ở việc làm “vỡ tung” văn bản, thay đổi hình thức trình bày của nó, mà chủ yếu là “việc xâm nhập các thể loại trong tác phẩm” của ông, Trong tiểu thuyết của ông có cả thơ, có tiểu luận, có sử thi, huyền thoại cả cổ tích.

Việc tồn tại cũng lúc nhiều thể loại trong tiểu thuyết của Le Clézio đã tạo nên con đường đi khá độc đáo trong quá trình sáng tạo của nhà văn. Chính ông đã từng phát biểu: “Đương nhiên, là các thể loại văn học có tồn tại, nhưng chúng chẳng quan trọng lắm, chúng chỉ là những cái cớ. Không phải là khi muốn viết tiểu thuyết là người ta liền sáng tạo ra nghệ thuật. Không phải là khi người ta gọi cuốn sách của người ta là "thơ" thì người ta trở thành nhà thơ. Chính là khi người ta viết, cho bản thân mình và cho người khác, không có mục đích nào khác ngoài việc trở thành chính mình, lúc đó người ta sẽ đạt được nghệ thuật”. Đó là những lời tâm sự của ông năm 1967 để rồi trong suốt mấy chục năm cầm bút, ông nhắc lại không chỉ một lần về cái đích sáng tạo của mình. “Tôi cho rằng thật khó khăn tự nhận biết mình và tôi viết để nhận ra mình một cách chính xác và đồng thời hiểu những người khác” (Trong một cuộc nói chuyện với P.Lhoste năm 1971). Và trong một cuộc phỏng vấn của Vantroys năm 1994: “... tôi nhận ra rằng giờ đây tôi viết vì một lý do khác. Thực chất, tôi viết để thử nhận biết tôi là ai. Để tìm đến một cuộc phiêu lưu”.

Trong mấy chục năm cầm bút, Le Clézio không chỉ nổi tiếng với các cuốn tiểu thuyết. Truyện ngắn của ông cũng có những dấu ấn riêng. Đặc biệt cuốn **Mondo và các truyện khác** xuất bản năm 1978 có thể được coi là một trong những cột mốc quan trọng trong quá trình sáng tác của ông. Đồng thời, về nhiều mặt, nó vẫn liền mạch với các tác phẩm trước và sau đó qua việc thể hiện một cách độc đáo của nhà văn về chủ đề trẻ em.

Đôi khi chúng ta cảm thấy thật khó tưởng tượng ra hình ảnh của nhà văn “bác học” (một tiến sĩ văn chương, giảng viên của nhiều trường Đại học Âu - Mỹ văn minh hiện đại lại gắn liền với một thế giới nhân vật trẻ em lang thang “bụi đời” như trong tập **Mondo và các truyện khác** hoặc một số sáng tác khác của ông.

Tất cả các câu chuyện trong cuốn **Mondo và các truyện khác** đều đề cập đến trẻ em, những trẻ khác thường, so với độ tuổi ngây thơ của chúng càng dị thường hơn khi đặt chúng vào trong một xã hội hiện đại văn minh, tiên tiến. Chúng đều giống nhau ở địa vị ngoài lề xã hội, nhưng lại là những kẻ mộng mơ, đắm mình trong thiên nhiên, với đồi núi, sông suối, biển, trời, với ngàn sao, với ánh sáng của buổi trời đang rạng, ánh sáng ban ngày, ban đêm, ánh rực rỡ của mặt trời đang buổi ban trưa... Đó là Mondo lang thang không gia đình và cũng không thích ai hỏi về chuyện ấy; là Daniel, một cậu bé kì dị, chẳng thèm nghe khi người ta nói chuyện về biển vì cậu còn chìm đắm trong những tưởng tượng về biển theo kiểu của cậu, “một kiểu biển khác”, không giống của mọi người; còn cô bé Petite Croix lại thích ngồi một mình, gần như bất động hàng giờ giữa lúc trời nắng gắt để chờ đợi câu trả lời chính xác của câu hỏi đã ám ảnh cô bé từ năm nào qua năm khác: “Màu xanh da trời là gì?”...

Dường như ở nhân vật Mondo tập trung tốt cả đặc điểm của những nhân vật trẻ em trong tập truyện ngắn. Như mọi đứa trẻ bình thường trong xã hội hiện đại, nó rất thích xem truyện tranh, đến mức dù mù chữ, nó vẫn có thể đọc theo kiểu của nó. Không gia đình, không cha mẹ, không ai chăm sóc, lang thang, sống như bụi đời, nhưng nó lại có cách cư xử của kiểu người có giáo dục. Nó bị săn đuổi như những con chó hoang nhưng lại thừa khôn ngoan để lẩn tránh những luật lệ của xã hội hiện hành. Bị xếp ngoài lề xã hội, phải bươn chải tự kiếm sống, từng bị đói, nhưng Mondo lại là chú

*bé có cuộc sống nội tâm phong phú: thích thú với những câu chuyện phiêu lưu, nó biến các công chức Bru điện về hưu thành người kể chuyện như thuở xa xưa, nó say mê những con chim mòng biển tự do chao mình bay lượn, yêu màu sắc cũng như dáng bay giữa bầu trời mênh mông của con diều giấy có hình cánh bướm, thích thú chiêm ngưỡng vẻ đẹp và sức mạnh của dòng nước tưới đường.*

*Nếu chỉ dừng ở đây, chúng ta có thể nói Le Clézio đã xây dựng thành công một thế giới nhân vật trẻ em đặc biệt và thú vị. Nhưng có lẽ không chỉ có vậy. Qua nhân vật Mondo và các nhân vật trẻ em khác, nhà văn muốn gửi gắm tới bạn đọc nhiều hơn thế. Ngay tên gọi Mondo đã gợi ý cho ta nhiều điều. Thoạt đầu, Mondo làm chúng ta liên tưởng tới từ **monde**, trong tiếng Pháp có nghĩa là “thế giới”, “thiên hạ”... Bản thân cậu bé Mondo trong truyện cũng có mối liên hệ rất rộng bởi cuộc sống nay đây mai đó đã khiến cậu gặp gỡ với nhiều hạng người, từ nhiều chân trời khác nhau trên trái đất. Theo một nhà nghiên cứu Pháp, Mondo thực ra là một từ tiếng Nhật dùng để chỉ cuộc đối thoại khi giảng dạy về Thiên. Và chắc sẽ rất thú vị nếu chúng ta có điều kiện nghiên cứu cuộc đối thoại của chú bé Mondo với cuộc đời qua câu hỏi thường xuyên của cậu với những người qua đường: “Ông bà có muốn nhận cháu làm con nuôi không ạ?” cùng rất nhiều câu hỏi khác. Còn trong truyện, theo cách dạy chữ cái của ông già trên bãi biển, tên Mondo khi ghép lại trở thành những hình ảnh hết sức thú vị và độc đáo: “Có một ngọn núi, một ông trăng tròn, có ai đó chào trăng lưỡi liềm và lại có một ông trăng nửa”. Và chẳng biết có phải ngẫu nhiên không khi có nhiều trăng đến thế trong tên của cậu bé Mondo? Còn khi Mondo thích các chữ O, I, T, Z, V, W chính là bởi O và Z tượng trưng cho ánh sáng còn I, T, V là sự vận động không ngừng, là các chuyến viễn du đầy mơ ước, tìm đến những chân trời xa, những điều tốt đẹp nhất.*

*Nhân vật của Le Clézio như là lời thông điệp của ánh sáng, của ước mơ, của vẻ đẹp trần thế khi con người còn có thể mơ ước, kiếm tìm không mệt mỏi. Thoát ra ngoài những bức tường bê tông xám xịt, những tòa nhà cao ốc thiếu ánh sáng mặt trời, những máy móc vô tri vô giác, con người có thể làm phong phú cuộc sống của mình bằng một hiện thực sống động hồn nhiên, đầy cảm xúc, đầy tính nhân văn.*

LỘC PHƯƠNG THỦY



## MONDO

Không ai biết Mondo từ đâu đến. Một ngày kia, nó tình cờ tới thành phố của chúng tôi mà người ta không nhận thấy điều đó và rồi người ta đã quen với sự hiện diện của nó. Đó là một cậu bé chừng 10 tuổi với khuôn mặt tròn hiền lành và cặp mắt đen hơi xếch. Nhưng cái người ta để ý nhất chính là bộ tóc màu tro luôn thay đổi màu sắc theo ánh sáng và hầu như ngả xám lúc đêm xuống.

Người ta chẳng biết gì về gia cảnh của nó. Có thể nó chẳng có nhà cửa và gia đình cũng nên. Bao giờ cũng vậy, khi người ta không hề chờ đợi, không nghĩ đến, thì nó lại tình linh hiện ra ở góc phố gần bãi biển hoặc gần khu chợ. Nó đi một mình, vẻ quả quyết, mắt nhìn xung quanh. Ngày nào nó cũng ăn mặc theo cùng một kiểu, một chiếc quần vải bò màu xanh, đôi giày thể thao và chiếc sơ mi rộng thùng thình so với khổ người của nó.

Khi tiến lại phía bạn và nhìn thẳng vào mặt bạn, nó mỉm cười, đôi mắt nhỏ trở thành hai khe hẹp lấp lánh. Ấy là lời chào của nó. Khi ai đó làm nó thích, Mondo chặn người đó lại và đột ngột hỏi: "Ông bà nhận cháu làm con nuôi không?" Và trước khi người đó kịp kính ngạc, nó đã bỏ đi xa rồi.

Vậy nó đến cái thành phố này làm gì? Có lẽ nó đã đặt chân tới đây sau một chuyến viễn du trong một con tàu chở hàng, hay trên toa cuối của một chuyến tàu ngày đêm bò dọc theo đất nước. Có lẽ nó đã quyết định dừng chân khi nhìn thấy mặt trời và biển, những biệt thự màu trắng và các khu vườn cọ. Điều chắc chắn là nó đến từ rất xa, bên kia những rặng núi, bên kia đại dương. Chỉ cần nhìn qua, người ta cũng biết nó không phải người ở đây và đã đi nhiều nước. Cậu bé có ánh mắt đen lấp lánh màu đồng và dáng đi êm nhẹ, hai kỳ cục. Đặc biệt nó có vẻ thanh lịch và tự tin mà thường thường ở tuổi này không có, và nó thích nêu ra những câu hỏi lạ lùng giống như những câu đố. Thế mà Mondo lại không biết đọc biết viết.

Nó đến đây vào dịp sắp vào hạ. Trời nóng khủng khiếp và chiều nào cũng xảy ra các đám cháy lớn trên những quả đồi. Buổi sáng trời xanh



không một gợn mây. Gió thổi vào từ biển, một loại gió khô và nóng làm rộp nứt đất và bùng lên các đám lửa. Mondo đến quảng trường vào một buổi chợ và bắt đầu chạy đi chạy lại giữa những chiếc xe tải màu xanh của những người bán rau. Nó tìm được việc làm ngay lập tức vì những người bán rau luôn cần có người giúp đỡ các sọt hàng ra.

Mondo làm việc cho một chiếc xe tải, khi xong việc người ta trả nó vài đồng và nó lại rảo sang xe khác. Người ở chợ biết rất rõ nó. Nó luôn tới đúng giờ để đảm bảo được nhận vào làm và khi những chiếc xe tải màu xanh bắt đầu đến, mọi người trông thấy và gọi tên nó: "Mondo! Này Mondo!" Lúc tan chợ, Mondo rất thích đi lượm lặt. Nó lên vào các sạp hàng và nhặt nhanh những gì rơi dưới đất, nào táo, cam, những quả chà là. Có những đứa trẻ khác cũng đi mót như vậy và cả những cụ già bỏ đầy vào túi của họ những lá rau và khoai tây. Những người bán hàng rất quý Mondo, họ chẳng bao giờ quở mắng nó điều gì. Thịnh thoảng bà chủ hàng hoa quả loại lớn tên là Rosa lại nhặt táo và chuối trên quầy để cho nó. Có rất nhiều hoa quả trong chợ và lũ ong vò vẽ bay từ đồng chà là này sang đồng nho khô khác.

Mondo nán lại cho tới khi những chiếc xe tải nhỏ màu xanh ra về. Nó chờ bạn mình là người rửa đường công cộng. Đó là một người đàn ông gầy gò cao lớn mặc một cái áo khoác ngoài màu xanh nước biển. Mondo rất khoái xem ông ta điều khiển ống phun nước, nhưng không bao giờ trò chuyện với ông ta. Người tưới đường xối dòng nước vào đám rác rưởi và khiến chúng chạy đằng trước ông ta như đàn súc vật và cả một đám mây bụi nước bắn vào không khí. Công việc gây nên tiếng ồn như giông bão, nước phun xối xả trên mặt đường và người ta thấy những cầu vồng uốn mình bên trên những chiếc xe hơi đậu ở đó. Chính thế mà Mondo trở thành bạn của người rửa đường. Nó yêu những giọt nước nhỏ tỏa bay và rơi như mưa xuống thùng xe và kính chắn gió. Người rửa đường cũng rất quý mến Mondo nhưng không bao giờ nói với cậu. Và lại họ không thể trò chuyện với nhau nhiều bởi tiếng ồn của vòi nước. Nó cũng muốn được thử phun xem sao nhưng lại không dám hỏi người tưới đường. Với lại, có thể nó sẽ không đủ sức đứng vững vì dòng nước rất mạnh.

Mondo ở tại chỗ cho tới lúc người rửa đường kết thúc công việc. Bụi nước đọng trên mặt ông và làm ướt mái tóc tựa một đám sương mù mát mẻ



tốt lành. Khi xong việc, người rửa đường tháo ống ra và đi chỗ khác. Khi đó luôn luôn có những người đến, nhìn mặt đường ướt át và nói: "Chà, có mưa rồi sao?"

Sau đó, Mondo đi ngắm biển, những dãy đồi cháy xém hoặc nó đi tìm những người bạn khác.

Vào thời kỳ nọ, nó thật sự không ở nơi nào nhất định. Mondo ngủ trong những nơi ẩn náu cạnh bãi biển hay thậm chí xa hơn, trong những khối đá trắng án ngữ tại lối ra vào thành phố. Đó là những nơi ẩn náu tốt mà chẳng ai có thể tìm ra nó. Cảnh sát và các cơ quan cứu tế không thích những đứa trẻ sống lang thang, ăn bất cứ thứ gì và ngủ bất kỳ nơi nào như vậy. Tuy nhiên, Mondo rất ranh mãnh, nó biết rất rõ khi nào người ta tìm mình và không xuất đầu lộ diện.

Khi cảm thấy không có gì nguy hiểm, nó dạo chơi suốt ngày trong thành phố, ngắm nhìn cảnh vật. Nó rất thích lang thang không mục đích, rẽ vào một góc phố rồi sang một góc phố khác, đi theo lối tắt, dừng chân chốc lát trong một khu vườn và lại đi tiếp. Khi gặp ai khiến nó có cảm tình, Mondo tiến lại và lễ phép nói: "Chào ông bà, ông bà có muốn nhận cháu làm con nuôi không ạ?"

Có nhiều người rất mong muốn điều đó bởi lẽ Mondo có vẻ hiền lành tử tế với cái đầu tròn và đôi mắt lấp lánh. Nhưng quả là khó. Người ta không thể nhận nó làm con nuôi ngay lập tức như vậy được. họ bắt đầu hỏi nó về tên tuổi, địa chỉ, cha mẹ nó ở đâu và Mondo chẳng thích những câu lục vấn nọ tí nào. Nó đáp: "Cháu không biết, cháu không biết" và bỏ chạy.

Mondo tìm được rất nhiều bạn bè chỉ bằng cách đi trên đường phố. Nhưng nó chẳng trò chuyện với ai hết. Đó không phải là những người bạn để tán gẫu hay đùa cợt. Ấy chỉ là bạn bè để chào hỏi khi đi ngang qua, rất nhanh với một cái nháy mắt, hoặc ra hiệu từ xa, phía bên kia đường. Đó cũng là những người bạn có thể trông cậy kiếm miếng ăn, ví như bà hàng bánh mì ngày nào vẫn cho nó một mẫu bánh. Bà có một khuôn mặt già nua hồng hào và nhấn nhụ tựa một pho tượng Ý. Bà luôn vận đồ đen và mái tóc bạc được chải bện thành búi. Và chẳng bà còn có một cái tên Ý là Ida và Mondo rất thích vào cửa hiệu của bà. Đôi khi nó làm công cho bà, đem giao

bánh cho các chủ hiệu buôn bên cạnh. Khi nó trở về, bà cắt một khoanh lớn trong chiếc bánh tròn, bọc giấy và đưa cho nó. Mondo chưa khi nào yêu cầu bà nhận nó làm con nuôi, có lẽ vì nó thật sự rất yêu quý bà và việc đó khiến nó e sợ.

Mondo vừa chén mẩu bánh vừa thông thả đi ra biển. Nó bẻ bánh thành những mẩu nhỏ để ăn được lâu hơn và vừa đi vừa nhấm nháp không vội vã. Dường như thời kỳ này nó sống chủ yếu nhờ bánh. Dầu vậy nó vẫn giữ lại vài mẩu để dành cho lũ mòng biển bạn bè. Phải vượt qua vô số phố xá, quảng trường, một công viên trước lúc cảm thấy mùi vị của biển đột nhiên ùa đến theo gió, trong tiếng ầm ì đều đều của sóng.

Mé cuối vườn có một kiốt báo. Mondo dừng lại và chọn một cuốn truyện tranh. Nó phân vân giữa nhiều câu chuyện về Akim và rốt cuộc mua một truyện kể về Kit Carson. (Hai nhân vật phiêu lưu anh hùng trong truyện tranh). Mondo chọn Kit Carson bởi hình vẽ chàng ta mặc chiếc áo vét nổi tiếng với những dải dây da. Rồi sau đó nó tìm một chiếc ghế dài để đọc cuốn truyện tranh ấy. Việc này chẳng dễ chút nào, vì cần phải có một người nào đó có thể đọc lời trong truyện về Kit Carson trên ghế băng. Ngay trước 12 giờ trưa là tuyệt nhất bởi lẽ lúc này luôn có ít nhiều nhân viên bưu điện đã nghỉ hưu buồn chán ngồi hút thuốc. Khi Mondo tìm được một ai đó, cậu cố ngồi xích lại gần người nọ, xem tranh và lắng nghe cả câu chuyện. Một thổ dân Anh-điêng đứng khoanh tay trước Kit Carson nói: "Mười tuần trắng đã qua và dân tộc ra đã kiệt quệ. Chúng ta hãy đào chiếc rìu của tổ tiên lên?" Kit Carson giơ tay: "Chớ nghe theo cơn giận của anh, Ngựa Điên. Chúng ta sẽ sớm trả lại công lý cho anh". "Quá muộn rồi - Ngựa Điên nói - Hãy nhìn xem." Ông ta chỉ những chiến binh tập hợp dưới chân đồi: "Dân tộc ta đã chờ đợi quá nhiều rồi. Chiến tranh sắp nổ ra và các anh sẽ chết, cả anh cũng vậy, Kit Carson ạ!"

Đám chiến binh xông lên theo lệnh của Ngựa Điên, song Kit Carson hất họ trở lại chỉ bằng một cú đấm và chạy thoát trên con chiến mã của mình. Chàng ngoái lại và hét to với Ngựa Điên: "Ta sẽ trở lại và chúng ta sẽ trả lại công lý cho anh."

Khi Mondo nghe xong câu chuyện về Kit Carson, nó lấy lại tập truyện tranh và cảm ơn ông nghỉ hưu. "Tạm biệt cháu!" - Ông nghỉ hưu nói. "Tạm

biệt ông.” Mondo rảo bước ra tận con đê chắn sóng vươn mình ra biển. Nó ngắm biển một chốc, mắt nheo lại để khỏi bị tia mặt trời phản chiếu làm chói mắt. Bầu trời xanh ngắt, không một đụn mây và những đợt sóng nhỏ lấp lánh.

Mondo tụt xuống cái bậc thang nhỏ dẫn đến những tảng đá ngầm chắn sóng. Nó rất yêu thích chón này. Con đê đá trải dài, viền những khối bê tông vuông vức đồ sộ. Đầu con đê có ngọn đèn ga. Đàn chim biển chao lượn trong gió, thong thả lượn vòng và thốt ra những tiếng rên rỉ của trẻ con. Chúng bay sượt trên đầu Mondo và cất tiếng gọi nó. Mondo ném vụn bánh lên thật cao và bầy chim biển nhào xuống đớp mồi ngay trên không.

Mondo thích đi bộ ở đây, trên những tảng đá chắn sóng. Nó nhảy phóc từ tảng này sang tảng khác, vừa ngắm nhìn đại dương. Nó cảm thấy gió tạt vào má phải, kéo lật mớ tóc sang bên. Mặt trời chói chang, bất chấp gió thổi mạnh. Những con sóng lao vào chân các khối xi măng làm bắn lên những đám bụi nước trong làn ánh sáng.

Chốc chốc, Mondo lại dừng bước nhìn. Bờ đã xa lắm, chỉ còn là một dải màu nâu điểm xuyết những khối màu trắng. Bên trên các ngôi nhà là những dãy đồi xanh xám. Khối của những vụ hỏa hoạn bốc lên đây đó, tạo thành một vệt kỳ quặc trên nền trời. Nhưng người ta không trông thấy các đám lửa. “Mình cần phải đến xem đằng ấy,” – Mondo nói. Nó nghĩ tới các đám lửa lớn đỏ rực nuốt ngón ngấu các bụi cây và những cánh rừng sồi bần. Nó cũng nghĩ tới những chiếc xe của các nhân viên cứu hoả đậu trên đường vì nó rất thích những chiếc xe màu đỏ.

Đằng tây, tựa hồ có một đám cháy trên biển, tuy nhiên đó chỉ là ánh mặt trời phản hồi. Mondo đứng sững và cảm thấy những ngọn lửa nhỏ của ánh phản chiếu đang nhảy nhót trên mi mắt, rồi nó lại tiếp tục con đường của mình, và nhảy trên đê chắn sóng.

Mondo biết tường tận tất cả các khối xi măng, chúng có vẻ như những con vật to lớn đang nằm ngủ, nửa thân mình ngâm dưới nước, đang sưởi ấm tảng lưng rộng dưới ánh nắng. Chúng mang những vết khắc kỳ cục trên lưng, những vết nâu, đỏ, những con sò bám chặt vào xi măng. Dưới chân đê, nơi biển vỗ đập, đám tảo dạt màu xanh tạo nên một tấm thảm và có cả

từ đám cư dân nhuộm thể cho tới lũ ốc trắng. Mondo biết rõ nhất khối xi măng tít đầu con đê. Nó luôn luôn ngồi tại đây và thích nhất khối bê tông này. Ấy là một tảng hơi nghiêng, nhưng không quá dốc và đã bị bảo mòn đến nhẵn láng. Mondo ngồi ở đó và khe khẽ chào nó. Thậm chí đôi khi nó kể cho tảng bê tông nghe những câu chuyện để giải khuây, bởi lẽ nó hẳn là buồn bã do quanh năm ngày tháng cứ phải nằm ỳ ra đó, không thể nhúc nhích đi đâu được. Bấy giờ Mondo kể cho nó nghe về các cuộc du hành của những con tàu và tất nhiên về biển cả và rồi về những đàn cá voi lớn chậm chạp di chuyển từ cực này sang cực kia của trái đất. Con đê chẳng nói gì, cũng không động đậy, nhưng nó rất thích những câu chuyện Mondo kể. Hẳn vì lẽ đó mà nó hiền hòa, êm đềm đến vậy.

Mondo ngồi rất lâu trên tảng xi măng chắn sóng, ngắm những tia lấp lánh trên mặt biển và nghe tiếng sóng. Khi ánh nắng trở nên gay gắt hơn vào cuối buổi chiều, nó nằm co người, má áp xuống mặt xi măng ấm rục và thiếp đi chốc lát.

Chính vào một trong những buổi chiều nọ, nó đã làm quen với Giordan Người câu cá. Mondo nghe qua khối bê tông tiếng bước chân của một người nào đó đi trên đê. Nó nhòm dậy, sẵn sàng đi trốn nhưng lại nhìn thấy người đàn ông trạc ngũ tuần nọ, vác một chiếc cần câu dài vắt vẻo trên vai và nó không sợ bác ta. Người đàn ông đến tận tảng bê tông bên cạnh và dùng tay làm một cử chỉ thân tình. “Cháu làm gì ở đó thế?” Bác ta ngồi xuống khối xi măng và lấy từ trong chiếc túi vải dầu đủ loại dây và lưỡi câu. Khi bác bắt đầu câu, Mondo tới bên cạnh bác và xem người đi câu sửa soạn lưỡi câu. Bác chỉ cho nó cách người ta mắc mồi như thế nào, rồi quăng dây ra sao, thoát đầu thì thông thả rồi ngày càng mạnh dần đến mức hết dây câu. Người đi câu còn mượn cần câu để nó học cách quay ống dây một cách đều đặn vừa lách cần từ trái sang phải một chút.

Mondo vô cùng yêu quý Giordan Người câu cá bởi lẽ bác chẳng bao giờ hỏi cậu điều gì. Mặt bác đỏ bừng do nắng với những nếp nhăn hằn sâu và hai con mắt nhỏ màu xanh thẫm đến ngạc nhiên.

Bác câu rất lâu cho tới khi mặt trời xuống gần chạm đường chân trời. Giordan ít nói, hiền nhiên là để khối đánh động lũ cá, tuy nhiên bác nở nụ cười mỗi lần cá cắn câu. Bác gỡ lưỡi câu khỏi hàm cá bằng những động tác

dứt khoát và chính xác rồi bỏ nó vào chiếc túi vải dầu. Thịnh thoảng, Mondo lại đi kiểm những con cua xám làm mỗi câu cho bác. Nó tụt xuống chân những tảng bê tông và sục sạo trong các khóm tảo. Khi sóng lui xa, lũ cua xám nhỏ lộ diện và Mondo lấy tay bắt chúng. Giordan Người câu cá đập vỡ chúng trên mặt xi măng và cắt ra bằng một lưỡi dao con cùn gì.

Một hôm, không quá xa trên biển, họ nhìn thấy một con tàu lớn màu đen lướt đi không tiếng động. "Nó tên là gì ấy nhỉ?" - Mondo hỏi. Giordan Người câu cá khum tay che mắt và nheo mắt: "Erythrea – ông trả lời và có vẻ hơi ngạc nhiên - mắt cháu không được tinh cho lắm". "Không phải thế đâu - Mondo nói - Cháu không biết đọc". "Vậy ư?" - Giordan thốt lên. Họ ngắm nhìn hồi lâu con tàu đi qua. "Tên tàu có nghĩa là gì?" Monde hỏi. "Ezythrea ấy à? Đó là tên một nước nằm trên bờ biển châu Phi, trên biển Đỏ". "Thật là một cái tên đẹp - Mondo nói - Đó hẳn phải là một đất nước tuyệt vời". Mondo suy nghĩ một chốc. "Thế biển ở đó tên là biển Đỏ sao?" Giordan Người câu cá cười: "Cháu tin rằng biển ở đó màu đỏ thật ư?" "Cháu không biết nữa." – Mondo nói. "Khi mặt trời lặn, biển trở thành màu đỏ, đúng thế đấy. Nhưng sở dĩ nó được gọi như vậy là do những người từng sống ở đó ngày xưa".

Mondo nhìn con tàu rời xa dần. "Hẳn là nó đi về Phi châu". "Xa lắm - Giordan Người câu cá nói - Nơi ấy rất nóng nực, nắng như đổ lửa và bờ biển chẳng khác nào sa mạc". "Có những cây cọ nữa chứ?". "Phải rồi, và cả những bãi cát dài tít tắp. Ban ngày, biển xanh biếc, cơ man những con tàu đánh cá nhỏ với những mảnh buồm hình cánh chim đi lại dọc theo bờ biển, từ làng này đến làng nọ". "Vậy người ta có thể ngồi trên bãi cát và ngắm những con tàu đi qua không? Người ta ngồi trong bóng râm và vừa trò chuyện vừa ngắm nhìn những con tàu trên đại dương hả bác?". "Đám đàn ông làm lụng, vá lưới và đóng những tấm kim loại vào vỏ những con tàu mắc cạn. trên cát. Lũ trẻ đi kiếm cành khô và đốt lửa trên bãi biển để nấu chảy nhựa dùng vào việc trám những kẽ hở của tàu".

Lúc này, Giordan Người câu cá không nhìn dây câu nữa. Ông phóng mắt ra xa, về phía chân trời như thể tìm cách thật sự trông thấy những điều vừa mô tả. "Thế ở biển Đỏ có cá mập không?". "Có chứ, luôn luôn có một hai con bám theo tàu, nhưng các ngư dân đã quen, họ không để ý đến chúng". "Chúng không hung dữ hay sao?". "Cháu biết đấy, lũ cá mập cũng

giống như bọn cáo vậ. Chúng luôn săn tìm các thứ rác rưởi rơi xuống nước, kiếm thứ gì để chén. Nhưng chúng không ác”. “Biển Đỏ chắc phải lớn lắm nhỉ?” Mondo hỏi. “Ừ, rất lớn là đằng khác... Cơ man những thành phố ven bờ biển, những hải cảng mang những cái tên kỳ quặc... Ballul, Brasillia, Debba... Massawa là một thành phố trắng toát. Tàu bè đi xa dọc theo bờ biển, chúng đi ngày đêm về hướng bắc, đến tận Kasar, hoặc đến các hòn đảo tại Dahlak Kebir, trong quần đảo Nera, thậm chí đôi lần đến tận đảo Farasan ở bờ bên kia đại dương.”

Mondo rất yêu những hòn đảo. “Ồ phải rồi, có vô số đảo, những hòn đảo với những tảng đá màu đỏ và bãi cát, trên đảo là những rừng cọ! Vào mùa mưa, những cơn bão ập đến, gió thổi mạnh đến mức nhổ bật các cây cọ và làm tốc mái các ngôi nhà”. “Vậy những con tàu có bị chìm không?” “Không đâu, mọi người đều trú ẩn trong nhà, không ai ra biển cả. Nhưng chuyện đó không kéo dài quá lâu. Trên một hòn đảo nhỏ, có một ngư dân và gia đình ông ta. Họ sống trong một ngôi nhà lợp lá cọ trên bãi biển. Con trai cả của người dân chài đã lớn, cũng trạc tuổi cháu. Cậu ta xuống tàu cùng với cha và quăng lưới xuống biển. Khi kéo lên, lưới đầy cá. Cậu ta rất thích đi biển với cha mình, cậu khoẻ mạnh và biết lái buồm đón gió rất cừ. Lúc trời yên biển lặng, người dân chài đưa cả gia đình đi thăm cha mẹ và bạn bè trên những hòn đảo bên cạnh và họ quay về nhà vào buổi tối. Con tàu làm lữ đi một mình và biển Đỏ rục rỗng bởi vàng dương lúc chiều tà.”

Trong lúc hai bác cháu nói chuyện, con tàu chở hàng Erythrea đột ngột đổi hướng. Tàu hoa tiêu trở về nháp nhô trên những đợt sóng và con tàu hàng chỉ hú lên một hồi còi ngắn ngủi để chào tạm biệt. “Bao giờ bác đi đến đó hả bác?” - Mondo hỏi. “Đến biển Đỏ ở Châu Phi ấy à? - Giordan Người câu cá cười – Bác không thể đến đó được, bác phải ở lại đây, trên con đê này.” “Sao vậy bác?” Bác bối rối tìm một câu trả lời: “Bởi vì bác, bác là một thủy thủ không có tàu.”

Rồi bác lại bắt đầu ngắm chiếc cần câu của mình. Khi mặt trời xuống sát đường chân trời, Giordan Người câu cá đặt cần câu xuống tảng xi măng và lôi trong túi áo vét ra một cái bánh xăng đuych. Bác chia cho Mondo một nửa và họ cùng ăn vừa ngắm những tia nắng chiếu trên mặt biển.



Mondo rời đi trước lúc đêm xuống để kiếm một chỗ ngủ. “Tạm biệt bác.” - Mondo nói. “Tạm biệt cháu.” Giordan nói. Lúc Mondo đi được một quãng, bác hét to: “Hãy trở lại thăm bác nhé! Bác sẽ dạy cháu học. Chẳng khó lắm đâu”. Bác còn nán lại câu cho đến khi trời tối hẳn và ngọn đèn biển bắt đầu đều đặn gửi đi những tín hiệu cứ bốn giây một lần.

\*

Mọi sự hết sức tốt đẹp, nhưng hãy coi chừng đối với Ciapacan. Sáng sáng, khi ngày ló rạng, chiếc xe tải xám xịt có cửa sổ bịt lưới thép chậm chậm lướt qua các con đường thành phố, chạy sát vỉa hè, không gây ồn ào. Nó lảng vảng rình rập trên các đường phố mờ sương hãy còn ngái ngủ, đi lòng bắt lữ chó hoang và những đứa trẻ lang thang.

Một hôm, Mondo trông thấy chiếc xe khi nó vừa rời khỏi chỗ ẩn náu bên bờ biển và đang đi xuyên qua một khu vườn. Chiếc xe tải đỗ xích cách vài mét phía trước nó và Mondo chỉ vừa vặn đủ thời gian trốn đằng sau một bụi cây. Nó thấy cửa xe phía sau mở ra và hai người đàn ông mặc quần áo màu xám nhảy xuống. Họ mang hai cái bao vải lớn và dây dợ. Họ bắt đầu sục sạo trong các lối đi của khu vườn, và Mondo nghe được câu chuyện của họ khi hai người đi qua bụi cây. “Nó đi qua chỗ này”. “Anh đã nhìn thấy nó à?”. “Ừ, hẳn nó chỉ quanh quẩn đâu đây thôi.”

Hai người đàn ông vận đồ xám rời xa, mỗi người tỏa ra một hướng, còn Mondo ngồi im sau bụi rậm, hầu như không dám thở. Một lát sau, vang lên một tiếng kêu khàn khàn nghẹn ngào, rồi im lặng trở lại. Khi hai người đó quay lại, Mondo thấy họ khiêng vật gì đó trong một chiếc bao. Họ quẳng bao lên phía sau xe tải và Mondo còn nghe thấy những tiếng rít xói vào tai. Trong bao là một con chó. Chiếc xe tải lại đi tiếp không hề vội vã, rồi mất hút sau đám cây của khu vườn. Một người đi ngang qua nói với Mondo rằng chính Ciapacan bắt những con chó vô chủ; ông ta nhìn Mondo chằm chằm và nói thêm để dọa nó rằng đôi khi chiếc xe tải bắt đi cả những đứa trẻ rong chơi thay vì đến trường học. Kể từ hôm đó, lúc nào Mondo cũng cảnh giác trông chừng mọi phía, kể cả đằng sau để chắc chắn nhìn thấy chiếc xe tải xám chạy đến.



Vào giờ bọn trẻ tan học hay những ngày lễ, Mondo biết rõ chẳng có gì phải sợ. Chỉ khi thừa người trên đường phố, sáng sớm hay lúc đêm xuống là phải dè chừng. Có lẽ vì chuyện đó mà Mondo chạy hơi kỳ cục, giống như lũ chó.

Thời kỳ ấy nó đã quen với Gitan, Cosaque và Dadi, ông bạn già của họ. Ấy là những cái tên người dân ở đây, trong thành phố của chúng tôi, gán cho họ bởi người ta không biết tên thật của họ. Gitan không phải là người Tây Ban Nha du cư, song sở dĩ người ta gọi anh như vậy bởi da anh đen sạm, bộ tóc đen nhánh và vẻ ngang tàng của anh; nhưng hẳn là anh có biệt danh kia là do anh ở trong một chiếc Hotchkiss (Một nhãn hiệu xe hơi sang trọng) màu đen cũ kỹ đậu trên bãi đất và việc anh kiếm sống bằng trò biểu diễn ảo thuật. Cosaque đích thị là một người lạ lùng, thuộc chủng Mông cổ, luôn luôn đội một chiếc mũ lông thú to tướng, tạo cho anh ta cái vẻ của một con gấu. Anh chơi đàn ắc coóc đê ông trước hiên các quán cà phê, nhất là buổi đêm vì ban ngày anh say bí tỉ.

Nhưng người mà Mondo thích nhất là lão Dadi. Một hôm khi đi dọc bờ biển, cậu nhìn thấy lão đang ngồi trên một tờ báo trải trên mặt đất. Lão già sưỡi nắng chẳng buồn bận tâm đến người qua kẻ lại đằng trước. Mondo tò mò bởi một chiếc vali nhỏ bằng các tông màu vàng trở nhiều lỗ mà lão Dadi để bên cạnh, trên một mảnh giấy báo khác. Dadi có vẻ hiền lành và làm lì, và Monclo chẳng hề sợ lão. Nó xán lại gần ngó cái va li màu vàng và hỏi Dadi: “Trong va li của lão có cái gì thế?” Lão hơi hé mắt. Không nói không rằng, lão đặt va li lên đầu gối và hé mở nắp va li. Lão nở một nụ cười đầy vẻ bí ẩn vừa luồn tay dưới nắp va li, rồi bắt ra một đôi bồ câu. “Chúng đẹp quá - Mondo nói - chúng tên là gì vậy?” Dadi vuốt ve bộ lông của đôi chim rồi áp vào má lão. “Con này tên là Pilou, còn con kia là Zoé”. Lão giữ cặp chim trong tay, âu yếm cọ chúng vào mặt mình. Lão nhìn ra xa, với đôi mắt ướn và trông không còn tinh tường cho lắm.

Mondo vuốt ve nhẹ nhẹ đầu đôi chim. Ánh mặt trời khiến chúng bị chói và chúng muốn chui vào va li. Dadi hạ thấp giọng nói để vỗ về chúng, rồi lão lại nhốt chúng dưới nắp va li. “Lũ chim thật là đẹp” – Mondo nhắc lại. Và nó bỏ đi, trong khi người đàn ông nhắm mắt và tiếp tục ngủ ngời trên tờ báo.

Lúc đêm xuống, Mondo đến xem Dadi tại bãi đất. Lão cùng biểu diễn với Gitan và Cosaque, nghĩa là ngồi cách xa một chút với chiếc vali màu vàng của mình trong khi Gitan chơi đàn banjo còn Cosaque cất giọng oang oang nhằm lôi kéo những kẻ hiếu kỳ. Gitan chơi tiết tấu nhanh, mắt nhìn các ngón tay múa may vừa hát khe khẽ. Khuôn mặt sẫm đen của anh lấp lánh trong quầng sáng của những cây đèn đường.

Mondo đứng ở hàng khán giả đầu tiên và chào Dadi. Lúc này, Gitan bắt đầu trình diễn. Đứng trước đám đông người xem, anh lấy từ nắm tay ra những tấm khăn tay đủ màu nhanh không thể tin nổi. Những chiếc khăn nhẹ rơi xuống đất và Mondo lần lượt gom chúng lại. Đó là việc của nó. Rồi Gitan lại lấy ra đủ thứ đồ kỳ quặc từ tay anh, nào chìa khoá, nhẫn, bút chì, tranh ảnh, bóng bàn và thậm chí cả thuốc lá đã châm lửa mà anh phân phát cho người xem. Anh làm việc đó lẹ đến nỗi người xem chẳng kịp nhìn đôi tay anh cử động ra sao. Đám đông cười và vỗ tay tán thưởng, rồi những đồng tiền lẻ thi nhau rơi xuống đất. “Ê nhóc, giúp bọn ta nhặt tiền đi” – Cosaque bảo nó.

Gitan đưa tay lấy một quả trứng, bọc nó vào một tấm khăn tay đỏ rồi dừng lại một giây. “Chú... ý!” Tay nó vỗ vào tay kia, khi mở khăn, quả trứng đã biến mất. Người ta lại càng vỗ tay rầm rầm, còn Mondo thì lượm những đồng tiền thưởng thêm bỏ vào một cái hộp sắt.

Đến khi không còn đồng xu nào nữa, Mondo ngồi trên gót chân, chăm chú dõi theo đôi bàn tay của Gitan. Chúng biến hóa rất nhanh, như thể phù phép. Gitan moi từ bàn tay nắm chặt những quả trứng khác, rồi thình lình làm chúng biến đâu mất khỏi tay anh. Cứ mỗi lần một quả trứng mất tích, anh lại nhìn Mondo và nháy mắt "Hop! Hop!"

Nhưng trò hay nhất của Gitan là bỗng nhiên trong tay anh lại xuất hiện hai quả trứng trắng bóc mà người ta không hiểu bằng cách nào; anh dùng hai chiếc khăn tay lớn màu đỏ và vàng quấn xung quanh, rồi giơ hai tay lên không, đứng im một chốc. Khi ấy tất cả mọi người nín thở theo dõi anh “Chú... ý này!”. Gitan hạ tay xuống vừa mở các tấm khăn ra, và hai con bò câu trắng chui khỏi khăn, bay trên đầu anh trước khi đến đậu trên vai lão

Dadi. Người ta ồ lên “Chà, chà!” rồi vỗ tay thật lực và ném xuống một trận mưa tiền.

Khi cuộc trình diễn kết thúc, Gitan đi mua bánh xăng đuych và bia, cả bọn đến ngồi trên bậc lên xuống của chiếc Hotchkiss đen già nua. “Chú đã giúp ta rất đắc lực đấy nhóc ạ” - Gitan bảo Mondo. Cosaque nốc bia và hỏi to: “Con trai anh đấy à, Gitan?” “Không, đó là anh bạn Mondo của tôi”. “VẬY chúc sức khỏe nhé, anh bạn Mondo!”. Anh đã ngà say. “Chú nhóc có biết chơi nhạc không?” “Không, ông ạ.” - Mondo đáp. Cosaque cười ré lên “Không, thưa ông! Không, thưa ông!” - Anh vừa cười vừa lặp lại, nhưng Mondo không hiểu điều gì khiến anh ta buồn cười.

Sau đó Cosaque ôm cây đàn ắc coóc đê ông nhỏ và bắt đầu chơi. Những gì anh tạo ra không thật sự là âm nhạc, ấy là một chuỗi âm thanh lạ lùng và đều đều, khi trầm bổng, lúc khoan lúc nhặt. Cosaque vừa chơi đàn vừa gõ chân xuống đất, cất giọng trầm trầm vừa hát đi hát lại điệp khúc: “Ay, ay yaya, yaya, yaya, ayay, yaya, ay, ay!” Anh hát và chơi ắc coóc đê ông vừa lắc lư nhún nhảy, còn Mondo nghĩ rằng anh ta thật sự giống một con gấu khổng lồ. Người qua lại dừng bước chốc lát nhìn anh, họ cười rồi lại tiếp tục đi.

Khi màn đêm đen kịt bao phủ, Cosaque thôi không hát nữa và đến ngồi trên bậc lên xuống của chiếc Hotchkiss, cạnh Gitan. Họ châm loại thuốc lá đen rất hăng và trò chuyện trong khi uống bia. Họ nói về những điều mù mờ mà Mondo không hiểu lắm về những hồi ức chiến tranh và chuyến viễn du. Thịnh thoảng Dadi cũng lên tiếng, còn Mondo lắng nghe câu chuyện của họ, nhất là chuyện về chim chóc, bò câu và bò câu đưa thư. Bằng cái giọng khê khàng hơi đứt quãng, Dadi kể chuyện về đàn chim nọ bay mãi bên trên đồng ruộng, khi mặt đất lướt đi dưới bụng chúng với những con sông quanh co uốn khúc, hàng cây nhỏ trồng dọc đường quốc lộ tựa những dải ruy băng đen, những ngôi nhà mái đỏ và xám, các trang trại bao quanh bởi những cánh đồng đủ màu sắc, những đồng cỏ, những quả đồi, những mỏm núi giống như những đống sỏi đá. Ông già bé nhỏ còn kể làm thế nào lũ chim luôn trở về nhà chúng, nhận dạng phong cảnh như trên một tấm bản đồ, hoặc đi đây đi đó nhờ các vì sao, như các thủy thủ hay phi công. Chuồng chim tựa những ngọn tháp, nhưng không có cửa lớn, duy chỉ có các ô cửa

sổ chật hẹp sát dưới mái. Khi trời nóng nực, người ta nghe thấy tiếng gù vọng lên từ các mái tháp và họ biết bầy chim đã trở về.

Mondo lắng nghe giọng của Dadi, cậu trông thấy đốm thuốc lá lóe lên trong đêm tối. Quanh bãi đất, xe cộ lăn bánh tạo nên một thứ tiếng động êm như nước và ánh đèn trong các ngôi nhà lần lượt tắt hết. Đã khuya lắm, Mondo cảm thấy mắt mình nhòe đi vì cậu sắp thi u thi u ngủ. Khi đó, Gitan đưa nó vào nằm trong ghé sau của chiếc Hotchkiss và nó qua đêm ở đó. Lão Dadi về nhà, song Gitan và Cosaque không ngủ. Họ ngồi nơi bậc lên xuống của chiếc xe, uống bia, hút thuốc và tán gẫu cho đến sáng.

\*

Mondo rất thích làm chuyện ấy: nó ngồi trên bãi cá, tay ôm gối và ngắm vàng dương nhô lên. Vào lúc gần 5 giờ sáng, bầu trời màu xám trong trẻo, chỉ có vài đám mây hơi nước trên mặt biển. Mặt trời không ló rạng ngay tức khắc, nhưng Mondo cảm thấy nó đang đến từ phía bên kia chân trời, từ từ mọc dậy như một quầng lửa rực cháy. Thoạt tiên, một vàng sáng nhợt nhạt trải rộng trong thinh không, và người ta cảm thấy sâu thẳm trong đó sự rung động lạ lùng khiến chân trời run rẩy. Khi ấy mặt trời tròn trặn hiển lộ trên mặt nước, hắt một chùm ánh sáng thẳng vào mắt, biển và đất dường như hòa lẫn một màu. Một lát sau, xuất hiện những mảng màu đầu tiên, màu xám. Nhưng những cây đèn đường trong thành phố vẫn còn sáng, thứ ánh sáng tái nhợt và mỗi một bởi lẽ ngày còn chưa rạng.

Mondo nhìn mặt trời đi lên khỏi mặt biển. Nó hát khe khẽ một mình, thân và đầu lắc lư, nó nhại lại khúc hát của Cosaque: “Ayay, yaya, yaya, yaya...” Không một bóng người trên bãi cát, chỉ thấy mấy con chim mòng biển chao lượn trên các lớp sóng. Nước rất trong, màu xám, xanh lơ và hồng, rồi những viên đá trắng ời là trắng.

Mondo nghĩ tới buổi ngày cũng đã thức dậy trong long biển tối với bầy cua cá. Có lẽ dưới đáy nước, mọi thứ cũng trở nên tươi hồng và sáng rõ như trên mặt đất chăng? Lũ cá thức giấc và chậm chạp cử động dưới vòm trời tựa như một tấm gương, chúng sung sướng nô giỡn giữa nghìn nghìn vàng

duyên nhảy múa và đàn cá ngựa bơi lên dọc theo những thân tảo để chiêm ngưỡng rõ hơn ánh bình minh. Thậm chí bọn sò còn hé mở lớp vỏ cho ánh sáng lọt vào. Mondo suy nghĩ nhiều về chúng và ngắm nhìn những con sóng lững lờ đổ vào đám đá cuội trên bãi cát thấp lên những tia sáng.

Khi mặt trời lên cao hơn một chút, Mondo đứng lên do cảm thấy lạnh. Nó trút bỏ quần áo. Nước biển êm ái và ấm áp hơn không khí, và Mondo ngâm mình sâu lút cổ. Nó vục mặt xuống, mở mắt trong nước nhìn dưới đáy. Nó nghe tiếng ào xáo mong manh của muôn đợt sóng xô dồn tạo nên một điệu nhạc mà người ta chưa từng gặp trên mặt đất.

Mondo ở dưới nước rất lâu, cho tới các ngón tay nó trắng bệch ra còn đôi chân bắt đầu run rẩy. Khi ấy nó lên ngồi trên bãi biển, lưng dựa vào bức tường kè sát con đường. Và nhắm mắt, nó chờ cho nắng ả bao bọc cơ thể.

Phía trên thành phố, những ngọn đồi dường như xích lại gần hơn. Dòng ánh sáng tươi đẹp chiếu rọi vào cây cối cũng như mặt tiền màu trắng của các tòa biệt thự và Mondo tự nhủ: “Mình phải đến xem sao mới được”. Rồi nó mặc quần áo vào và rời khỏi bãi biển. Hôm đó là một ngày lễ nên nó chẳng việc gì phải sợ Ciapacan. Vào những ngày lễ, lũ chó và bọn trẻ con có thể tự do lang thang trên các đường phố.

Thật buồn là tất cả các cửa hiệu đều đóng cửa. Những người đi chợ không đến bán rau, các hàng bánh mì hạ cửa sắt. Mondo đói. Khi đi qua trước quầy kem tên là Hòn Tuyết, nó mua một chiếc bánh kem có va ni và vừa đi vừa ăn trên đường phố.

Giờ đây, mặt trời đã soi rõ các vỉa hè. Nhưng người ta vẫn chưa ra khỏi nhà. Hẳn là họ đã mệt mỏi cả rồi. Chốc chốc, có một người đi tới và Mondo chào họ, song những người đó có vẻ ngạc nhiên vì tóc và lông mày nó trắng xóa vì muối biển còn khuôn mặt thì bị nắng làm cho nâu sạm. Có lẽ người ta tưởng nó là một kẻ ăn mày.

Mondo vừa mút kem vừa ngắm nhìn tủ kính của các cửa hàng. Dưới đáy tủ kính phía trong có thấp sáng có một cái giường lớn bằng gỗ màu đỏ với những tấm ga và một chiếc gối hoa, như thể có ai đó sắp nằm ngủ. Xa hơn chút nữa, có một chiếc tủ kính chứa đầy những chiếc bếp lò sáng loáng, và

một cái lò quay đang chậm chậm quay một con gà bằng bìa cứng. Mọi thứ thật kỳ quặc. Dưới cửa một cửa hàng, Mondo vớ được một tờ báo ảnh và nó ngồi trên một chiếc ghế dài để đọc.

Tờ báo thuật lại một câu chuyện với những tấm ảnh màu cho thấy một phụ nữ tóc vàng xinh đẹp đang làm bếp và chơi đùa với các con. Đó là một câu chuyện dài và Mondo đọc to lên, kéo sát các bức ảnh vào mắt mình để các màu sắc trộn lẫn vào nhau: “Cậu con trai này tên là Jacques còn cô bé tên là Camille. Mẹ chúng trong nhà bếp và nấu những món ăn ngon tuyệt, nào bánh mì, nào gà quay, bánh ga tô. Bà hỏi chúng: hôm nay các con muốn ăn món gì ngon nào? Mẹ hãy làm cho chúng con một cái bánh mứt dâu thật to - Jacques nói. Nhưng mẹ chúng bảo không có dâu mà chỉ có táo thôi. Camille và Jacques bèn gọt táo và xắt ra thành những miếng nhỏ và mẹ chúng làm món mứt. Bà nấu mứt trong lò. Mùi mứt thơm lừng tỏa khắp nhà. Khi mứt chín, bà mẹ đặt lên bàn và cắt thành từng miếng. Jacques và Camille xoi mứt ngon vừa uống sô cô la nóng. Sau đó chúng nói: Chưa bao giờ chúng con được thưởng thức món mứt tuyệt đến thế!”

Khi Mondo đọc xong câu chuyện, nó giấu tờ báo ảnh vào một bụi cây trong vườn để sau này đọc lại. Nó rất muốn mua một truyện tranh khác, chuyện về Akim trong rừng rậm chẳng hạn, nhưng người bán báo cũng đóng cửa. Giữa khu vườn, có một nhân viên bưu điện về hưu nằm ngủ trên ghế dài. Cạnh ông ta, một tờ báo đã mờ sẫm với một chiếc mũ.

Lúc mặt trời lên cao, ánh sáng trở nên dịu dàng hơn. Những chiếc ô tô nhàn còi đi lại trên các đường phố. Đầu bên kia khu vườn, gần lối ra, một thằng bé con đang chơi với chiếc xe đạp ba bánh màu đỏ. Mondo dừng bước cạnh nó. “Chiếc xe của mày à?” - Nó hỏi. “Phải” - Thằng bé trả lời. “Mày cho tao mượn được không?” Thằng bé kia dùng hết sức để ghi chặt ghi đông. “Không! Không! Xéo đi!” “Cái xe đạp của mày tên là gì?” Thằng bé cúi đầu không đáp, rồi nói liến láu: “Mini”. “Nó đẹp lắm” - Mondo nói. Nó lại ngắm nghía cái xe ba bánh một tí, khung xe sơn màu đỏ, yên màu đen, ghi đông và chắn bùn mạ crôm sáng loá. Nó gạt chuông một hai lần, nhưng thằng bé gạt tay Mondo ra và đạp đi mất.

Không có mấy người trên bãi chợ. Người ta đi lễ theo từng tốp nhỏ hoặc ra biển dạo chơi. Ấy là những ngày lễ mà. Mondo thêm khát gặp ai đó để



hỏi người ta rằng: “Ông bà có muốn nhận cháu làm con nuôi không?” Nhưng có lẽ trong những ngày này, chẳng ai buồn nghe nó cả.

Mondo tình cờ vào trong sảnh lớn của chung cư. Nó dừng lại nhìn những thùng thư rỗng và những bảng quy tắc phòng chống cháy. Nó ấn nút role thời gian của hệ thống thấp sáng và nghe tiếng tích tắc một lát cho tới khi ánh sáng tắt ngấm. Ở cuối sảnh là những bậc cầu thang đầu tiên, tay vịn bằng gỗ đánh xi và một tấm gương lớn đã mờ xỉn được viền quanh bởi những bức tượng bằng thạch cao. Mondo muốn làm một vòng trong thang máy nhưng nó không dám bởi lẽ người ta đã cấm trẻ con chơi đùa với thang máy.

Một phụ nữ trẻ đi vào tòa nhà. Bà thật đẹp với mái tóc màu hạt dẻ lượn sóng và mặc một chiếc váy sáng màu sột soạt khi bước đi. Người bà thom nức. Mondo ra khỏi góc tường nơi cửa ra vào khiến người phụ nữ giật thót. “Cháu muốn gì?” “Liệu cháu có thể lên thang máy cũng bà không?” Người phụ nữ trẻ mỉm cười duyên dáng: “Tất nhiên rồi. Nào, lại đây!” Cái thang máy hơi chòng chành một chút dưới chân hệt một con tàu. “Thế cháu muốn đi đâu nào?” “Cháu muốn lên thật cao”. “Lên tầng 6 ư? Cô cũng vậy”.

Thang máy từ từ đi lên, Mondo ngó trần nhà chạy lùi qua lớp kính. Nhưng cánh cửa rung lên và cứ đến mỗi tầng người ta lại nghe thấy một tiếng động lạ. Người ta cũng nghe thấy tiếng dây cáp rít lên trong lồng thang máy. “Cháu ở đây ư?” – Người phụ nữ trẻ nhìn Mondo vẻ tò mò. “Không thưa bà”. “Vậy cháu đi thăm bạn bè phải không?” “Không bà ạ, Cháu dạo chơi thôi”. “Thế ư?” Người phụ nữ trẻ vẫn nhìn Mondo. Bà có cặp mắt hiền dịu, hơi ướt át. Bà mở cái xác cầm tay và cho Mondo một kẹo bọc giấy bóng kính.

Mondo nhìn các tầng nhà lừ đừ trôi qua. “Cao thật, y như trên máy bay ấy” - Mondo nói. “Cháu đã đi máy bay rồi hay sao?” – “Ồ không, thưa bà, chưa đâu. Đi máy bay hẳn thú lắm”. Người phụ nữ trẻ khẽ cười: “Cháu biết không, máy bay nhanh hơn thang máy nhiều!” “Bay cao hơn nữa chứ!” “Phải rồi, tí tận mây xanh kia!”

Chiếc thang máy đã lên đến nơi với tiếng rền và một cú lắc. Người phụ nữ trẻ đi ra “Cháu ra không?” “Không - Mondo nói - Cháu muốn quay



xuống dưới kia ngay tức khắc”. “Ồ phải. Hãy làm như cháu thích. Để lại đi xuống, cháu ấn vào nút gần cuối ấy, đây này. Cần thận kéo chạm vào nút đỏ, đó là chuông báo động”.

Trước khi đóng cửa lại, bà lại mỉm cười: “Chúc cháu chơi vui vẻ nhé!” “Chào bà” - Mondo nói. Khi ra khỏi tòa nhà, Mondo thấy mặt trời đã lên rất cao, gần như giữa trưa. Ngày trôi nhanh, sáng rồi lại tối. Nếu người ta không lưu tâm, chúng còn qua mau hơn. Chính vì lẽ đó mà người ta luôn hết sức khẩn trương. Họ vội vã làm tất cả những gì phải làm trước lúc mặt trời lặn.

Vào buổi trưa, người ta rải những bước dài trên đường phố. Họ ra khỏi nhà, lên xe ô tô, kéo sập cửa xe. Mondo rất muốn bảo họ: “Khoan đã! Chờ cháu với!” Nhưng không một ai chú ý đến nó.

Vì rằng tim nó cũng đập quá gấp gáp, Mondo đứng lại trong góc phố. Nó đứng im, tay khoanh lại và nhìn đám đông đi trên phố. Họ chẳng còn vẻ mệt mỏi như hồi sáng nữa, Họ rảo bước, chân khua rộn, cười nói âm ỉ.

Trong số họ, có một bà già chậm chạp lê bước trên vỉa hè, lưng còng, không nhìn ai cả. Cái túi bà mang theo đựng đầy thực phẩm và nặng đến mức quệt đất theo mỗi bước chân. Mondo lại gần và giúp bà xách túi. Nó nghe hơi thở nặng nhọc của bà cụ hỏn hỏn ở phía sau.

Bà đứng lại trước cửa một tòa nhà màu xám, và Mondo cũng lên cầu thang với bà. Nó nghĩ rằng bà cụ có thể là bà hay bác mình, song nó không dám nói vì rằng bà cụ hơi nghễnh ngãng. Bà mở một cánh cửa ở tầng tư, đi vào bếp, cắt một lát bánh mì có kèm gia vị. Bà đưa miếng bánh cho Mondo và nó thấy tay bà cụ run lẩy bẩy. Cả giọng bà cũng run run khi bà nói: “Cầu Chúa ban phước lành cho cháu.” Xa hơn chút nữa trên đường phố, Mondo cảm thấy nó bỗng trở nên bé tí tẹo. Nó đi nép sát vào bờ tường, những người quanh nó trở nên cao kều như những cái cây, với khuôn mặt xa lạ tựa ban công của các khu chung cư. Mondo len lỏi giữa tất cả đám người khổng lồ rải những bước dài nghêu ấy. Nó tránh những người đàn bà cao kều chẳng khác gì ngọn tháp nhà thờ, mặc những chiếc váy có chàm rộng thùng thình, và những người đàn ông to lớn hệt các bức tường thành, vận com lê xanh và áo sơ mi trắng. Có lẽ tại ánh sáng ban ngày đã gây nên hiện tượng

trên, ánh sáng phóng đại mọi vật và thu ngắn những cái bóng lại. Mondo luôn vào giữa đám ấy, và duy chỉ những ai nhìn xuống dưới mới có thể nhìn thấy nó. Nó chẳng sợ, trừ những lúc thỉnh thoảng vượt qua đường phố. Nhưng nó tìm ai đó khắp thành phố, trong các khu vườn, ngoài bãi biển. Nó không biết rõ lắm nó đi tìm ai mà cũng chẳng rõ tại sao, tuy nhiên gián dị là một người để sau khi đọc câu trả lời trong mắt người đó, sẽ lập tức nói liền thoảng: “Ông bà có muốn nhận cháu làm nuôi không?”

\*

Mondo đã gặp Thị Chín vào khoảng thời gian nọ, khi ban ngày đẹp trời còn buổi đêm dài và nóng nực. Mondo ra khỏi nơi ả nấu dưới chân đê lúc chiều tối. Làn gió nóng nổi lên từ mặt đất, gió khô khốc khiến những sợi tóc ran ran và làm những cánh rừng sồi bần bốc cháy. Trên những quả đồi phía trên thành phố, Mondo trông thấy một đám khói trắng rộng lớn loang dàn trên bầu trời.

Mondo ngấm dầy đồi ngập nắng một lát rồi men theo con đường dẫn tới đó. Ấy là một con đường quanh co khúc khuỷu, chốc chốc lại tạo thành bậc thang với những bậc xi măng rộng kẻ ô vuông. Hai bên đường, các rãnh nước phủ đầy lá rụng và mẫu giấy.

Mondo rất khoái trèo lên những bậc thang ấy. Chúng chạy ngoằn ngoèo qua triền đồi, không hề vội vã như thể chẳng đưa đến đâu cả. Dọc đường, sừng sững những bức tường đá cao trên cắm mảnh chai đến nỗi người ta ngỡ ngác không biết mình đang ở đâu. Mondo thong thả leo các bậc vừa ngó xem có gì hay ho dưới các rãnh ven đường không. Đôi khi người ta nhặt được một đồng tiền lẻ, một chiếc đinh đã han gỉ, một tấm ảnh hay một thứ quả lạ.

Càng lên cao thành phố càng trở nên bằng phẳng với những góc vuông của các tòa nhà và những đường thẳng của phố xá nơi những chiếc ô tô xanh đỏ qua lại. Biển cũng trở nên phẳng phiu dưới mé đồi tựa một miếng sắt tây. Thỉnh thoảng Mondo ngoái cổ lại nhìn tất cả những cảnh đó qua các cành cây và tường của các biệt thự.

Chẳng có ai trên các bậc thang, trừ một lần Mondo bắt gặp một con mèo vằn to tướng ngồi trong rãnh nước, chén phần thịt còn sót lại trong cái hộp đã rỉ sét. Con mèo nằm mọp xuống, đôi tai cụp lại và đôi Mondo với cặp đồng tử tròn xoe trong hố mắt màu nâu. Mondo lướt qua nó mà chẳng đánh tiếng. Nó cảm thấy hai đồng tử đen vẫn tiếp tục trông theo, cho đến khi nó rẽ vào một khúc ngoặt.

Mondo lặng lẽ leo lên. Nó đặt bàn chân rất nhẹ, tránh những cọng cây khô và nó lướt rất êm, tựa một cái bóng. Những bậc thang này không hợp lý lắm. Khi thì dốc đứng với những bậc nhỏ, ngắn và cao khiến người ta muốn đứt hơi, lúc lại uể oải vươn dài qua các khu đất và bãi rộng. Thậm chí đôi chỗ còn có vẻ muốn đi xuống.

Mondo chẳng hề vội. Nó quệnh quạng bước lên, từ bức tường này sang mảng tường kia. Nó dừng lại để nhìn sục sạo trong các rãnh ven đường hay bút lá cây. Nó vớ lấy một chiếc lá cây hồ tiêu và vò nát giữa các ngón tay để ngửi mùi hăng xộc lên mũi và mắt. Nó hái hoa kim ngân, mút giọt nước nhỏ ngọt lừ đọng dưới đài hoa. Hoặc nó thổi kèn bằng một lá cỏ ép vào môi.

Mondo rất thích dạo bước tại nơi này, tha thẩn một mình qua đồi. Nó càng lên cao ánh mặt trời càng trở nên vàng óng, êm dịu, dường như chúng phát ra từ đám lá của cây cối và từ những phiến đá trong các bức tường già nua. Ánh sáng thấm đẫm mặt đất buổi ngày và giờ đây nó chiếu tỏa, trải tràn hơi ấm và làm nở phồng những cụm mây.

Trên đồi không một bóng người. Chắc là do trời đã xế chiều và cũng bởi khu này hoang vắng. Những biệt thự ẩn trong rừng cây, chúng không buồn tẻ song có vẻ như đang ngủ gà với hàng rào sắt han gỉ và những ô cửa sổ nhỏ đã long tróc khập không kín.

Mondo nghe lũ chim ríu rít trong lùm cây, tiếng cành khua động xào xạc trong gió. Nhất là tiếng một con cào cào, một tiếng rít chói tai di chuyển không ngừng và dường như cũng đi theo Mondo. Chốc chốc, nó rời xa một chút rồi quay trở lại, gần đến nỗi Mondo quay ngó nghiêng thử tìm xem con vật ở đâu. Nhưng rồi tiếng động lại tiếp tục và lại xuất hiện đằng trước hoặc

trên bức tường. Đến lượt mình, Mondo cất tiếng gọi nó bằng cách thổi lá cỏ. Nhưng con cào cào không xuất hiện. Nó thích nấu mình hơn.

Mây lơ lửng trên đỉnh đồi. Những đám mây bình yên trôi về hướng bắc và khi chúng bay qua sát mặt trời, Mondo cảm thấy bóng mây trên mặt mình. Màu sắc chuyển động, thay đổi, ánh vàng thấp lên rồi tắt lịm.

Đã lâu lắm Mondo lại muốn được leo lên ngọn đồi. Từ chỗ trú của mình ở bờ biển, nó thường nhìn thấy đỉnh đồi với tất cả đám cây cối và ánh sáng trong treo lung linh trên mặt trước của những ngôi biệt thự và chiếu tỏa trên bầu trời tựa một vầng hào quang. Chính vì lẽ đó mà nó muốn leo lên đồi, bởi con đường bậc thang dường như dẫn tới bầu trời và ánh sáng. Quả thực là một ngọn đồi xinh đẹp nằm ngay trên bờ biển, sát với mây và Mondo ngắm nhìn nó rất lâu vào mỗi buổi sớm, khi ngọn đồi hãy còn mờ xám và xa xăm, buổi chiều và ngay cả trong đêm khi ngọn đồi lấp lánh các loại ánh sáng điện. Lúc này nó vô cùng háo hức được trèo lên đó.

Trong đồng lá khô, dọc theo những bức tường, những con kỳ nhông chạy trốn. Mondo thử bắt chúng bằng cách rón rén lại gần; nhưng chúng vẫn nghe thấy và bỏ chạy nấp vào các khe rãnh. Mondo huýt sáo qua kẽ răng để gọi lũ kỳ nhông. Nó rất thích có một con kỳ nhông. Nó nghĩ rằng mình có thể thuần dưỡng một con vật và bỏ trong túi quần để đi chơi. Nó sẽ bắt ruồi cho kỳ nhông ăn, và khi nó ngồi sưởi nắng ngoài bãi biển hoặc trên những tảng đá ở đê, con vật sẽ bò ra khỏi túi và leo lên vai nó. Nó bám trên đó không nhúc nhích, cổ phập phồng bởi nhờ thế lũ kỳ nhông mới phun phì phì được.

Rồi Mondo đến trước cửa Ngôi Nhà Ánh Vàng. Lần đầu tiên Mondo vào đó, nó đã gọi như vậy, và kể từ đó cái tên được lưu lại. Đó là một ngôi nhà cổ xinh xắn kiểu Ý, phủ lớp thạch cao màu vàng cam, với những cửa sổ cao có các ô nhỏ đã long hỏng và một dàn nho rậm rạp lấn chồm cả bậc thềm. Quanh nhà có một khu vườn rất rộng nhưng mọc đầy cây ngấy và bạt ngàn cỏ dại. Mondo đẩy cánh cửa sắt và bước theo lối đi trải sỏi dẫn vào nhà êm như ru. Ngôi nhà màu vàng kiến trúc giản dị, không trang trí giả đá hoa và các hình trang trí, nhưng Mondo cho rằng nó chưa bao giờ thấy một ngôi nhà đẹp như vậy.

Trong khu vườn hỗn độn trước nhà, có hai cây cọ tươi tốt vươn lên trên mái nhà và khi gió hơi nổi lên, tàu lá cọ quệt vào máng nước và mái ngói. Quanh những cây cọ là những lùm bụi um tùm, tỏa ra những bụi cây ngậy màu tím bò trên mặt đất như đàn rắn.

Tuyệt nhất là ánh sáng vây bọc ngôi nhà. Chính vì lẽ đó mà ngay lập tức Mondo gán cái tên nọ cho ngôi nhà, Ngôi Nhà Ánh Vàng. Ánh mặt trời lúc cuối chiều mang một màu sắc hết sức êm dịu, một sắc màu ấm nóng tựa lá thu hay cát bao quanh khiến bạn say đắm. Trong lúc thông thả bước trên lối đi trải sỏi, Mondo cảm thấy ánh sáng vuốt ve khuôn mặt mình. Nó buồn ngủ rũ và tim đập chậm hơn. Nó thở rất nhẹ.

Tiếng kêu của con cào cào lại rộ lên, dường như phát ra từ những bụi cây trong vườn. Mondo đứng hẳn lại lắng nghe, rồi từ từ tiến lại phía ngôi nhà, sẵn sàng co giò chạy nếu có một con chó nhảy xổ ra. Nhưng chẳng thấy ai cả. Quanh nó, cây cối trong vườn đứng im lìm, lá rũ xuống vì nóng.

Mondo chui vào một bụi rậm. Nó bò lồm cồm dưới các cành cây, rẽ sang bên những cây ngậy. Nó ngồi trong một chỗ nấp dưới những lùm cây và từ đó chiêm ngưỡng ngôi nhà màu vàng. Hầu như không nhận thấy ánh sáng yếu ớt mặt trước ngôi nhà. Không một tiếng động, ngoại trừ tiếng con cào cào và bầy muỗi vo ve quần lượn trên tóc Mondo. Ngồi xuống đất trên đám lá cây thối, Mondo chăm chú nhìn cửa ngôi nhà, và những bậc cầu thang hình bán nguyệt dẫn tới thềm. Cỏ mọc lan tận các bậc thềm. Một lát sau, Mondo nằm co trên đất, đầu áp vào khuỷu tay và thiếp đi.

Ngủ như vậy thật dễ chịu, dưới gốc cây tỏa hương thơm lừng, không xa Ngôi Nhà Ánh Vàng là mấy, hoàn toàn thả mình trong ấm áp và yên bình, với tiếng rít chói tai của con cào cào bay đi bay lại không ngừng. Khi cậu ngủ, Mondo ạ, cậu không còn ở đó đâu. Cậu đã rời đi nơi khác, lìa xa thân xác cậu. Cậu rời bỏ thân xác mình nằm ngủ dưới đất, cách lối đi trải sỏi vài mét. Chuyện này mới thật lạ lung. Cơ thể cậu còn lại trên mặt đất, nó thở bình thản, gió xua bóng mây che gương mặt cậu với đôi mắt khép lại. Đám muỗi vẫn nhảy múa quanh má cậu, đàn kiến đen khám phá quần áo và đôi tay cậu. Tóc cậu khẽ phơ phát trong làn gió ban chiều. Nhưng còn cậu, cậu không có ở đó. Cậu ở nơi khác kia, chu du trong ánh sáng ấm áp của ngôi nhà, trong mùi thơm của lá cây thối, trong sự ẩm ướt bốc lên từ đất.

Những con nhện rung rinh trên những tấm mạng của chúng bởi đã đến giờ chúng thức dậy. Những con kỳ nhông già màu đen và vàng trườn ra khỏi các khe nứt trên tường nhà và nhìn cậu dò xét, ngón chân xò rộng bám thật chắc. Tất cả mọi người đều nhìn cậu vì cậu ngủ. Và cách đó một quãng ở đầu kia vườn, trong một bụi cây ngậy rườm rà và một bụi cây nhựa ruồi, gần cây bách già khô héo, con cào cào vẫn không chán kéo cưa để trò chuyện với cậu, để gọi cậu. Còn cậu, cậu không nghe thấy nó, cậu đã đi xa rồi.

“Cháu là ai?” - Một giọng nhẹ nhưng vang hỏi. Đột nhiên trước mặt Mondo xuất hiện một người đàn bà, nhưng bà bé nhỏ đến độ trong giây lát Mondo cứ ngỡ đó là một đứa trẻ. Mái tóc đen của bà được óp thành hình tròn ôm lấy khuôn mặt, và bà mặc một chiếc tạp dề dài màu xanh xám. Bà mỉm cười: “Cháu là ai?” Mondo đứng dậy, hầu như không nhỏ bé hơn bà. Nó ngáp dài. “Cháu ngủ ư? Xin bà tha lỗi. - Mondo nói - Cháu đã vào vườn của bà, cháu hơi mệt nên ngủ một chút. Cháu sẽ đi bây giờ”. “Tại sao cháu lại muốn đi ngay cơ chứ? Cháu không thích khu vườn sao?” “Có ạ, nó rất đẹp.” - Mondo nói. Nó tìm kiếm trên khuôn mặt của người đàn bà nhỏ bé dấu hiệu của sự tức giận. Nhưng bà vẫn cười. Cặp mắt xéch biểu lộ một sự tò mò. Xung quanh miệng và mắt bà hằn sâu những nếp nhăn và Mondo hiểu rằng bà đã già. “Hãy đến thăm nhà cùng bà đi” - Bà nói. Bà leo lên cái cầu thang nhỏ hình bán nguyệt và mở cánh cửa. "Lại đây nào!"

Mondo theo sau bà cụ. Đó là một gian phòng lớn gần như trống không được chiếu sáng từ phía bởi những cửa sổ cao. Giữa phòng có một cái bàn gỗ và những chiếc ghế dựa. Trên bàn là một chiếc khay sơn mài trên bày một ấm trà màu đen và những cái chén. Mondo đứng lặng trên ngưỡng cửa, nhìn căn phòng và những khuôn cửa sổ ghép những tấm kính mờ hình vuông nho nhỏ, và ánh sáng hãy còn vàng rực lọt qua. Mondo chưa từng thấy thứ ánh sáng nào đẹp như vậy.

Bà cụ nhỏ thó đứng bên bàn và rót trà vào trong các chén. "Cháu có thích uống trà không? " “Có, thưa bà.” - Mondo trả lời. “Vậy hãy ngồi lại đây nào.” Mondo khép nép ngồi ghé xuống mép ghế. Đồ uống cũng có màu vàng, bóng rẫy trên môi và trong họng. “Nóng thật.” - Nó nói. Bà cụ lặng lẽ nhấp một ngụm. “Cháu còn chưa cho ta biết cháu là ai” - Bà lên tiếng. Giọng bà tựa một điệu nhạc êm ái. "Cháu tên là Mondo" - Mondo nói.



Người đàn bà bé nhỏ mỉm cười nhìn nó. Dường như bà càng bé nhỏ hơn khi ngồi trên ghế. “Bà là Thị Chín”. “Bà là người Trung Quốc ư?” - Mondo hỏi. Người đàn bà bé nhỏ lắc đầu: “Bà là người Việt Nam, không phải người Trung Quốc”. “Đất nước bà xa lắm nhỉ?” “Ừ, rất rất xa là đằng khác”.

Mondo uống trà và sự mệt mỏi tan biến. “Còn cháu, cháu từ đâu đến? Cháu không phải là người ở đây, đúng không?” Mondo chẳng biết phải nói thế nào. “Không, cháu không ở đây” - Nó đáp. Nó cúi đầu, lấy tay rẽ những lọn tóc xõa xuống. Người đàn bà bé nhỏ vẫn mỉm cười, song đột nhiên đôi mắt hẹp của bà lộ chút lo lắng. “Hãy nán lại một lát đã - Bà bảo - Cháu không muốn đi ngay đấy chứ?” “Lẽ ra cháu không nên vào vườn của bà - Mondo nói - nhưng tại cửa mở mà cháu thì lại hơi mệt”. “Cháu vào là đúng - Thị Chín nhỏ nhẹ nói - cháu thấy đấy, bà đã để ngõ cửa cho cháu”. “Vậy bà biết cháu sẽ đến ư?” - Mondo ngạc nhiên. Việc đó làm nó yên tâm. Thị Chín gặt đầu và chìa cho Mondo một hộp sắt tây đầy bánh hạnh nhân. “Cháu đói phải không?” “Vâng” - Mondo nói. Nó nhắm nháp món bánh hạnh nhân vừa ngắm các ô cửa sổ lớn, nơi ánh sáng ủa vào. “Đẹp tuyệt - Nó trầm trồ - Cái gì làm tất cả vàng óng thế kia nhỉ?” “Đó là ánh mặt trời” - Thị Chín giải thích. “Hẳn là bà phải giàu lắm?” Thị Chín cười: “Thứ vàng ấy chẳng thuộc về ai hết”. Họ ngắm nhìn ánh sáng lung linh huyền diệu tựa hồ trong một giấc mơ.

“Cứ như ở xứ sở của bà vậy - Thị Chín khẽ nói - Khi mặt trời lặn, bầu trời trở nên vàng rực như vậy, với những đụn mây nhỏ màu đen nhẹ thênh, tựa lông chim”.

Ánh sáng tràn ngập căn phòng và Mondo cảm thấy khỏe khoắn và thư thái hơn, giống như sau khi đã uống trà nóng. “Cháu có thích nhà của bà không?” - Thị Chín hỏi. “Thích lắm bà ạ” - Mondo nói. Cặp mắt nó phản chiếu màu nắng rực rỡ. “Vậy nếu cháu muốn, đây cũng là nhà của cháu”.

Mondo đã làm quen với Thị Chín và Ngôi Nhà Ánh Vàng như vậy. Nó ở lì trong gian phòng rộng lớn, ngắm nghía các cửa sổ, Ánh nắng vẫn còn vương vấn mãi cho tới khi mặt trời khuất hẳn sau dãy đồi. Thậm chí tận lúc đó, những bức tường trong phòng còn thấm đẫm ánh vàng dường như không chịu tắt. Rồi bóng tối ập tới, và tất cả trở nên xám nhờ, những bức tường, các ô cửa sổ, tóc của Mondo. Cái lạnh cũng ủa về. Người đàn bà bé



nhỏ đứng dậy đi đi thắp một ngọn đèn, rồi bà đưa Mondo ra vườn để ngắm trời đêm. Phía trên những ngọn cây, các vì sao lấp lánh và một mảnh trăng lưỡi liềm mỏng mảnh treo giữa trời.

Đêm ấy Mondo ngủ trên đệm trong căn phòng lớn. Cả những đêm khác nữa nó cũng ngủ ở đó vì nó yêu ngôi nhà này biết bao. Thi thoảng, khi đêm oi ả, nó ra ngủ ngoài vườn, dưới bụi cây thối hay nằm trên bậc thềm trước cửa nhà. Thị Chín ít lời và có lẽ bởi thế nó càng yêu quý bà hơn. Kể từ khi bà hỏi tên và nó từ đâu đến hôm đầu tiên, bà không hỏi Mondo thêm điều gì nữa, bà chỉ cầm tay và chỉ cho nó xem những thứ thú vị ngoài vườn hay trong nhà. Bà chỉ cho nó những viên đá sỏi có hình thù kì dị, những loại lá cây với đường gân mỏng, những hạt cọ màu đỏ, những cây hoa nhỏ màu trắng và vàng mọc giữa những tảng đá. Bà bắt cho nó những con bọ hung đen, những con côn trùng nhiều chân, còn Mondo thì đem cho bà các loại vỏ sò và lông chim mỏng biển mà nó lượm được ngoài bờ biển.

Thị Chín cho Mondo ăn cơm với một bát đầy rau và bao giờ cũng kèm theo trà nóng rót trong những chiếc chén nhỏ màu trắng. Đôi lần, khi đêm đã buông mịt mùng, Thị Chín lấy một tập truyện tranh ảnh và kể cho nó nghe một câu chuyện cổ tích. Đó là một câu chuyện dài xảy ra tại một xứ sở xa lạ, nơi có những tòa nhà mái dốc, những con rồng và loài vật biết nói như con người. Chuyện hay đến mức Mondo không thể nghe hết. Nó ngủ thiếp đi và người đàn bà bé nhỏ nhẹ nhàng đi ra, sau khi đã tắt hết đèn. Bà ngủ trong một gian phòng chật hẹp ở tầng trên. Buổi sớm, khi bà trở dậy, Mondo đã đi từ lúc nào.

\*

Trên bầu trời những quả đồi bùng lên các đám cháy bởi đã sắp sang hè. Ban ngày, người ta trông thấy những cột khói trắng bốc lên trời còn ban đêm ánh sáng hắt ra quãng đỏ tựa đóm thuốc lá đáng lo ngại. Mondo thường nhìn về phía những vụ hỏa hoạn khi lang thang trên bãi biển hoặc lúc leo lên con đường bậc thang đến nhà Thị Chín. Một chiều, nó thậm chí còn về sớm hơn thường lệ để nhỏ cỏ dại mọc quanh nhà và khi Thị Chín hỏi nó làm gì, Mondo nói: “Làm thế để lửa không lan đến đây được.”

Bây giờ hầu như đêm nào nó cũng ngủ lại Ngôi Nhà Ánh Vàng hay ngoài vườn, nó đã bớt sợ chiếc xe tải màu xám của Ciapacan. Nó không đến chỗ nấu nướng trong những tảng đá gần con đê nữa. Ngay khi bình minh vừa bùng dậy, nó đã đi tắm biển. Mondo rất thích làn nước biển buổi sớm trong vắt, tiếng động lạ lùng của sóng lúc người ta lặn xuống dưới lớp nước và những tiếng táo tác trên không của lũ mòng biển. Rồi nó đi qua chợ dỡ vài thùng hàng để mót quả và rau. Sau đó nó mang về cho Thị Chín nấu bữa tối.

Buổi chiều, nó đi tán gẫu một lúc với Gitan đang ngồi mơ màng trên bậc lên xuống của chiếc xe cũ. Họ chẳng nói gì nhiều, nhưng Gitan có vẻ hài lòng khi gặp nó. Tiếp đó, Cosaque đến với một chai rượu, luôn luôn chuếch choáng say và hét lên bằng cái giọng oang oang của mình: “Này, anh bạn Mondo!” Một người đàn bà thỉnh thoảng cũng tới, một phụ nữ to béo với khuôn mặt đỏ ửng và cặp mắt rất sáng, biết xem tướng tay cho khách qua đường. Nhưng khi chị ta tới thì Mondo bỏ đi vì nó không thích người đàn bà nọ.

Nó đi tìm lão Dadi. Không dễ tìm được lão bởi lão thường xuyên đổi chỗ. Lão vẫn ngồi trên tờ báo, cái va li nhỏ trở các lỗ đặt bên cạnh và người qua lại ngỡ lão là người khát thực. Mondo thường bắt gặp lão tại sân trước nhà thờ và nó tới ngồi cạnh lão. Mondo rất khoái lão nói chuyện bởi lão biết cơ man chuyện về chim bồ câu và những con bồ câu đưa thư. Lão kể về xứ sở của chúng, một xứ cỏ cây rậm rạp, những dòng sông êm đềm, những cánh đồng xanh mướt và một bầu trời hiền hòa. Gần các ngôi nhà có những ngọn tháp nhọn lợp ngói xanh đỏ nơi lũ bồ câu sinh sống. Lão Dadi kể bằng một giọng chậm rãi, tựa như đàn chim bay trên trời, ngân ngừ và lượn trong quanh làng mạc. Song lão không kể chuyện đó cho bất cứ ai khác.

Khi Mondo đến ngồi ở sân trước nhà thờ cùng với lão Dadi, mọi người hơi ngạc nhiên. Họ dừng lại nhìn thẳng bé và ông lão với những con bồ câu của mình và họ cho nhiều tiền hơn do xúc động. Nhưng Mondo không ăn xin quá lâu, vì luôn có một hai phụ nữ không thích thấy cảnh ấy và bắt đầu lục vắn. Và rồi nó sẽ khiến Ciapacan chú ý mất. Giả sử chiếc xe tải xám qua đây vào lúc này, chắc chắn những người mặc đồng phục sẽ nhảy bổ ra và lôi nó đi. Thậm chí họ còn tóm luôn cả lão Dadi và lũ bồ câu nữa.

Một hôm, gió nổi mạnh và Gitan bảo Mondo: “Ta đi xem thi thả diều đi”. Chỉ vào những hôm chủ nhật lộng gió thì các cuộc đua thả diều mới diễn ra. Họ ra bãi biển từ sớm, bọn trẻ con đã ở ngoài đó với những cánh diều của chúng, Có đủ loại, đủ màu, nào những con diều hình thoi hoặc vuông, một hoặc hai lớp cánh, trên vẽ đầu các con vật. Tuy nhiên, chiếc diều đẹp nhất thuộc về một người đàn ông trạc ngũ tuần, đứng tít đầu bãi biển. Nó giống một con bướm lớn màu vàng và đen với đôi cánh to tướng. Khi bác ta đâm diều lên, tất cả mọi người đều ngẩn ra nhìn con bướm vàng đen lượn cách mặt biển vài mét một lát, rồi người đàn ông kéo dây và nó bay chéch lên. Khi gió thổi căng phồng đôi cánh, nó bắt đầu cất bông lên. Con diều bay lên trời, cao tít trên mặt biển. Gió lật vào lớp vải ở cánh diều kêu phàn phật. Người đàn ông hầu như đứng im trên bãi biển. Bác thả hết cuộn dây, cái nhìn gắn chặt vào con bướm màu vàng đen chao lượn trên biển. Chốc chốc, người đàn ông lại kéo dây, cuộn vào ống và con diều lại dâng lên trời cao hơn. Bây giờ nó đã lên cao hơn tất cả mọi con diều khác, lượn trên bãi biển với cặp cánh xoè rộng. Nó đứng trên đó, bay không cần cố gắng trong gió mạnh, cao tít đến nỗi người ta không còn trông thấy sợi dây giữ nó đâu nữa.

Lúc Mondo và Gitan lại gần, người đàn ông trao cuộn dây cho Mondo. “Này, giữ cho chắc nhé!” - Bác nói. Bác ta ngồi xuống bãi cát và châm một điếu thuốc lá. Mondo cố chống lại gió. “Nếu nó kéo quá mạnh, cháu hãy nhả bớt dây một tí, rồi sau đó lại kéo vào”. Mondo, Gitan và người đàn ông lần lượt cầm dây diều, cho đến khi tất cả những con diều khác mệt rũ, rơi xuống biển. Mọi người cứ ngửa mặt lên trời nhìn con bướm vàng đen khổng lồ vẫn tiếp tục bay lượn. Đó thực sự là nhà vô địch về diều, chẳng có cái nào khác biết bay cao và lâu như vậy.

Khi ấy, rất từ tốn, người đàn ông hạ con bướm lớn xuống dần từng mét một. Con diều chao lắc trong gió và người ta nghe tiếng không khí quất vào cánh nó lớp lớp còn sợi dây thì rít lên. Đây chính là thời điểm nguy hiểm nhất, bởi dây có thể đứt tung do quá căng, và người đàn ông vừa quấn dây vừa tiến từng tí một. Khi con diều đã vào sát bờ, ông ta kéo mạnh một nhát rồi thả dây ra, và con diều rơi rất nhẹ xuống đám cuội, tựa một chiếc máy bay hạ cánh.

Sau đó vì đã mệt, họ ngồi lại trên bãi biển. Gitan đã mua bánh sẵn và họ vừa ăn vừa ngắm biển. Người đàn ông kể cho Mondo nghe những cuộc thi trên bãi biển ở Thổ Nhĩ Kỳ, nơi người ta gắn những lưỡi dao cạo vào đuôi những con diều. Khi chúng đã lên thật cao trên trời, người ta bèn điều khiển tấn công nhau nhằm cố làm cho chúng rớt xuống. Những lưỡi dao cạo cắt rách các cánh diều. Một dịp đã lâu lắm rồi, thậm chí bác đã thành công trong việc cắt đứt dây một con diều làm nó mất tích ngoài khơi, bị gió cuốn đi tựa một chiếc lá khô. Những hôm gió to, lũ trẻ thả lên hàng trăm con diều và bầu trời xanh dày đặc những chấm màu.

“Hắn là đẹp lắm” - Mondo nói. “Phải, rất đẹp. Nhưng bây giờ người ta không chơi nữa” – Người đàn ông đáp. Bác ta đứng dậy và bọc con bướm lớn màu vàng đen trong một tấm ni lông. “Lần sau, bác sẽ dạy cháu cách người ta làm một con diều thực sự ra sao – Người đàn ông nói - Tháng chín là mùa đẹp nhất và cháu có thể thả con diều của cháu bay liệng như một con chim, mà hầu như không phải đụng tới”. Mondo nghĩ rằng nó sẽ làm một chiếc diều trắng tinh, y như một con chim mòng biển.

Cũng còn một thứ mà Mondo rất thích thỉnh thoảng đi xem. Đó là một con tàu tên là Oxyton. Lần đầu tiên nó bắt gặp con tàu vào khoảng hai giờ chiều, khi mặt trời chiếu xuống mặt nước ở cảng. Con tàu neo ngoài kè, giữa những con tàu khác và nó đu đưa theo sóng. Đó hoàn toàn không phải một con tàu lớn, như tất cả những con tàu có mũi giống mũi cá mập, mang những cánh buồm lớn màu trắng. Không, Oxyton chỉ đơn giản là một con thuyền với cái bụng lớn và một cột buồm thấp ở đằng trước, song Mondo thấy nó hết sức đáng yêu. Nó đã hỏi một người làm việc ở cảng tên con tàu và cả cái tên cũng khiến nó thích thú.

Mondo đến thăm con tàu thường xuyên khi nó quanh quẩn ở vùng đó. Nó đứng trên bờ kè và cao giọng lặp đi lặp lại tên tàu như hát: “Oxyton! Oxyton!” Con tàu giằng giật dây buộc, đụng vào kè rồi lại ngã ra. Vỏ tàu sơn màu xanh và đỏ với mép viền màu trắng. Mondo ngồi trên kè, cạnh vòng dây neo tàu, vừa ăn một quả cam, vừa ngắm Oxyton. Nó cũng ngắm nhìn ánh nắng phản chiếu trên mặt nước, những đợt sóng yếu ớt khiến thân tàu dập dềnh. Oxyton có vẻ buồn bã vì chẳng bao giờ có ai đưa nó ra khơi. Khi đó Mondo nhảy lên tàu. Nó ngồi trên chiếc ghế dài bằng gỗ ở đuôi tàu và chờ đợi, trong khi những con sóng nhồi lắc. Con tàu lắc lư nhẹ nhẹ, xoay

đi một chút, lùi ra khiến dây neo nghiêng kèn kẹt. Mondo rất muốn tình cờ được đi biển với con tàu. Khi đi qua trước con đê, nó sẽ bảo Giordan Người câu cá lên tàu và họ sẽ cùng nhau đi đến biển Đỏ.

Mondo ngồi hồi lâu ở đằng sau tàu, ngắm những tia mặt trời phản chiếu và những đàn cá bé xíu bơi lội. Thỉnh thoảng nó lại ca một khúc hát dành cho con tàu, một khúc hát tự nó phóng tác:

*“Oxyton, Oxyton, Oxyton*

*Chúng ta sẽ ra khơi-oi-oi*

*Chúng ta đi đánh cá*

*Chúng ta đi đánh cá*

*Nào xác đin, nào tôm, nào ngưi!”*

Sau đó Mondo tha thẩn trên mặt kè, cạnh những tàu chở hàng, bởi lẽ ở đó có một chiếc cần trục nó yêu thích.

Có vô khối thứ để xem ở khắp nơi, trên đường phố, ngoài bãi biển, trong những bãi đất hoang. Mondo chẳng hứng lắm với những chốn đông người. Nó thích những khoảng không gian thoáng đãng hơn, nơi người ta có thể phóng tầm mắt ra xa, những đẻo đất, những con đê chắn sóng vươn mình ra biển, những đại lộ thẳng tắp có những chiếc xe chở xi téc lăn bánh. Chính tại những chốn này nó có thể tìm được những người để nói chuyện, để nói với họ một câu đơn giản: “Ông bà có muốn nhận cháu làm con nuôi không?” Đó là những người hơi mơ mộng, họ đi, tay chấp sau lưng vừa nghĩ tới điều gì khác. Có các nhà thiên văn, các giáo sư sử học, các nhạc công, những nhân viên hải quan. Đôi khi là một họa sĩ nghiệp dư ngồi trên một chiếc ghé vẽ tàu bè, cây cối hoặc cảnh hoàng hôn. Mondo đứng lại một lúc cạnh ông ta, ngắm nghía bức tranh. Họa sĩ quay lại và hỏi: “Cháu thích à?” Mondo gật đầu. Nó chỉ một người đàn ông đi dạo cùng con chó trên kè đằng xa: “Ông cũng vẽ cả họ chứ?” “Nếu cháu muốn thế” – Họa sĩ nói. Ông dung một cây cọ mảnh nhất vẽ một đường nhỏ màu đen khá giống một con sấu trên tấm toan. Mondo nghĩ ngợi một chút và nói: “Ông có biết vẽ trời

không?” Họa sĩ ngừng vẽ và sừng sốt nhìn nó: “Trời ư?” “Vâng, bầu trời với những đám mây, mặt trời sẽ đẹp lắm”. Họa sĩ chưa bao giờ nghĩ tới điều đó. Ông nhìn bầu trời trên đầu và bật cười: “Cháu nói phải, bức tranh ta sắp vẽ sẽ chẳng có gì ngoài bầu trời”. “Cả mây và mặt trời nữa chứ?” “Phải rồi, với tất cả mây và vàng dương tủa sang”. “Bức tranh sẽ tuyệt vời - Mondo tán thưởng - Cháu rất mong được xem nó ngay lập tức”. Họa sĩ ngắm nhìn không trung: “Sáng mai ta sẽ bắt đầu. Ta hy vọng là sẽ đẹp trời”. “Hẳn thế rồi, ngày mai trời sẽ đẹp và bầu trời còn đẹp hơn cả hôm nay” – Mondo nói vì nó biết đoán trước thời tiết đôi chút.

Ngoài ra còn có người thợ nhồi lại rom ghé. Mondo thường gặp ông vào buổi chiều. Ông làm việc trong sân của một tòa nhà cũ kỹ cùng với đứa cháu trai tên là Pipo ngồi cạnh và quán mình trong một chiếc áo vét tông to sụ. Mondo rất thích em ông thợ nhồi ghé làm việc, vì đó là một ông già hết sức khéo tay và nhanh nhẹn đan bện những sợi rom; Đứa cháu ngồi im cạnh ông với cái áo vét tông lù xù như một chiếc áo khoác, và Mondo chơi đùa một lúc với thằng bé. Nó mang đến cho Pipo những thứ nó nhặt được trên đường đi, những viên đá kì dị trên bãi biển, những khóm tảo, những con vẹm hoặc một nắm vỏ sò màu xanh xinh xắn đã được sóng biển mài nhẵn bóng. Pipo cầm những viên đá và ngắm nghía chúng hồi lâu rồi bỏ tất cả vào túi áo vét tông. Nó vẫn chưa biết nói, nhưng Mondo rất yêu thằng bé bởi nó ngồi cạnh ông nó không nhúc nhích, quán trong chiếc áo vét tông màu xám dài tận chân và phủ kín cả bàn tay nó hết như y phục của người Trung Hoa. Mondo rất thích những người biết ngồi dưới nắng không nhúc nhích, không nói năng và họ có cặp mắt hơi mơ màng.

Mondo biết khá nhiều người trong thành phố này, nhưng nó không có nhiều bạn bè lắm. Những người nó thích gặp là những người có cái nhìn lấp lánh tươi đẹp và mỉm cười khi thấy bạn như thể họ sung sướng được gặp bạn. Khi ấy Mondo dừng bước, chuyện trò với họ đôi chút, hỏi họ vài câu về biển, bầu trời hay những con chim và khi người ta đi, họ hoàn toàn đổi khác. Mondo không hỏi họ những điều quá hóc búa, mà là những điều người ta đã lãng quên, không nghĩ về chúng từ nhiều năm, chẳng hạn như những cái chai tại sao lại có màu xanh hay tại sao lại có những ngôi sao băng. Cơ hồ đã từ lâu, người ta chờ một lời, chỉ vài từ như vậy, ở góc phố và Mondo biết cách nói những từ ấy.



Cả những câu hỏi cũng vậy. Phần lớn mọi người không biết đặt những câu hỏi hay. Mondo biết đặt những câu hỏi đúng lúc cần, khi người ta không ngờ. Người ta ngừng lại vài giây, thôi không nghĩ về họ và công việc của họ, họ ngẫm nghĩ và mắt họ trở nên thoáng bối rối, bởi họ nhớ ngày xưa đã từng hỏi điều đó.

Có một người Mondo rất muốn gặp. Đó là một người đàn ông còn trẻ, khá cao lớn và mạnh mẽ với một khuôn mặt đỏ phùng phùng và cặp mắt xanh. Chú mặc một bộ đồng phục màu xanh thẫm và đeo một cái túi hai ngăn bằng da đầy thư. Mondo thường gặp chú vào buổi sáng, trên con đường bậc thang dẫn qua đồi. Lần đầu tiên Mondo hỏi chú: “Chú có bức thư nào cho cháu không?” Người đàn ông cao lớn cười. Nhưng Mondo chạm trán chú hàng ngày và ngày nào nó cũng tiến lại phía chú và hỏi y xì một câu: “Thế hôm nay thì sao? Chú có mang bức thư nao cho cháu không?” Khi ấy người đàn ông mở túi và tìm kiếm. “Xem nào, xem nào... Cháu tên gì ấy nhỉ?” “Mondo” - Mondo nói. “Mondo... Mondo... Không, không có thư hôm nay”. Tuy vậy đôi lần, chú lấy trong túi một tờ báo nhỏ hay một tờ quảng cáo và chìa cho Mondo: “Này cầm lấy, hôm nay có thứ này gửi cho cháu đây”. Chú nháy mắt một cái và lại tiếp tục con đường của mình.

Một hôm Mondo rất muốn viết thư, và nó quyết định tìm một ai đó để dạy nó đọc và viết. Nó đi trên đường phố cạnh công viên, nhưng trời nóng nực thành thử những nhân viên bưu điện nghỉ hưu không có ở đó. Nó lại đi tìm ở chỗ khác và đi lang thang ra bờ biển. Mặt trời thiêu đốt và trên đám đá cuội trên bãi cát có một đám bụi muối sáng lấp lánh. Mondo nhìn những đứa trẻ nô giỡn sát mép nước. Chúng mặc những chiếc may ô màu sắc kỳ cục, đỏ cà chua hoặc xanh táo và có lẽ vì thế mà chúng chơi đùa và la hét inh ỏi. Nhưng Mondo chẳng ưa lại gần đám này.

Gần ngôi nhà bằng gỗ trên bãi biển tư nhân, Mondo trông thấy ông già ấy đang dùng một cái cào dài san bằng bãi cát. Ông đã già lắm, mặc một chiếc quần soóc lấm láp đã phai màu. Mình ông màu bánh mì cháy, da sạm và nhăn nheo tựa da một con voi già. Ông chậm chạp kéo lê cái cào dài trên đám đá cuội, từ thấp lên cao trên bãi cát, không hề bận tâm đến lũ nhóc và những người đi tắm biển. Nắng lấp lóa trên tấm lưng và bắp chân ông và

mồ hôi ròng ròng trên mặt. Thỉnh thoảng ông dừng tay, móc trong túi quần soóc ra một chiếc khăn tay và lau mặt, lau tay

Mondo ngồi dựa vào bờ tường, trước mặt ông già. Nó chờ đợi rất lâu cho tới khi ông san xong phần bãi của mình. Khi ông già đến ngồi nghỉ gần bức tường, ông nhìn Mondo. Cặp mắt ông hết sức tinh tường, trông như hai mảnh thủy tinh màu xám nhờ trên màu da đồng của khuôn mặt. Ông có vẻ hơi giống một người Ấn Độ.

Ông nhìn Mondo như thể hiểu rõ nỗi thắc mắc của nó và chỉ nói: “Xin chào?” “Xin ông hãy dạy cháu đọc và viết” - Mondo nói. Ông già ngồi im nhưng không có vẻ gì là ngạc nhiên. “Cháu không đi học sao?” “Không ông ạ” - Mondo đáp. Ông ngồi phệt xuống bãi cát, lưng tựa vào tường, mặt quay về hướng mặt trời. Ông nhìn ra phía trước, sắc mặt hết sức bình thản và hiền từ, bất chấp cái mũi gồ và những nếp nhăn hằn sâu trên gò má. Lúc ông nhìn Mondo, như thể cái nhìn xuyên thấu nó, bởi đồng tử của ông rất sáng. Rồi chợt lóe lên một tia vui nhộn trong cái nhìn của ông và ông bảo: “Ông rất mong muốn được dạy cháu đọc và viết nếu như cháu thích”. Giọng ông hết như đôi mắt, hết sức bình thản và xa xăm dường như sợ quá ồn ào khi nói. “Cháu thật sự không biết tí gì ư?” “Không thưa ông” - Mondo trả lời.

Ông già lấy trong chiếc túi dùng đi tắm biển ra một lưỡi dao nhíp chuôi đỏ cũ kỹ và bắt đầu vạch những chữ trên các hòn đá phẳng phiu. Đồng thời ông giảng giải cho Mondo về tất cả những điều chứa trong các con chữ, về hết thảy những gì người ta có thể thấy trong đó khi xem và nghe chúng. Ông dạy chữ A tựa một con ruồi lớn với đôi cánh gập về phía sau; chữ B buồn cười có hai bụng; chữ C và chữ D giống như vàng trắng khuyết và đầy một nửa; còn chữ O là vàng trắng đêm rằm. Chữ H cao lênh khênh, là một cái thang để trèo lên cây và lên mái nhà; chữ E và F là một cái cào và một cái xẻng, còn G là người đàn ông to béo ngồi trong chiếc ghế bành; I nhảy múa trên đầu bàn chân, có cái đầu nhỏ nổi bật với mỗi cú nhảy, trong khi chữ J đung đưa, nhưng chữ K lại gãy gập y như một cụ già, R rải những bước dài hết một người lính, còn Y đứng, tay giơ lên và kêu: Cứu tôi với! L là một cái cây bên bờ sông, M là một quả núi; N để chỉ họ tên và mọi người đưa tay chào, P ngủ một chân còn Q ngồi trên cái đuôi của mình; S luôn giống như một con rắn, Z là một tia sáng; T đẹp đẽ như cột buồm của một

con tàu, U giống như một cái chấu, V, W là những con chim, đội hình bay của bầy chim; X là một dấu gạch chéo để nhớ.

Bằng mũi dao nhíp, ông già vạch những đường nét lên những viên cuội và bày trước mặt Mondo. “Cháu tên gì?” “Mondo” - Mondo nói. Ông già chọn vài viên cuội, rồi thêm một viên nữa. “Xem này, đây là tên cháu”. “Hay thật - Mondo reo lên - Có một ngọn núi, mặt trăng, một người chào mảnh trăng lưỡi liềm và lại trăng nữa. Tại sao lại có tất cả những mặt trăng này nhỉ?” – “Là tên cháu, thế thôi – Ông già bảo - Cháu tên như vậy đấy”. Ông thu những viên cuội lại. “Còn tên ông, trong đó có những gì?” Ông già chỉ các viên cuội viên nọ tiếp viên kia và Mondo nhặt rồi xếp chúng cạnh nhau. “Có một ngọn núi”. “Phải, đấy là nơi ông chào đời”. “Một con ruồi”. “Có thể cách đây rất lâu, ông là một con ruồi trước khi là một con người”. “Có một người bước đi, một người lính”. “Ông từng là quân nhân”. “Thêm trăng lưỡi liềm”. “Nó đã như thế khi ông sinh ra”. “Một cái cào”. “Đây rồi” - Ông già chỉ cái cào trên bãi cát. “Còn một cái cây trước con sông”. “Phải, có lẽ đó là cảnh nơi ông sẽ quay về khi nằm xuống, một cái cây đứng lặng phắc trước một dòng sông đẹp”. “Biết đọc thật là hay - Mondo nói - cháu ao ước được biết tất cả những chữ kia”. “Rồi cháu cũng sẽ viết được thôi mà” - Ông già nói. Ông đưa lưỡi dao nhíp cho Mondo và nó hí hụi vẽ các chữ rất lâu trên những viên cuội ở bãi biển. Rồi nó xếp chúng sang bên cạnh để xem chúng tạo thành những chữ gì. Luôn có rất nhiều chữ O và chữ I vì nó thích hai chữ đó nhất. Mondo cũng yêu chữ T, chữ Z và những con chim V, W. Ông già đọc: OVE OWO OTTO IZTI và chúng làm cả hai phá lên cười.

Ông già còn biết vô khối những điều thú vị khác mà ông vừa kể vừa ngắm nhìn biển. Ông kể về một xứ sở xa lạ, tí bên kia bờ đại dương, một đất nước cực kỳ rộng lớn nơi có những con người đẹp đẽ và hiền lành, nơi không có chiến tranh và chẳng ai sợ chết. Ở xứ sở nọ có một con sông rộng tí tấp tựa biển khơi và mọi người chiều chiều xuống đó tắm tấp lúc hoàng hôn buông xuống. Khi kể về đất nước nọ, giọng ông già trở nên dịu dàng và thủ thỉ hơn, đôi mắt xám nhạt của ông dõi về phía xa như thể ông ở đó; bên bờ con sông ấy.

“Cháu có thể đến đó cùng ông không?” - Mondo hỏi. Ông già đặt tay lên vai Mondo. “Đương nhiên rồi. Ông sẽ đưa cháu đi”. “Khi nào ông lên

đường”. “Ông cũng chẳng biết nữa. Khi nào ông đủ tiền. Có thể là một năm nữa. Nhưng ông hứa sẽ mang cháu theo”.

Sau đó, ông già lại vớ lấy cây cào và tiếp tục công việc của mình xa hơn một chút trên bãi cát. Mondo bỏ vào túi những viên đá mang tên mình, nó đưa tay ra hiệu chào người bạn mới quen và bỏ đi.

Giờ đây có vô số ký hiệu được viết khắp nơi, trên các bức tường, các cánh cửa hay trên những tấm biển bằng sắt. Mondo vừa đi vừa lảo nhảm đọc chúng trên đường phố và nó nhận ra vài chữ trên đường đi. Trên vỉa hè bằng xi măng, có khắc thế này:

E

NADINE

E

Nhưng thật chẳng dễ hiểu chút nào.

Khi đêm xuống, Mondo trở về Ngôi Nhà Ánh Vàng. Nó ăn cơm với rau trong căn phòng lớn với Thị Chín, rồi đi ra vườn. Nó chờ người đàn bà bé nhỏ trở ra rồi họ cũng thông thả dạo trên lối đi trải sỏi cho đến lúc lọt vào giữa đám cây cối rậm rạp. Thị Chín cầm tay Mondo và xiết chặt làm nó phát điếng. Nhưng thả bộ trong đêm tối như vậy khoan khoái xiết bao, phải rờ rẫm đầu ngón chân để khỏi vấp ngã, chỉ có tiếng sỏi xào xạc dưới gót dẫn đường. Mondo lắng nghe khúc hát ánh ỏi của con cào cào giấu mặt, nó cảm thấy hương của cây rế lá đi trong đêm. Mùi hương khiến hơi choáng váng và người đàn bà bé nhỏ xiết tay nó càng chặt hơn để khỏi chóng mặt. “Ban đêm, mọi thứ thơm quá” - Mondo nói. “Chính bởi chúng ta không nhìn thấy đó thôi - Thị Chín nói - Chúng ta ngửi thấy rõ hơn, và thính hơn khi chúng ta không nhìn thấy”. Bà dừng bước trên đường: “Xem kia, bây giờ chúng ta sẽ ngắm các ngôi sao”. Tiếng kêu lanh lảnh của con cào cào lại rộ lên sát hai bà cháu. Ngàn sao lần lượt xuất hiện hấp háy một cách yếu ớt trong không khí ẩm ướt của buổi đêm. Mondo ngắm nhìn chúng, đầu ngửa ra phía sau, hơi thở chùng lại. “Quả là đẹp, chúng có nói gì không bà Thị Chín?” “Có chứ, chúng nói rất nhiều điều, nhưng người ta không hiểu

những gì chúng nói”. “Ngay cả khi biết đọc, người ta cũng không thể ư?” “Không, người ta không thể hiểu chúng, Mondo ạ. Con người không thể hiểu các ngôi sao nói gì”. “Biết đâu chúng kể những câu chuyện sẽ xảy ra rất lâu về sau thì sao?” “Cháu nói phải, hoặc rất có thể chúng thuật lại những câu chuyện”. Thị Chín cũng lặng ngấm sao, vừa xiết thật tay Mondo. “Có thể chúng nói về con đường phải theo, những xứ sở chúng phải đến”. Mondo nghĩ ngợi. “Bây giờ chúng sáng lấp lánh. Biết đâu chúng là những linh hồn”.

Thị Chín muốn nhìn khuôn mặt Mondo nhưng mọi thứ đều đen thẫm. Khi ấy, bỗng nhiên bà bắt đầu run rẩy, như thể sợ hãi điều gì. Bà kéo tay Mondo áp vào ngực mình và kê má vào vai nó. Giọng bà hết sức lạ lùng và buồn thảm, cơ hồ có cái gì đó làm bà đau đớn. “Ôi, Mondo. Mondo...” Bà lặp đi lặp lại tên nó bằng giọng nghẹn ngào và cơ thể bà run lên. “Bà làm sao vậy? - Mondo hỏi. Nó cố an ủi bà - Cháu đây này, cháu sẽ không bỏ đi đâu, cháu không muốn đi nữa”. Nó không trông thấy mặt Thị Chín song nó đoán chừng bà đang khóc và chính bởi thế mà người bà cứ rung lên. Thị Chín lùi lại một chút để Mondo không trông thấy những giọt lệ lăn dài. “Bà xin lỗi, bà thật là ngốc nghếch” - Bà nói, nhưng giọng cứ nghẹn lại. “Bà đừng buồn” - Mondo nói. Nó dắt bà sang bên kia khu vườn. “Lại đây bà, ta đi xem ánh sáng của thành phố hắt lên trời”.

Hai bà cháu ra tận chỗ người ta có thể trông thấy quầng sáng màu hồng hình chiếc nấm bên trên những ngọn cây. Thậm chí còn có một chiếc máy bay nhấp nháy đi qua và điều đó khiến họ bật cười.

Rồi vẫn không rời tay, họ ngồi xuống lối đi trải sỏi. Người đàn bà bé nhỏ đã quên cơn buồn phiền và bà lại bắt đầu thủ thỉ, không nghĩ xem mình nói gì. Mondo cũng lên tiếng, còn con cào cào nấp trong đám lá vẫn khua rộn những âm thanh chói tai. Mondo và Thị Chín ngồi như vậy rất lâu, cho tới khi mí mắt nặng trĩu. Khi đó họ thiếp ngủ trên đất, và khu vườn chầm chậm, chầm chậm đu đưa tựa một chiếc cầu tàu.

Lần cuối cùng là khi chớm vào hạ. Mondo lặng lẽ ra đi trước bình minh. Nó nhả nha đi xuống con đường bậc thang chạy qua đồi. Cây cỏ còn phủ đầy sương sớm, một màn sương mù giăng trên mặt biển. Trên những chiếc lá bìm bìm rộng bản dọc bức tường rêu phong, một giọt nước treo lấp lánh

tựa một viên kim cương. Mondo hứng miệng phía dưới, vớt chiếc lá và uống giọt nước tươi mát. Những giọt nước bé xíu tan chảy trong miệng và cơ thể nó, làm dịu hẳn cơn đói. Hai bên đường, các bức tường bằng đá khô khốc đã ẩm lên. Lũ kỳ nhông chui ra khỏi những khe nứt để đón ánh ngày.

Mondo đi xuống đồi, đến tận biển, và nó tới ngôi ở chỗ của mình trên bãi biển hoang vắng. Vào giờ này cũng chẳng có ai khác ngoài lũ chim mòng biển. Chúng đập dềnh trên mặt nước dọc bờ hoặc núng nính bước đi trên những đám đá cuội. Chúng há mỏ than vãn. Chúng bay, lượn tròn rồi đầu xuống nghỉ ngơi xa hơn tí chút. Những con mòng biển luôn có giọng điệu kỳ cục vào buổi sáng, dường như chúng gọi nhau trước khi lên đường.

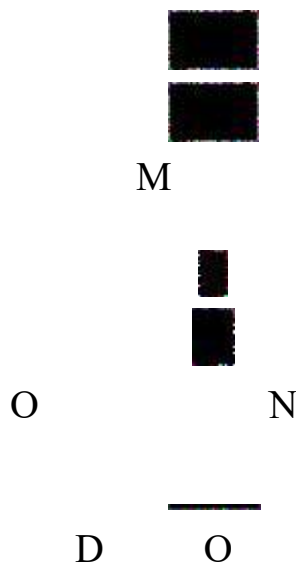
Khi vàng dương nhô cao hơn trên bầu trời màu hồng, những ngọn đèn đường tắt ngấm và người ta nghe thành phố bắt đầu gằm gừ. Đó là một âm thanh xa xôi vọng ra từ những đường phố kẹp giữa các tòa nhà cao ngất ngưởng, một tiếng động trầm đục rung lên qua những viên cuội trên bãi biển. Những chiếc xe đạp máy rì rì chạy trong các đại lộ, chở đàn ông và đàn bà mặc áo anorac, đầu chụp mũ len.

Mondo ngồi bất động trên bãi cát chờ cho mặt trời sưởi ấm không khí. Nó lắng nghe tiếng sóng trườn trên đá cuội, Nó yêu giờ khắc này bởi lẽ chẳng có ai ở gần biển, ngoài nó và lũ chim mòng biển. Khi ấy nó có thể nghĩ tới tất cả mọi người trong thành phố, tới tất cả những người nó sẽ gặp. Vừa lơ lảo ngấm trời biển, nó vừa nghĩ đến họ, như thể những người đó vừa xa vời vừa rất gần, đang ngồi quanh nó. Cơ hồ chỉ cần nhìn thấy họ là họ tồn tại, và nếu quay cái nhìn đi nơi khác là họ sẽ không còn ở đó nữa.

Mondo trò chuyện với mọi người trên bãi biển. Nó nói với họ theo cách của mình, không cần đến lời lẽ mà phát đi những làn sóng; chúng bay về phía họ hòa lẫn vào tiếng sóng, vào ánh sáng và người ta nhận được chúng mà không biết từ đâu đến. Mondo nghĩ đến Gitan, đến Cosaque, đến người thợ nhồi lại rom ghé, đến Rosa, đến bà hàng bánh mì Ida, đến nhà quán quân thả diều hay tới ông già đã dạy nó học và tất cả bọn họ lắng nghe nó. Họ nghe như có một tiếng huýt gió trong tai họ, hay tiếng âm ì của máy bay và họ lúc lắc đầu vì không hiểu chuyện gì. Nhưng Mondo hài lòng bởi có thể trò chuyện với họ theo lối như vậy, gửi cho họ những làn sóng của biển, của vàng dương và bầu trời.



Sau đó Mondo đi dọc theo bãi biển, đến tận ngôi nhà bằng gỗ trên bãi biển tư nhân. Dưới chân bức tường, nó tìm kiếm những viên đá cuội mà ông già đã viết những con chữ lên đó. Mondo đã không quay lại nơi này từ nhiều ngày nay, muối biển và ánh sáng đã xoá đi phân nửa các nét chữ. Với một hòn đá lửa sắc nhọn, Mondo vạch những ký hiệu và sắp xếp các viên cuội lên bờ tường để viết tên mình như thế này:



để ông cụ đọc được tên nó khi ông trở lại và ông biết rằng nó đã đến.

Ngày hôm đó không giống như mọi ngày, bởi lẽ trong thành phố thiếu vắng ai đó. Mondo đi tìm lão ăn mày và những con chim bồ câu, tìm nó nện thình thịch vì biết rằng nó sẽ không thấy lão. Nó tìm lão khắp nơi, trên các đường phố, trong những ngõ nhỏ, ngoài bãi chợ, trước các nhà thờ. Mondo mong gặp lão vô cùng. Nhưng ban đêm, chiếc xe tải xám đã qua đây và những người đàn ông mặc đồng phục đã đem lão Dadi đi.

Mondo tiếp tục lùng tìm Dadi khắp nơi không ngơi nghỉ. Tìm nó ngày càng đập mạnh khi chạy từ nơi này sang nơi khác. Nó ngó nghiêng khắp mọi ngõ ngách mà lão ăn mày thường lui tới, trong góc các công xe, trên cầu thang, gần đài phun nước, trong khuôn viên, ở lối ra vào của các tòa nhà cũ kỹ. Thình thoảng nó bắt gặp trên vỉa hè một mẫu bánh, thế là nó khựng lại nhìn quanh như thể lão Dadi sẽ quay lại ngôi đầu đó.

Rốt cuộc chính Cosaque báo cho Mondo hay tin. Mondo gặp anh trên đường phố gần chợ. Anh ta đi một cách khó nhọc, đứng dựa vào tường bởi anh đã say khướt. Mọi người đứng lại, nhìn anh cười cợt. Thậm chí anh đã đánh mất cây đàn ắc coóc đê ông nhỏ màu đen, một kẻ nào đó đã đánh cắp nó khi anh nằm ngủ quên trời đất. Khi Mondo hỏi lão Dadi cùng lũ bò câu của lão ở đâu, anh ngây người nhìn nó một lát không hiểu, đôi mắt trống rỗng. Rồi anh chỉ cần nhún vai: “Không biết... Đem rồi, họ đã đưa ông ấy đi...” “Người ta mang ông ấy đi đâu?” “Không biết. Chắc là tới bệnh viện”. Cosaque lại cố đi tiếp. “Hượm đã! Thế còn lũ bò câu? Họ có bắt chúng theo không?” “Những con bò câu ấy à?” - Cosaque không hiểu. “Những con chim trắng ấy mà!” “À, phải rồi, tớ cóc biết - Cosaque nhún vai - Cóc biết họ làm gì với lũ bò câu của ông ấy... Có thể họ đã xơi tái chúng rồi cũng nên...” Và anh lại lão đảo tiến dọc theo bức tường.

Khi ấy thành linh Mondo cảm thấy mệt kinh khủng. Nó muốn quay lại ngòai trên bãi cát ngoài bờ biển để đánh một giấc. Nhưng đường quá xa mà nó lại chẳng còn hơi sức nào nữa. Có lẽ quá lâu rồi nó không được ăn uống đầy đủ, hoặc giả đó là sự sợ hãi. Nó cảm tưởng rằng mọi âm thanh cứ dội lên trong đầu còn mặt đất rung chuyển dưới chân.

Mondo kiếm một chỗ trên hè đường và ngòai ở đó, lưng dựa vào tường. Bây giờ nó chờ đợi. Cách đó một quãng, có một cửa hàng bán đồ nội thất với một tủ kính lớn phản chiếu ánh sáng lấp lánh. Mondo ngòai im không nhúc nhích, thậm chí nó không nhìn thấy chân của những người đi qua trước mặt và thỉnh thoảng dừng lại. Nó không nghe thấy những giọng nói. Nó cảm thấy một sự uể oải xâm chiếm cơ thể, dâng lên tựa một cơn ớn lạnh, khiến môi nó mất hết cảm giác và ngăn không cho đôi mắt động đậy. Trái tim nó không còn đập mạnh nữa, lúc này nó đập rất mơ hồ và yếu ớt, khua chậm chạp trong lồng ngực, cơ hồ sắp tắt hẳn.

Mondo nghĩ tới tất cả những chỗ ẩn lánh tốt nhất của nó, tất cả những nơi nó biết bên bờ biển, trong những tảng đá trắng, giữa con đê chắn sóng hay trong khu vườn của Ngôi Nhà Ánh Vàng. Nó cũng nghĩ tới con tàu Oxyton đẹp đẽ đang giẫy dụa để thoát khỏi kè, bởi nó muốn chu du tới tận biển Đỏ. Nhưng đồng thời, dường như nó không thể thoát khỏi cái chỗ đáng

ghét nọ trên vỉa hè, tựa vào khúc tường ấy, dường như đôi chân nó không thể bước nổi nữa.

Khi người ta gọi nó, Mondo không ngẩng đầu lên. Nó ngồi bất động trên vỉa hè, trán tì lên hai cẳng tay. Lúc này, chân của những người đứng lại trước nó tạo nên một bức tường thành hình bán nguyệt như khi người ta xúm lại xem Gitan trở tài. Mondo cho rằng tốt hơn là họ nên đi, tiếp tục con đường của mình. Nó nhìn tất cả những đôi chân kia, những đôi giày da to sụ của đàn ông, những đôi xăng đan cao gót cho phụ nữ.. Nó nghe nhiều giọng nói vang lên quanh mình, nhưng nó không hiểu những gì họ nói. "... Gọi điện đi..." – Những giọng kia bảo. Gọi điện cho ai kia chứ? Mondo nghĩ nó đã biến thành một con chó già lông vàng hung nằm cuộn tròn ngủ trên một góc ở vỉa hè. Không ai có thể trông thấy nó, không một ai chú ý đến một con chó vàng già nua. Cái lạnh tiếp tục chầm chậm bò lên cơ thể nó, lan khắp chân tay, lên bụng, đến tận đầu.

Khi đó chiếc xe tải xám của Ciapacan xuất hiện. Mondo nghe tiếng nó đến, trong giấc ngủ chập chờn của mình, nó nghe tiếng phanh rít lên và cửa xe mở ra. Nhưng nó mặc kệ. Rùng chân người giãn ra một chút và Mondo nhìn thấy những ống quân màu xanh lính thủy và những đôi giày đen đế dày cộp tiến lại gần nó. "Cháu ốm phải không?" Mondo nghe giọng nói của những người đàn ông vận đồng phục. Chúng vang xa hàng ngàn cây số. "Cháu tên gì? Cháu sống ở đâu?" "Cháu sẽ đi cùng chúng ta, cháu có muốn vậy không?"

Mondo nghĩ về những quả đồi bốc cháy, khắp nơi quanh thành phố. Cứ như thể nó ngồi bên bờ đường và thấy những bãi than hồng rực, những đám lửa lớn đỏ lù và nó cảm thấy mùi nhựa cây và làn khói trắng bay lên trời; thậm chí nó còn nhìn thấy những chiếc xe cứu hỏa màu đỏ đỗ trong các bụi rậm và những chiếc vòi dài vươn ra. "Cháu có thể đi được không?" Bàn tay của những người đàn ông lệ làng xốc nách Mondo lên và đưa nó về phía chiếc xe tải nhẹ với cửa hậu đã mở sẵn. Mondo cảm thấy đôi chân quệt đất, đụng vào các bậc lên xuống, nhưng dường như chúng trở nên lạ lẫm, đôi chân của con rối làm bằng gỗ và đinh vít. Rồi cánh cửa xe kéo sập lại và chiếc xe tải bắt đầu lăn bánh qua thành phố. Ấy là lần cuối cùng.

Hai hôm sau, người đàn bà Việt Nam bé nhỏ bước vào căn phòng cảnh sát trưởng. Trông bà nhợt nhạt, cặp mắt lộ vẻ mệt mỏi vì mất ngủ. Bà đã chờ Mondo suốt hai đêm còn ban ngày đi tìm nó khắp thành phố. Ông cảnh sát trưởng nhìn bà không chút tò mò: “Bà là một người họ hàng chăng?” “Ồ không, không - Thị Chín nói. Bà tìm lời - Tôi là một - một người bạn”. Dường như bà càng bé nhỏ hơn, gần như một đứa trẻ cho dù khuôn mặt hằn sâu những nếp nhăn. “Ông có biết cậu bé ở đâu không?” Cảnh sát trưởng nhìn bà, không vội trả lời. Rốt cuộc ông ta đáp: “Cậu ta ở trại cứu tế”. Người đàn bà lặp lại như thể bà không hiểu: “Ở trại cứu tế sao...” Rồi bà gần như kêu lên: “Nhưng không thể như thế được!” “Cái gì không thể được?” - Cảnh sát trưởng hỏi. “Tại sao? Cậu bé đã làm gì?” “Cậu ta khai với chúng tôi rằng không có gia đình, thế là chúng tôi phải đưa cậu ta đến đó.” “Không thể thế được! - Thị Chín nhắc lại - Chẳng lẽ ông không nhận thấy là...” Viên cảnh sát trưởng nhìn bà một cách nghiêm khắc: “Chính bà mới không ý thức được, thưa bà - Ông ta nói: Một đứa trẻ không gia đình, không nhà cửa, lê la ngoài đường phố với những kẻ vô gia cư, những người ăn mày có thể sự việc còn tồi tệ hơn! Nó sống như một kẻ hoang dại, ăn bất cứ thứ gì, ngủ ở bất cứ đâu! Và chẳng người ta đã báo cho chúng tôi về trường hợp của cậu ta, mọi người kêu ca phàn nàn và ít lâu nay chúng tôi đã tìm kiếm cậu ta, nhưng thằng bé rất ma lanh, nó trốn biệt! Bây giờ đã đến lúc mọi việc kết thúc”.

Người đàn bà bé nhỏ nhìn chằm chằm về phía trước, người bà run lên. Viên cảnh sát dịu giọng hơn: “Bà - bà đã chăm sóc cậu ta ư?” Thị Chín gật đầu. “Nghe này, nếu bà muốn nuôi nấng đứa trẻ này. Nếu bà muốn người ta giao cho bà trông nom nó, thì chắc chắn đó là một việc có thể được”. “Nó cần phải ra khỏi...” “Nhưng hiện thời cậu ta phải ở lại trại cứu tế cho tới khi nào tình trạng sức khỏe của cậu ta khá hơn. Nếu bà muốn nhận nuôi cậu, sẽ phải làm một lá đơn, lập một hồ sơ và dĩ nhiên không phải là việc ngày một ngày hai mà xong ngay được”. Thị Chín tìm lời lẽ, song bà không thể thốt lên lời. “Bây giờ cần phải hoàn tất thủ tục hành chính đã. Đứa trẻ đó tên gì nhỉ?”. “Mondo - Thị Chín đáp - Tôi...” “Cậu bé này đang trong thời gian theo dõi. Cậu ta cần được chăm sóc. Ở cơ quan cứu tế, người ta sẽ quan tâm đến cậu, người ta sẽ lập hồ sơ. Bà có biết rằng vào tuổi ấy mà cậu ta không hề biết đọc biết viết, rằng cậu ta chưa bao giờ đến trường không?” Thị Chín gắng nói, song giọng bà tắc nghẹn. “Tôi có thể gặp cháu không, thưa ông?” - Rốt cuộc bà hỏi. “Được, tất nhiên rồi -

Ông cảnh sát trưởng đứng dậy - Vài ngày nữa, khi cậu ta đã khỏe hẳn, bà có thể đến gặp cậu ấy, bà hãy xin phép ông giám đốc”. “Thế hôm nay thì sao? - Thị Chín nói. Bà lại kêu lên, giọng khản đặc - Hôm nay, hôm nay dứt khoát tôi phải gặp cháu!” “Không được đâu, hoàn toàn không thể được. Bà không thể gặp cậu ta trước 4 hoặc 5 ngày” “Tôi xin ông đấy! Việc ấy rất hệ trọng đối với cháu trong lúc này!” Ông cảnh sát trưởng tiến Thị Chín ra cửa: “Không được phép trước 4 hoặc 5 ngày”. Lúc mở cửa, ông ta đột nhiên thay đổi ý kiến. “Hãy cho tôi biết tên và địa chỉ của bà để chúng tôi có thể liên hệ với bà”. Ông ta ghi lại vào một cuốn sổ cũ. “Tốt rồi. Hai hôm nữa bà hãy gọi điện cho chúng tôi để bắt đầu làm hồ sơ”. Nhưng ngay ngày hôm sau, ông cảnh sát trưởng đích thân tìm đến nhà bà Thị Chín. Ông đẩy cổng và bước trên con đường trải sỏi dẫn đến cửa nhà.

Khi Thị Chín mở cửa, ông ta gằn như xô vào; và nhìn quanh gian phòng lớn. “Cậu Mondo của bà” - Ông ta mở đầu. Thị Chín hỏi: “Chuyện gì đã xảy ra với thằng bé vậy?” Bà còn nhợt nhạt hơn cả hôm trước và ngược nhìn viên cảnh sát với vẻ lo sợ. “Cậu ta đã đi rồi”. “Đi rồi ư?” “Phải, bỏ đi, biến mất. Cậu ấy mất tích rồi”. Viên cảnh sát nhìn qua đầu Thị Chín, đưa mắt sục sạo trong nhà. “Bà không thấy cậu ta ư? Cậu ta không tới đây sao?” “Không!” - Thị Chín la lên. “Cậu ta đã đốt cháy tám đệm trong trạm xá rồi lợi dụng cơn hoảng sợ hỗn loạn để chuồn mất. Tôi nghĩ có thể bà đã trông thấy cậu ta qua đây”. “Không! Không!” Thị Chín lại hét lên. Giờ đây đôi mắt hẹp của bà loé lên giận dữ. Viên cảnh sát trưởng phải lùi lại. “Bà hãy nghe tôi. Tôi đã lập tức đến đây để báo cho bà biết. Cần phải tìm ra cậu bé này trước khi cậu ta làm những trò đại đột khác”. Viên cảnh sát trưởng bước xuống bậc thềm hình bán nguyệt. “Nếu cậu ta quay lại nhà bà, xin hãy báo cho tôi hay!” Ông ta đi ra lối đi trải sỏi dẫn tới cổng. “Hôm qua tôi đã bảo bà mà. Đó là một kẻ hoang dại!”. Thị Chín không nhúc nhích trên ngưỡng cửa. Mắt bà giàn dụa còn cổ họng tắc nghẹn đến mức không thể thở được. “Ông chẳng hiểu gì hết”. Bà lẩm bẫm một mình, trong lúc viên cảnh sát trưởng đẩy cánh cổng và xăm xăm sỏi những bước dài xuống chiếc xe hơi màu đen đậu cuối con đường bậc thang.

Khi ấy Thị Chín ngồi xuống bậc thềm màu trắng, và bà ngồi bất động hồi lâu, không nhận thấy ánh vàng đang ủa vào căn phòng lớn trống rỗng, không nghe tiếng kêu chói tai của con cào cào giấu mặt. Bà nức nở, thậm chí không biết đến điều đó và giọt giọt lệ rơi xuống chóp mũi bà rồi rơi

xuống tấm tạp dề màu xanh. Bà biết rằng đứa trẻ với món tóc màu tro sẽ không trở lại, ngày mai cũng như những ngày sau đó. Lúc này mùa hạ sắp bắt đầu, nhưng lạ thay trời cứ như trở lạnh. Hết thấy, ở đây, trong thành phố, chúng tôi cảm thấy điều đó. Mọi người tiếp tục đi lại, bán mua, những chiếc ô tô vẫn lăn bánh trên đường phố và đại lộ, tiếng động cơ gầm gào và bốp còi inh ỏi. Thỉnh thoảng, trên bầu trời xanh ngắt, một chiếc máy bay đi qua để lại đằng sau một vệt trắng dài. Những người khát thực vẫn tiếp tục xin ăn trong các góc tường, ngoài cửa tòa thị chính và các nhà thờ. Nhưng mọi sự không giống như xưa nữa. Dường như có một đám mây vô hình bao phủ trái đất, ngăn ánh sáng rót xuống tràn trề.

Tất cả không còn như trước đây nữa. Và chẳng, ít lâu sau, Gitan cũng bị cảnh sát bắt giữ, một ngày nọ khi người ta nhận anh làm trò ảo thuật trong cả túi khách qua đường. Cosaque thực sự là một tay nát rượu, thậm chí không còn là mình nữa, bởi lẽ anh sinh ra tại Auvergne. Giordan Người câu cá bẻ gãy cần câu của mình trên đê chắn sóng và ông chẳng bao giờ đến được Erythrea cũng như bất kỳ miền đất nào khác. Lão Dadi rút cuộc đã thoát khỏi bệnh viện, nhưng không bao giờ tìm lại được những con bò câu của mình nữa, và để thế chỗ chúng, lão đã mua một con mèo. Ông họa sĩ nghiệp dư cũng không thành công trong việc vẽ bầu trời và ông ta bắt đầu vẽ các thủy thủ và những bức tĩnh vật, còn thằng bé chơi trong khuôn viên đã bị lấy trộm mất chiếc xe đạp ba bánh màu đỏ. Về phần ông già có khuôn mặt người Ấn, ông vẫn cặm cụi san cát ngoài bãi biển, không hành hương về dòng sông Hằng thiêng liêng. Ở đầu dây buộc, bị cột vào cái vòng han gỉ trên kệ, con tàu Oxyton đơn côi lác lác trên mặt nước của cảng, giữa lớp dầu loang, chẳng có ai đến ngồi ở đuôi tàu để hát cho nó nghe một giai điệu.

Giờ đây năm tháng trôi qua mà không có Mondo, bởi lẽ đó là một quãng thời gian vừa dài lại vừa ngắn và rất nhiều người ở đây, trong thành phố chúng tôi, đợi chờ một người mà chẳng dám nói ra.

Không bận lòng về điều đó, chúng tôi thường tìm kiếm người ấy trong đám đông, ở các góc phố, trước cửa nhà. Chúng tôi nhìn những viên cuội màu trắng trên bãi cát, và biển giống như một bức tường. Rồi chúng tôi dần quên lãng.



Rất lâu sau, một hôm, người phụ nữ Việt Nam bé nhỏ dạo bước trong khu vườn của mình, nơi đỉnh đồi. Bà ngồi dưới đám cây thẳng xòà rộng có vô số muỗi vằn nhảy múa trong không khí, và bà nhặt được một hòn đá kỳ lạ được mài nhẵn bởi nước biển. Trên viên đá, bà nhìn thấy những nét khắc nguyệt ngoạc, bị bụi xoá mất phân nửa. Với tất cả sự thận trọng, tim đập gấp gấp hơn, bà lấy góc tấm tạp dề lau sạch lớp bụi và đọc được hai từ viết hoa vụng về:

MÃI MÃI LẮM LẮM.

# NGƯỜI TRỜI

Petite Croix đặc biệt thích làm chuyện này: Cô bé ra tít đầu làng và ngồi thẳng người trên mặt đất cứng, khi trời thật nắng. Cô không động đậy, hoặc gần như thế trong nhiều giờ, thân mình dựng thẳng, đôi chân duỗi dài ra đằng trước. Thỉnh thoảng đôi tay có cựa quậy, như thể chúng độc lập, bút những sợi cỏ để bện những chiếc làn hay các sợi dây. Petite Croix dường như chỉ nhìn đất phía dưới cô, chẳng nghĩ tới chuyện gì khác mà cũng không chờ đợi, chỉ thuần túy ngồi trên đất rắn, tít ngoài đầu làng, nơi dãy núi đột ngột dừng lại và nhường chỗ cho bầu trời.

Ấy là một xứ không người, một xứ sở của cát bụi và đường giới hạn nơi chân trời của những bình nguyên. Đất đai quá cần cỗi để mang lại cái ăn cho con người và trời không mưa. Con đường trải nhựa xuyên từ bên này sang bên kia xứ, song đó là một con đường để đi không dừng lại, không nhìn ngắm những ngôi làng nhuộm bụi, chạy thẳng vào các ảo ảnh, trong tiếng lốp xe nóng bỏng.

Nơi đây, mặt trời chói gắt, dữ dội hơn mặt đất nhiều. Petite Croix ngồi và cảm thấy sức mạnh của nó trên mặt đất và cơ thể cô. “Nhưng cô không sợ mặt trời. Nó đi theo lộ trình dài dặc của mình trên trời mà không bận tâm đến cô. Nó nung đốt các tảng đá; làm khô cạn những dòng suối và giếng nước, khiến các cây nhỏ và bụi gai kêu răng rắc. Thậm chí là lũ rắn và bọ cạp cũng ngán mặt trời và nấp trong hang cho tới khi đêm xuống.

Nhưng Petite chẳng hề sợ. Khuôn mặt làm lì của cô gần như biến thành màu đen và cô phủ lên đầu một vạt khăn. Cô rất yêu chỗ đang ngồi, bên trên vách đá, nơi đất đá hốt nhiên bị bẻ gãy và xé gió lạnh hết mũi một con tàu. Cơ thể cô biết rõ nơi này, nó được tạo ra cho cô. Một chỗ nhỏ vừa vặn khổ người cô; khoét xuống lớp đất cứng theo hình móng và chân cô. Khi ấy cô có thể nán lại đó hồi lâu, ngồi thẳng góc trên đất cho tới khi ánh nắng trở nên lạnh lẽo và ông lão Bahti đến dắt tay cô bé về ăn chiều.

Petite Croix lấy gan bàn tay xoa xuống đất, cô chậm chạp lần các ngón tay theo những đường rãnh do gió bụi để lại, những khe, những mô đất. Bụi cát đã tạo ra một thứ bột mịn cứ tan chuội dưới bàn tay cô. Khi gió nổi lên, bụi lọt giữa các ngón tay, nhẹ nhàng tựa một làn khói rồi mất hút trong không khí. Đất cứng nóng rẫy dưới ánh nắng chói chang. Petite Croix lui tới chôn này đã nhiều ngày tháng. Cô cũng không nhớ rõ lắm việc làm thế nào để tìm ra được chôn này. Cô chỉ nhớ câu cô hỏi ông lão Bahti về bầu trời và màu sắc của trời "Màu xanh là gì?" Lần đầu tiên cô hỏi về chuyện đó và rồi cô đã tìm được nơi này với hố trứng trên đất cứng sẵn sàng đón nhận cô.

Giờ đây, những người dưới thung lũng đã ở xa. Họ đi như bầy côn trùng khoác áo choàng sặc sỡ trên đường, giữa sa mạc và người ta không nghe thấy tiếng ồn ã của họ nữa. Hoặc giả họ đi trên những chiếc xe tải nhỏ vừa nghe nhạc phát ra từ radio kêu kèn kẹt như đám côn trùng. Họ tiến thẳng trên con đường màu đen, qua các đồng ruộng khô hạn và những cái hố ảo ảnh, không buồn nhìn xung quanh. Họ đi như thể sẽ chẳng bao giờ trở lại nữa.

Petite Croix rất thích khi không có người nào quanh cô. Sau lưng cô, đường làng vắng tanh, gió lùa thông thoáng, cơn gió lạnh của sự im lặng. Những bức tường của các ngôi nhà đổ nát phân nửa tựa khối đá nặng nề bất động, bị bào mòn bởi gió, không tiếng động, không sự sống. Gió không nói, không khi nào lên tiếng. Nó không giống như cánh đàn ông và lũ nhóc, cũng chẳng như các con vật. Gió chỉ luôn qua các bức tường, lướt trên những tảng đá và trên đất cứng. Gió thổi thốc vào Petite Croix và bao bọc lấy cô bé, làm mất đi trong chốc lát sự thiêu đốt của mặt trời trên khuôn mặt, khiến tấm khăn bay lất phất.

Ví như gió ngừng lặng, khi ấy có thể người ta nghe thấy giọng nói của đàn ông và đàn bà trên cánh đồng, tiếng rờn rọc rít lên gàn bẻ chừa, tiếng của lũ trẻ trước toà nhà lắp ghép bằng các cấu kiện đúc sẵn để làm trường học, phía dưới, trong làng gồm toàn những ngôi nhà mái tôn. Xa hơn nữa có thể Petite Croix nghe được những đoàn tàu hàng nghiêng ken két trên đường ray, những chiếc xe tải tám bánh gầm gào trên đường, hướng về phía những thành phố còn ồn ào hơn, hoặc chạy về phía biển?

Lúc này Petite Croix chỉ cảm thấy cái lạnh thấm vào cơ thể và cô bé không chịu nổi. Cô chà xát gan bàn tay rồi xoa lên mặt. Đằng sau cô, các đốm không xa, lũ chó sủa ừng ảng một cách vô có rồi lại khoanh tròn nằm ngủ trong góc tường, mũi sục trong đám bụi. Thời điểm này tĩnh mịch đến mức mọi sự có thể xảy đến. Petite Croix nhớ lại câu hỏi mà cô đã hỏi từ bao nhiêu năm nay, cái điều mà cô khao khát muốn biết; về bầu trời và màu sắc của nó. Nhưng cô bé không còn nói to nữa: "Màu xanh là gì?"

Vì không một ai biết câu trả lời chính xác. Cô im lìm, ngồi thẳng sát mép vách đá, trước khoảng trời rộng mở. Cô biết rõ điều gì đó phải đến. Hàng ngày cô ngồi trên đất cứng, ở chỗ của mình và chờ đợi. Gương mặt cô gần như đen sạm bởi nắng và gió, hơi ngược lên cao để không cô một bóng khuất nào trên da. Cô yên lặng, không sợ hãi. Cô biết rõ một ngày kia câu trả lời phải đến mà không hiểu ra sao. Nhưng sẽ chẳng có gì xấu xa, có thể từ trên trời xuống, chắc chắn như thế. Sự im lặng của thung lũng trống trải, của ngôi làng phía sau cô chính là để cô có thể nghe rõ hơn lời giải đáp câu hỏi của mình. Duy chỉ có cô mới nghe được. Ngay cả bầy chó cũng ngủ tít, không nhận thấy điều gì xảy đến.

Thoạt tiên là ánh sáng. Nó gây ra một tiếng động rất êm trên đất tựa hồ tiếng xạc xào của chổi quét lá hoặc một màn bụi nước tiến lại. Petite Croix nín thở lắng nghe và cô phân biệt tiếng động đang đến.

Nó phát ra tiếng chchch và dttdtd, khắp nơi, trên mặt đất, trên đá và trên những mái nhà bằng phẳng; ấy là tiếng động của ánh sáng, rất nhẹ và khá chậm: chập, một thứ ánh sáng hiện hoả không ngần ngại, phóng ra những tia lửa. Nó đến từ trên cao, đối diện với cô và bay ngang qua bầu khí quyển, những cặp cánh nhỏ xíu phát ra tiếng rì rầm. Petite Croix nghe âm thanh xạc xào lớn dần, trải rộng quanh cô. Giờ đây nó dồn về từ khắp mọi nẻo, không phải từ trên cao, mà cả từ đất, đá, những ngôi nhà trong làng, toé ra khắp các hướng như những giọt nước, làm thành những chiếc nơ, những ngôi sao, những bông hoa hồng, ánh sáng vạch những đường cong dài vượt qua đầu cô bé, những vòng cung khổng lồ, những chùm ánh sáng.

Ấy là âm thanh đầu tiên, lời đầu tiên. Trước khi tràn ngập bầu trời, cô nghe những tia sáng chói loà lướt qua và trái tim cô bắt đầu đập nhanh và mạnh hơn. Petite Croix không nhúc nhích đầu và thân mình. Cô nhấc tay

khỏi mặt đất khô nẻ và vươn về phía ánh sáng, lòng bàn tay quay ra phía ngoài như cần phải làm thế. Khi đó cô cảm thấy sức nóng lướt qua đầu ngón tay tựa một cái vuốt ve, ánh sáng, nổ lách tách mái tóc dày của cô, trên những sợi lông vải của tấm khăn, trên hàng mi của cô. Làn da của ánh sáng mềm mại và rung rinh lay động, cọ tấm lưng và cái bụng mênh mông vào lòng bàn tay mở rộng của cô bé.

Vẫn nhu lúc đầu, ánh sáng xoay quanh cô bé, và quệt vào gan bàn tay của cô như lũ ngựa của lão Bahti. Nhưng bầy ngựa này còn đông đúc và hiền dịu hơn, chúng lập tức đến bên cô như thể cô là chủ nhân của chúng. Chúng đến từ đỉnh trời, nhảy từ ngọn núi này sang ngọn núi khác, qua những thành phố lớn, qua những con sông, không hề gây ồn ào, chỉ có tiếng sệt soạt mịn như nhung của lớp lông tuyết.

Petite Croix hết sức thích thú khi chúng tới. Chúng chỉ đến vì cô, có lẽ để giải đáp câu hỏi của cô bởi lẽ cô là người duy nhất hiểu chúng và yêu quý chúng. Những người khác sợ hãi và làm chúng hoảng hồn và chính vì lẽ đó mà họ chẳng bao giờ nhìn thấy bầy tuấn mã của trời xanh. Petite Croix gọi chúng, dịu dàng nói với chúng bằng giọng khe khẽ, vừa hát nhỏ nhỏ bồi lẽ bầy tuấn mã của ánh sáng cũng giống như bầy ngựa trên mặt đất, chúng ư giọng nói êm dịu và những bài ca.

"Tuấn mã, tuấn mã

Hỡi bầy tuấn mã nhỏ của trời xanh.

Hãy bay mang ta theo

Hãy bay mang ta theo

Bầy tuấn mã nhỏ của trời xanh“.

Cô bé nói "những con tuấn mã nhỏ" để làm chúng vui thích, bởi hẳn chúng không thích biết rằng chúng khổng lồ.

Tựa như lúc đầu, sau đó mây kéo tới. Những đụn mây không giống như ánh sáng. Chúng không mon trón lưng và bụng vào lòng tay cô bé vì quá

nhẹ và mỏng mảnh đến mức có cơ tan thành những sợi tơ như hoa cây bông vải. Petite Croix biết rõ chúng. Cô biết rằng mây rất không ưa thứ gì có thể làm chúng tan ra, khi đó cô kìm hơi thở và chỉ thở những hơi ngắn giống như lũ chó sau khi đã chạy hồi lâu. Điều đó khiến họng và phổi cô bị lạnh, cô cảm thấy mình cũng trở nên yếu ớt và nhẹ tênh tựa những áng mây. Khi ấy mây có thể đổ đến.

Thoạt tiên chúng ở cao tít, vươn dài, chông đống, thay đổi hình dạng, qua lại trước mặt trời, và bóng chúng đổ trên đất cứng và trên mặt Petite Croix như luồng gió từ một chiếc quạt.

Trên làn da gàn như đen sạm nơi gò má, trên trán, trên mi mắt và đôi bàn tay của cô bé, bóng mát lướt qua làm dịu bớt ánh sáng, tạo nên những điểm lạnh và trống trải, ấy là màu trắng, màu của những đám mây. Lão Bahti và thầy Jasper ở trường bảo Petite Croix: màu trắng là màu của tuyết, màu của muối, của mây và của gió phương bắc. Đó cũng là của xương và răng. Tuyết giá lạnh và tan trong tay, còn gió cũng lạnh và chẳng có ai có thể giữ nó được. Muối làm bỏng rộp môi, Xương là của những kẻ chết và răng thì tựa những viên đá trong miệng. Nhưng bởi vì màu trắng là màu của sự trống rỗng, vì chẳng có gì còn lại sau màu trắng

Những đụn mây cũng như vậy. Chúng lơ lửng cao tít, đến từ đỉnh trời xanh, lạnh lẽo như gió, nhẹ và mỏng manh như những bông tuyết. Chúng không ồn ã khi bay tới, hoàn toàn lặng lẽ như những người đã khuất, còn lặng lẽ hơn cả lũ trẻ chăn trâu dò dẫm bước trên dèo đá quanh ngôi làng.

Nhưng chúng lại thích đến thăm Petite Croix, chúng không hề sợ cô. Giờ đây chúng nở phình xung quanh cô, trước vách đá dốc đứng. Chúng thừa biết Petite Croix là một người im lặng. Chúng biết rằng cô không làm hại chúng. Những cụm mây phồng to ra và trôi qua sát cô bé, vây bọc lấy cô và cô cảm nhận rõ sự tươi mát, hàng triệu giọt nước li ti thấm ướt da mặt và cặp môi cô tựa sương đêm, cô nghe thấy tiếng động rất êm phảng phất quanh mình và cô lại cất giọng hát dành cho chúng:

*“Mây ơi, mây ơi*

*Hỡi những áng mây nhỏ của trời*



*Hãy bay mang ta theo*

*Hãy bay mang ta theo*

*Trong bầy của các bạn"*

Cô nói "những áng mây nhỏ" song cô biết rằng chúng lớn hết sức vì sự tươi mát của chúng bao phủ hồi lâu, che cả cái nóng bức của mặt trời lâu đến nỗi cô rùng mình vì lạnh"

Cô cử động một cách từ tốn khi mây ở phía trên để khỏi làm chúng hoảng hốt. Những người ở đây không biết cách nói chuyện với mây. Họ gây quá nhiều ồn ã, làm quá nhiều cử chỉ khiến mây nán lại cao tít trên trời. Petite Croix chậm rãi đưa tay lên mặt và áp má vào lòng tay. .

Rồi các đụn mây tản ra. Chúng bỏ đi nơi khác, nơi chúng có việc phải làm, xa hơn bức tường thành của bình nguyên, xa hơn những thành phố. Chúng ra tận biển; chốn mọi thứ luôn xanh biếc để làm mưa vì rằng đó là việc chúng khoái nhất trên đời: Làm mưa giăng trên mặt biển xanh. Lão Bahti bảo biển khơi là nơi tuyệt nhất trần gian, nơi tất cả đều xanh thật sự. Có hết thảy các loại màu xanh trong đại dương, lão Bahti bảo thế. Petite Croix hỏi làm sao ở đó lại có thể có nhiều loại màu xanh như vậy. Tuy nhiên có vô số các màu xanh, như nước người ta uống chẳng hạn, đầy miệng và chảy xuống bụng, khi thì lạnh, khi thì nóng

Petite Croix vẫn chờ, những kẻ khác hẳn sẽ đến. Cô bé chờ mùi thơm của cây cỏ, mùi ấm nồng của lửa, đám bụi vàng xoay tròn nhảy múa, chim kêu một lần duy nhất và phát cánh qua mặt cô. Chúng luôn đến khi cô ở đó. Chúng không sợ cô. Chúng luôn lắng nghe câu hỏi của cô về bầu trời và màu sắc của nó và chúng lướt gần đến mức cô cảm thấy không khí lay động mái tóc và hàng mi.

Rồi bầy ong bay tới. Chúng rời khỏi tổ dưới thung lũng từ sớm. Lũ ong thăm tất cả những đám hoa dại trên cánh đồng, giữa các khối đá. Chúng biết rõ các loài hoa và chân chúng chở nặng phấn hoa. Petite Croix nghe chúng bay đến, luôn vào một giờ nhất định, khi vầng dương đã lên cao. Cùng lúc

cô nghe thấy tiếng chúng ở khắp mọi phía bởi chúng đến từ trời xanh thăm thẳm. Khi ấy Petite Croix lục lọi trong túi áo vét và lấy ra những hạt đường. Bầy ong rung cánh trong thình không, giai khúc rừ rì lan xa trong khoảng trời, dội trên đá, và lướt qua tai và Petite Croix.

Hàng ngày, chúng đến vào thời gian nhất định. Lũ ong biết rằng Petite Croix đợi chúng và chúng cũng rất yêu cô. Chúng kéo tới hàng đàn, từ khắp mọi hướng, vừa tấu lên khúc nhạc của loài ong trong làn ánh sáng màu hổ phách. Chúng đậu xuống lòng bàn tay của Petite Croix và nhấm nháp đường về hết sức khoái trá. Rồi đàn ong dạo chơi trên mặt, má và miệng cô bé, chúng bò rất êm những cặp chân nhẹ nhõng cù lên làn da khiến cô bé bật cười. Nhưng Petite Croix không dám cười to để khỏi làm chúng hoảng hốt. Bầy ong rầm rì trên mái tóc huyền của cô, sát bên tai và tạo nên một giai điệu đầu đầu nói về hoa cỏ và cây cối, về tất cả những cây và hoa mà chúng đã thăm hỏi sáng. "Hãy nghe chúng tôi – bầy ong lên tiếng - chúng tôi đã thấy cơ man là hoa trong thung lũng, chúng tôi đã đến tận đầu thung lũng mà không dừng lại vì gió mang chúng tôi đi, rồi chúng tôi trở về, từ bông hoa này sang bông hoa khác", Các bạn gặp những gì?" - Petite Croix hỏi.

“Chúng tôi thấy hoa hướng dương vàng rực, hoa cúc gai màu đỏ, hoa Ocotillo tựa một con rắn với cái đầu đỏ. Chúng tôi gặp cây hoa xương rồng lớn màu tím hoa tựa đặng ten của những cây cà rốt hoang, hoa cây thẳng. Chúng tôi thấy hoa độc của cây Senecio, hoa chàm loãn xoắn, những cánh hoa nhẹ nhàng của cây hoa xôn đỏ”. "Còn gì nữa?". "Chúng tôi bay tới những bông hoa xa nhất, óng ánh trên cây hoa lốc dại, chúng tôi trông thấy những ngôi sao đỏ của cây hoa gắm Mêhicô, bánh xe lửa, hoa sữa. Chúng tôi bay trên đồng, uống thoả thuê mật hoa dương kỳ thảo và nước cây bạc hà chanh. Thậm chí chúng tôi được chiêm ngưỡng loài hoa đẹp nhất thế gian, loài hoa trắng như tuyết vươn rất cao khỏi những chiếc lá giống lưới kiếm của cây ngọc giá. Tất cả những loài hoa ấy là để dành cho bạn, Petite Croix ạ, chúng tôi mang chúng đến cho bạn để cảm ơn bạn.

Bầy ong nói như vậy và còn nhiều điều khác nữa. Chúng kể về thứ cát màu đỏ và xám lấp lánh dưới ánh nắng, những giọt nước đọng trên lớp lông tơ của cây xương khô hoặc trên cây thù. Chúng kể về cơn gió quét sát mặt đất khiến cỏ đổ rạp. Chúng nói về vàng dương mọc lên và lặn xuống, về những ngôi sao chọc thủng đêm đen.

Chúng không nói bằng ngôn ngữ con người nhưng Petite Croix hiểu những điều chúng diễn tả và nhịp rung của hàng ngàn đôi cánh làm hiện lên trong mắt cô những đóm, những ngôi sao và hoa. Bầy ong hiểu biết bao điều! Petite Croix xò rộng hai bàn tay để chúng có thể ăn hết những hạt đường cuối cùng và cô bé cũng hát cho chúng nghe, hầu như không hé môi, khi ấy giọng cô tựa hồ tiếng ran rỉ côn trùng

*“Ong ơi, ong ơi*

*Hỡi bầy ong xanh của trời*

*Hãy bay mang ta theo*

*Hãy bay mang ta theo*

*Trong bầy của các bạn”*

Khi lũ ong đã bay đi rồi, vẫn còn im ắng rất lâu.

Gió lạnh mơn trớn trên khuôn mặt của Petite Croix và cô hơi quay đầu để thở. Đôi tay cô chấp trước bụng dưới tấm khăn và cô ngồi bất động, thẳng người trên đất cứng. Ai sẽ tới vào lúc này? Vàng dương đã cao trên bầu trời xanh, đổ bóng xuống khuôn mặt cô bé, dưới mũi và tròng mày.

Petite Croix nghĩ đến người lính lúc nãy hẳn đang sải bước đến đây. Chú men theo con đường dẫn lên mỏm núi đến tận ngôi làng xưa cũ bỏ hoang. Petite Croix lắng nghe, nhưng cô không nghe tiếng bước chân chú. Và lại, lũ chó cũng không sủa. Chúng vẫn ngủ vùi trong góc tường, mũi sục trong bụi.

Gió rít và rên rỉ trên đá, trên mặt đất rắn đanh, ấy là những con vật mình dài nhanh nhẹn, những con vật có mũi dài và đôi tai nhỏ xíu nhảy nhót trong làn bụi và tạo ra một tiếng động nhẹ. Petite Croix biết rất rõ những con vật nọ. Chúng ra khỏi hang ở đầu bên kia thung lũng và phóng chạy, phi thật nhanh, đùa giỡn, nhảy qua các dòng thác, thung lũng, khe rãnh. Chốc chốc, chúng dừng lại thở hổn hển và ánh sáng lấp loá trên bộ lông

mao vàng rực của chúng. Rồi chúng lại bắt đầu những cú nhảy trên bầu trời, cuộc rượt đuổi cuồng dại, chúng ào qua Petite Croix, xô động mái tóc và quần áo của cô, đuôi chúng quất vào không khí phát ra tiếng huýt. Petite Croix vươn tay cố gắng chặn chúng lại để tóm lấy đuôi chúng. "Đừng! Đừng lại Các bạn chạy quá nhanh! Hãy dừng lại!". Song những con vật không nghe cô. Chúng nhảy múa đùa giỡn sát cạnh cô, luồn vào đôi tay, phả hơi thở của chúng vào mặt cô. Chúng chế nhạo cô bé. Nếu như cô có thể bắt được dù chỉ một con, cô sẽ không bao giờ thả ra nữa. Cô biết mình sẽ làm gì. Cô sẽ nhảy lên lưng nó như cưỡi một con ngựa, cô ôm thật chặt cổ nó và háp! Chỉ với một cú nhảy, con vật sẽ mang cô lên giữa trời. Cô bay và chạy cùng với nó nhanh đến nỗi không ai có thể trông thấy cô. Cô lướt trên cao, bên trên thung lũng, núi non, các thành phố và thậm chí đến tận biển, cô lướt đi suốt khắp khoảng trời xanh. Hoặc cô sà thấp sát mặt đất, qua đám cành cây và cỏ gây ra tiếng động rất êm tựa nước chảy rì rào. Thật tuyệt vời.

Nhưng Petite Croix không bao giờ có thể tóm được dù chỉ một con vật. Cô cảm thấy lớp da trơn láng trượt qua những ngón tay cô, xoáy tít quần áo và mái tóc cô. Đôi khi những con vật trở nên chậm chạp và lạnh như những con rắn.

Chẳng có người nào trên mỏm núi. Bọn trẻ trong làng không bén mảng đến đây, trừ đôi khi để bắt lũ rắn ráo. Một hôm, chúng đến mà Petite Croix không biết. Một đứa trong bọn bảo: "Chúng tao mang đến cho mày một món quà đây". "Cái gì thế?". - Petite Croix hỏi. "Cứ xòe tay ra, mày sẽ biết" - đứa bé kia nói và khi nó bỏ con rắn ráo vào tay Petite Croix, cô giật nảy mình nhưng không kêu thét lên. Cô rùng mình từ đầu đến chân. Lũ nhóc cười ré lên, nhưng Petite Croix để con rắn bò xuống đất, chẳng nói năng gì rồi cô giấu tay dưới tấm khăn.

Giờ đây chúng là bạn bè của cô, tất cả những loài bò trên đất cứng không gây động, những loài thân dài lạnh như nước, những con rắn, rắn thủy tinh, thần lằn. Petite Croix biết cách trò chuyện với chúng. Cô khe khẽ gọi chúng, huýt sáo qua kẽ răng và chúng tiến lại phía cô. Cô không nghe thấy tiếng chúng đến nhưng cô biết chúng đang bò lại gần, từ khe nứt này đến khe nứt khác, từ phiến đá này sang phiến đá khác, chúng ngóc đầu dậy để nghe rõ hơn tiếng huýt sáo ngọt ngào và cổ chúng phập phồng. "Rắn ơi,

rắn oi” - Petite Croix lại hát. Không phải tất cả đều là rắn, song cô thích gọi chúng như vậy:

*“Rắn oi, rắn oi*

*Hãy bay mang ta theo*

*Hãy bay mang ta theo”*

Lũ rắn đến, trườn lên đầu gối cô, chúng nằm sưởi nắng chốc lát và cô rất thích khi cảm nhận trọng lượng không đáng kể của chúng trên bắp chân. Rồi bầy rắn bỗng phóng vụt đi vì chúng hoảng sợ khi gió nổi hoặc khi đất rung lên. .

Petite Croix lắng tai nghe bước chân của người lính. Ngày nào chú cũng tới vào cùng một giờ khi mặt trời chiếu thẳng vào mặt và mặt đất ấm nóng dưới bàn tay. Không phải bao giờ Petite Croix cũng biết chú đến bởi chú bước êm ru trên đế đế giày cao su. Chú ngồi trên một tảng đá, bên cạnh cô và nhìn cô hồi lâu mà chẳng hề nói gì. Tuy nhiên, Petite Croix cảm thấy ánh mắt của chú dõi vào mình và cô hỏi: “Ai ở đó thế?”.

Đó là một người lạ, không nói sỏi ngôn ngữ vùng này, giống như những người đến từ các thành phố lớn bên bờ biển. Khi Petite Croix hỏi chú là ai, chú mình là người lính và kể về một cuộc chiến tranh tại một đất” nước xa xôi trước kia. Nhưng có lẽ giờ đây chú không còn là quân nhân nữa.

Khi tới đây, chú mang cho cô mấy bông hoa dại hái dọc đường lên núi. Những bông hoa dài và gầy guộc với lớp cánh xoè ra tựa đám mây trắng. Nhưng Petite Croix rất yêu chúng và cô nắm chặt trong tay "cháu làm gì vậy?". "Cháu ngắm bầu trời - Petite Croix nói - Hôm nay, trời rất xanh phải không?". “Ừ” – người lính nói, Petite. Petite Croix luôn luôn trả lời như vậy vì cô không thể quên được câu hỏi của mình. Cô hơi ngược mặt lên rồi chậm chậm đưa tay lên trán, gò má và mi mắt. "Cháu tin cháu biết làm gì” – cô nói "Sao cơ?". "Màu xanh ấy. Rất nóng trên mặt cháu“. "Đó là nắng" - Người lính nói. Chú châm một điếu thuốc lá Anh và khoan khoái nhả khói, mắt nhìn thẳng về phía trước. Mùi thơm của thuốc lá vây bọc Petite Croix khiến cô bé hơi choáng váng. "Hãy nói cho cháu biết. Kể cho cháu nghe

đi”. Cô luôn yêu cầu như vậy. Người lính thủ thủ với cô, chốc chốc lại dừng lời để rút thuốc "Đẹp lắm - “chú nói - Trước hết là một đồng bằng rộng lớn với những khoảnh đất màu vàng, đó hẳn là những ruộng ngô, ta tin chắc như vậy. Có một con đường đất đỏ chạy thẳng vào giữa cánh đồng và một căn lều gỗ,..” "Có một con ngựa chứ?". - Petite Croix hỏi "Một con ngựa ấy à? Hượm đã... không, ta không thấy có ngựa", “Vậy thì đó không phải nhà của bác cháu rồi”. Có một giếng nước gần ngôi lều; nhưng nó cạn khô, chú tin chắc thế... Những tảng đá đen hình thù kỳ dị tưởng như bày chố nằm... xa hơn là con đường quốc lộ và những cột điện báo. Tiếp nữa có một vũng tắm song hẳn nó đã khô cạn bởi lẽ người ta trông thấy cả đá dưới đáy... lổn nhổn đá xám và bụi... Sau đó là dải đồng bằng mênh mông trải dài tận chân trời. Những quả đồi nằm ở phía đông và rải rác khắp nơi, đồng bằng phẳng phiu và nhẵn nhụi tựa một sân bay, ở hướng tây, có những rặng núi màu đen và đỏ sẫm giống như đàn voi ngủ...“ ”Chúng không cử động ư?". "Không, chúng không động đậy và đã ngủ hàng ngàn năm không nhúc nhích" Ở đây núi cũng ngủ sao?". - Petite Croix hỏi. Cô xoè tay áp xuống mặt đất rắn đanh. "Ừ, nó cũng ngủ”. “Nhưng thỉnh thoảng nó lại cựa quậy - Petite Croix nói - Nó cựa quậy một tí rồi lại ngủ tiếp".

Người lính im lặng một lát. Petite Croix ngắm nhìn phong cảnh để cảm nhận những gì người lính kể. Dải đồng bằng rộng lớn chạy dài êm ả nhưng các thung lũng và những con đường đất đỏ lại thiêu đốt cô đôi chút và bụi khiến đôi môi cô nứt nẻ. Cô lại ngược lên và cảm thấy cái nóng của mặt trời. “Có gì ở trên kia?" Petite Croix hỏi. "Trên trời ư?". “Vâng". "Chà..." Người lính thốt lên. Nhưng chú không biết thuật lại điều đó như thế nào cả. Petite Croix chìa tay ra đằng trước "Đúng rồi, nó hẳn phải xanh biếc, hôm nay nóng thiêu như lửa ấy". Cô cúi đầu vì rằng cái nóng làm cô khó chịu. “Có lửa trong màu xanh ư?" - Petite Croix hỏi. Người lính tỏ vẻ không hiểu lắm. "Không... rớt cuộc chú lên tiếng – lửa đỏ, không phải màu xanh. "Nhưng lửa đã nấu đi rồi - Petite Croix nói - lửa ẩn trong tí trong lòng trời xanh như một con cáo vậy và nó nhìn chúng ta với cặp mắt nóng bỏng". "Cháu tưởng tượng đó thôi người lính bảo. Chú mỉm cười nhưng cũng đưa tay che mắt sục sạo trên bầu trời - Cái cháu cảm thấy chính là mặt trời”. "Không đâu, mặt trời việc gì phải lẩn trốn. Nó không thiêu đốt như thế này – Petite Croix cãi - Mặt trời êm dịu kia, còn màu xanh giống những viên đá của búp lò làm rát mặt".



Thình lình, Petite Croix thốt lên một tiếng kêu khe khẽ và giật nảy mình "Có chuyện gì vậy?" "Người lính hỏi. Cô bé rờ tay lên mặt trời và hơi rên rì. Cô dốc đầu xuống đất và nói: "Nó đốt cháu...". Người lính rẽ mái tóc của Petite Croix và lướt những ngón tay thô ráp trên má cô "Cái gì đốt cháu mới được chứ? Ta chẳng thấy gì hết..." "Một tia sáng... Một con ong vò vẽ" "Petite Croix nói. "Chẳng có gì cả, Petite Croix ạ. - Người lính nói - Cháu mơ ngủ rồi". Họ không nói gì hồi lâu. Petite Croix vẫn ngồi thẳng trên mặt đất và mặt trời hắt sáng khuôn mặt màu đồng của cô. Bầu trời tĩnh lặng như ngừng thở. "Hôm nay người ta không trông thấy biển phải không?" - Petite Croix hỏi. Người lính cười: "Ồ không! Biển cách đây quá xa". "Ồ đây chỉ có núi thôi sao?". "Biển cách đây hàng ngày đường, thậm chí đi bằng máy bay cũng phải mất hàng giờ mới nhìn thấy".

Petite Croix ao ước được ngắm biển. Nhưng quả là khó vì cô chẳng biết biển ra sao. Tất nhiên là xanh rồi nhưng biển như thế nào nhỉ? "Biển nóng như bầu trời hay lạnh như nước?". "Cũng còn tùy. Đôi lúc, nó làm loá mắt như tuyết dưới nắng vậy. Cũng có khi biển đen thẫm và ảm đạm. Nó chẳng bao giờ như cháu nói cả". "Vậy chú thích nó lạnh hay nóng hơn?". "Chú thích nhất khi những đám sà thật thấp và nổi trôi những đảo tảo màu vàng".

Petite Croix nghĩ ngợi rất lung và cô cảm nhận được trên mặt những đụn mây thấp lướt trên mặt biển. Tuy nhiên chỉ khi nào người lính có mặt ở đó cô mới có thể cảm thấy hết thấy điều ấy. Có lẽ bởi ngày xưa chủ đã ngắm biển biết bao nhiêu đến mức nó thoát ra một chút từ chú và trải ra quanh chú. "Biển không giống như nơi đây – người lính lại nói - nó sống như một con vật khổng lồ vậy. Nó cử động, nhảy múa, thay hình đổi hình dạng và cả tính tình, nó ầm ào suốt và chẳng yên lặng lấy một giây và cháu chẳng thể buồn chán với biển được". "Biển có hung dữ không?". "Có chứ, đôi khi nó đuổi theo người, tàu bè và hấp, nuốt chửng họ! Nhưng điều đó chỉ xảy ra vào những ngày biển nổi cơn cuồng nộ và tốt hơn hết là ở lại nhà mình". "Cháu sẽ đi ngắm biển" – Petite Croix hỏi: "Biển có lớn hơn trời không?". "Không phải vậy đâu. Chẳng có thứ gì rộng lớn hơn bầu trời cả". Đường như cảm thấy đã nói đủ, chú châm một điếu thuốc lá Anh khác và lại bắt đầu nhả khói. Petite Croix rất thích cái mùi thơm dịu của thuốc lá.. Lúc người lính hút gần hết chú đưa cho Petite Croix để cô rít vài hơi trước khi dập tắt. Petite Croix vừa hút thuốc lá vừa thở rất mạnh. Khi ánh nắng quá

gắt và bầu trời xanh thiêu đốt, khói thuốc tạo nên một bức màn mỏng và làm đầu cô ong ong cứ như cô ngã nhào từ trên vách đá cao xuống.

Lúc hút xong điếu thuốc, Petite Croix ném vào không khí trước mặt và hỏi: “Chú có biết bay không?”. Người lính lại nở nụ cười: "Bay thế nào kia?". “Bay trên trời như chim ấy”. "Chà, chẳng có ai làm nổi việc đó". Rồi bỗng nhiên chú nghe thấy tiếng máy bay bay qua tầng bình lưu, cao đến độ chỉ nhìn thấy một chấm bạc ở đầu vệt trắng dài rạch trên nền trời. Tiếng động cơ phản lực dội xuống đồng bằng và trong các hốc hõm của những ngọn thác tựa hồ tiếng sấm rền xa xa. "Đó là một chiếc Stratofress bay rất cao" - Người lính nói. "Nó đi đâu vậy?". "Ta không biết". Petite Croix ngược mặt lên khoảng trời vời vợi và dõi theo đường tiến chậm chạp của chiếc máy bay. Khuôn mặt cô tối sầm, cặp môi mím lại như sợ hãi hoặc đau đớn. Cô nói: “Nó giống như chim cắt. Khi chim cắt bay trên trời, cháu cảm thấy cái bóng của nó, rất lạnh, nó lượn vòng chậm chậm vì đang kiếm mồi".

“Lúc đó cháu như lũ gà mái vậy. Chúng co rúm lại khi thấy bóng chim cắt!” - Người lính đùa, tuy nhiên chú cũng cảm thấy tiếng gầm của động cơ phản lực trong không gian khiến tim chú đập mạnh hơn. Chú nhìn chiếc Stratofress bay trên biển về hướng Triều Tiên, trong suốt hàng giờ. Những con sóng biển tựa những nếp nhăn, bầu trời thanh quang và trong lành, xanh vát trên cao và chân trời màu lam cơ hồ hoàng hôn không bao giờ chấm dứt cảnh tượng nọ. Trong khoang của chiếc máy bay khổng lồ, những quả bom được xếp quả nọ cạnh quả kia, cái chết nặng hàng tấn.

Rồi chiếc máy bay chậm chạp rời xa về hướng sa mạc, và gió xua tan dần cái đuôi khói trắng của nó. Sự im lặng tiếp theo thật nặng nề, gần như đau đớn và người lính cố gắng đứng dậy từ tảng đá đang ngồi. Chú đứng một lát, nhìn cô bé ngồi thẳng trên đất cứng. "Chú đi đây" - Chú nói. "Ngày mai chú trở lại nhé" - Petite Croix nói. Người lính ngần ngừ không nói rằng ngày mai chú sẽ không tới, có thể ngày kia và những ngày tiếp sau nữa cũng không, vì rằng chú còn phải bay đi Triều Tiên. Nhưng chú không dám nói, chỉ lặp lại một lần, giọng vụng về: “Chú đi đây”. Petite Croix nghe tiếng bước chân chú xa dần trên con đường đất. Và rồi gió trở lại, lúc này lạnh buốt, khiến cô run rẩy trong tấm khăn len. Mặt trời sà thấp, gần như chạm đường chân trời, phủ ra từng luồng hơi nóng tựa hơi thở.

Giờ này màu xanh co mảnh lại và tan đi. Petite Croix cảm thấy điều đó trên đôi môi nứt nẻ, trên mi mắt, nơi các đầu ngón tay. Thậm chí đất cũng bớt cứng hơn, như thể ánh sáng lướt qua nó, làm nó mềm ra. Petite Croix lại cất tiếng gọi bầy ong, những người bạn của cô, cả lũ thần lẩn, những con kỳ nhông say nắng, bầy sâu lá, sâu cánh, đàn kiến xiết chặt đội ngũ. Cô gọi tất cả bọn chúng vừa hát khúc ca mà lão Bahti dạy cho

*"Các bạn ơi, các bạn*

*Hãy đưa ta theo*

*Hãy bay đưa ta theo*

*Hãy bay đưa ta theo*

*Trong bầy của các bạn"*

Cô vươn hai bàn tay ra phía trước để giữ không khí và ánh sáng lại. Cô không muốn ra đi. Cô muốn tất cả ở lại, không quay về nơi ẩn náu của mình.

Lúc này ánh sáng nung đốt và gây bút rứt, ánh sáng vọt ra từ nền không gian xanh. Petite Croix không động đậy và nỗi sợ hãi lớn dần trong cô, ở chỗ của mặt trời có một ngôi sao xanh biếc dũi xuống cái nhìn của nó chiếu rọi xuống trán Petite Croix. Nó mang một chiếc mặt nạ làm bằng lông và đôi môi, nó đến vừa nhảy múa, vừa nện chân xuống đất, nó bay lượn tựa phi cơ và chim cắt, cái bóng của nó trùm lên thung lũng như một chiếc áo khoác.

Saquashohuh như người ta gọi chỉ có một mình, nó bước về phía ngôi làng bị bỏ hoang, trên con đường màu xanh của nó trên bầu trời. Con mắt độc nhất của nó nhìn Petite Croix, một cái nhìn khủng khiếp vừa thiêu đốt vừa băng giá. Petite Croix biết rất rõ nó. Chính nó hồi nãy, qua khoảng trống mênh mông của bầu trời, đã đốt cô như một con ong vò vẽ. Hàng ngày, vào một giờ nhất định, khi vàng dương nhạt nắng và những con thần lẩn lẩn vào các kẽ đá, khi lũ ruồi trở nên nặng nề và đập bất kỳ nơi nào thì khi ấy nó tới.

Nó tựa hồ một chiến binh khổng lồ, đứng sừng sững phía đằng kia trời và dõng vào ngôi làng cái nhìn khủng khiếp vừa nóng bỏng và băng giá. Nó nhìn thẳng vào mắt Petite Croix như chưa bao giờ có ai nhìn cô như vậy. Petite Croix cảm thấy ánh sáng trong suốt, thuần khiết và xanh xuyên thấu cơ thể cô như dòng nước mát làm cô ngây ngất, ấy là một thứ sáng êm dịu như gió nam chờ theo mùi cây cỏ và hương hoa dại.

Giờ đây, vì tinh tú không đứng im nữa. Nó từ từ tiến trên bầu trời, vừa bay lượn, tựa một dòng sông dài mạnh mẽ. Cái nhìn trong suốt của nó không rời khỏi mắt Petite Croix và lấp lánh một thứ ánh sáng chói đến mức cô phải giơ tay che mắt. Tim Petite Croix đập rộn rã. Cô chưa hề nhìn thấy cái gì đẹp hơn thế. "Người là ai?" - Cô thốt lên. Nhưng người chiến binh không trả lời. Saquasohuh đứng trên mòm núi đá, trước mặt cô.

Đột nhiên Petite Croix vỡ lẽ rằng nó là ngôi sao xanh trên trời và xuống hạ giới để nhảy múa ở làng. Cô muốn đứng dậy và bỏ chạy, song ánh sáng phóng ra từ mắt Saquasohuh xuyên thấu cô không cho cô nhúc nhích. Khi người chiến binh bắt đầu vũ điệu của mình, trên thế giới đàn ông, đàn bà và trẻ con bắt đầu chết. Những chiếc máy bay lượn vòng trên bầu trời, cao tít đến nỗi người ta hầu như chỉ nghe tiếng động cơ của chúng, chúng đang tìm kiếm con mồi của mình. Lửa và cái chết hiện diện khắp mọi nơi, xung quanh mòm núi, ngay cả biển cũng sôi lên như một hồ nhựa. Các thành phố lớn bị bao phủ bởi ánh sáng chói gắt vọt ra từ nền trời. Petite Croix nghe tiếng sấm chuyển âm âm, những tiếng nổ bùng lên, tiếng kêu la của lũ trẻ, tiếng tru của lũ chó sắp chết. Gió xoáy tít và đó không còn là một điệu nhảy nữa mà là cuộc đua của một con ngựa điên.

Petite Croix lấy tay che mắt. Tại sao con người lại muốn điều ấy? Tuy nhiên có lẽ là quá muộn và ngôi sao xanh khổng lồ không quay về trời. Nó đã đến để khiêu vũ ở ngôi làng như lão Bahti nói nó đã từng làm tại Hotevilla trước cuộc đại chiến.

Sauasohuh khổng lồ phân vân, đứng trước vách đá dường như không dám vào. Nó nhìn Petite Croix và cái nhìn thiêu đốt trong đầu cô đến mức cô không chịu nổi. Cô kêu lên, nhảy phắt dậy và đứng bất động, cánh tay ra phía sau, hơi thở tắc nghẽn trong họng, tim thắt lại bởi cô vừa thành linh

trông thấy dường như cặp mắt độc nhất của người khổng lồ mở hết cỡ, khoảng trời xanh trước mặt cô.

Petite Croix im lặng. Nước mắt giàn giụa vì ánh mặt trời và ánh sáng của màu xanh quá loá chói. Cô lao đảo nơi mép vách đất cứng, cô thấy chân trời quay chậm chậm quanh mình chính xác như người lính đã mô tả, dải đồng bằng rộng lớn màu vàng, khe rãnh tối om, những con đường màu đỏ, những bình nguyên mênh mêng. Rồi cô lao lên, bắt đầu chạy trên các con đường của ngôi làng quạnh vắng, trong bóng tối và ánh sáng, dưới bầu trời, không thốt ra dù chỉ một tiếng kêu.

## NÚI CHÚA NGỰ

Ngọn núi Reydarbarmur nằm ở mạn phải con đường đất. Trong ánh dương ngày 21-6, nó trở nên đồ sộ, án ngự vùng thảo nguyên và cái hồ lạnh lẽo rộng lớn và Jon chỉ trông thấy nó. Tuy nhiên, không chỉ có ngọn núi duy nhất. Xa hơn một chút nữa là dãy Kalfstindar, những thung lũng lớn khoét sâu đến tận biển và ở phía Bắc là khối núi sẫm tối vươn lên trên những động sông băng. Nhưng Reydarbarmur đẹp hơn tất cả các ngọn núi khác, dường như nó to lớn hơn, thuần khiết hơn do đường lượn thoai thoải chạy liên tiếp từ chân lên tới đỉnh. Ngọn núi chạm trời và những cột mây bay qua tựa như một đám khói bốc lên từ núi lửa.

Lúc này Jon đi về phía Reydarbarmur. Nó bỏ lại chiếc xe đạp mới của mình dựa vào sườn dốc bên đường và xuyên qua cánh đồng thạch thảo và địa y. Nó không biết rõ tại sao mình lại lên Reydarbarmur. Nó biết ngọn núi này đã lâu, sáng sáng đều trông thấy ngọn núi kể từ thời thơ ấu nhưng tuy vậy, bây giờ cứ như thể Reydarbarmur hiện ra lần đầu tiên. Nó đã ngắm nhìn ngọn núi chăm chú khi đi bộ tới trường, dọc theo con đường trải nhựa. Chẳng có lấy một điểm nào; trong thung lũng mà người ta không thể thấy núi. Giống như một lâu đài sẫm tối vờ vờ mọc lên trên những khoảng rêu và địa y, bên trên các bãi chăn thả cừu và làng mạc, bao quát khắp vùng.

Jon để xe đạp dựa vào bờ vách ẩm ướt. Hôm nay là ngày đầu tiên nó rời khỏi chiếc xe đạp của mình và chống chọi với gió dọc theo con dốc dẫn đến chân núi. Jon mệt đến đứt hơi, má và tai nó nóng rực.

Có lẽ ánh sáng đã đem lại cho nó nỗi thèm muốn đi đến Reydarbarmur. Trong những tháng mùa đông, khi mây bay là sát mặt đất và ném ra cơn mưa đá nhỏ, ngọn núi dường như rất xa xôi, không thể tới được. Đôi khi nó được những quầng ánh sáng xanh tôn bật trên nền trời màu đen vây quanh, khiến mọi người sống trong thung lũng hoảng sợ. Nhưng Jon không sợ. Nó ngắm ngọn núi như thể núi cũng đang ngắm nó, từ trong mây, bên trên thảo nguyên rộng lớn màu xám.



Hôm nay, có lẽ chính thứ ánh sáng tháng sáu này đã dẫn dắt nó đến ngọn núi, ánh sáng đẹp và dịu dàng, bất chấp gió lạnh. Trong khi bước trên lớp rêu ẩm ướt, Jon thấy những con côn trùng chao lượn trong ánh sáng, lũ muỗi và mòng bay trên đám cây. Bầy ong đại đảo qua, đảo lại giữa những bông hoa màu trắng và trên trời, lũ chim mình thon đập cánh rất nhanh, chao mình trên các vũng nước rất đột ngột quấy cánh biến mất trong gió. Đó là những sinh vật duy nhất sống ở nơi này.

Jon dừng lại để nghe tiếng gió rít. Gió tạo nên một điệu nhạc hay và lạ lùng trong các hốc lõm trên mặt đất và trong các bụi cây. Bầy chim nâu mình dưới lớp rêu cũng cất tiếng, giọng riu rít lạnh lốt của chúng vang vọng trong gió rồi tắt nghim.

Ánh sáng tháng sáu đẹp để chiếu sáng rõ ngọn núi. Càng lại gần, Jon càng nhận thấy nó không bằng phẳng như người ta tưởng khi nhìn từ đằng xa. Nó mọc lên cả một khối từ đồng bằng bazan tựa một ngôi nhà lớn đồ nát. Có những sườn núi rất cao, một số đứt gãy giữa chùng và những đường nứt màu đen trên các vách đá giống như những vết thương. Một dòng suối len lỏi dưới chân núi.

Jon chưa bao giờ nhìn thấy cảnh tượng như vậy. Đó là một con suối trong vắt, màu xanh da trời, quanh co chậm rãi chảy qua lớp rêu xanh. Jon từ từ tiến lại, dùng đầu ngón chân thăm dò để khỏi bị sa xuống một vũng nước. Nó quỳ gối bên bờ suối.

Dòng nước xanh chảy róc rách, lấp lánh và trong như thủy tinh. Đáy suối phủ đầy những viên đá cuội nhỏ và Jon thò tay xuống nhặt lên một hòn. Nước lạnh buốt và sâu hơn nó tưởng, và nó phải thọc tay sâu đến tận nách. Những ngón tay nó tóm được một viên cuội màu trắng và hơi trong suốt, có hình quả tim.

Đột nhiên, một lần nữa, Jon cảm giác ai đó đang nhìn mình. Nó rùng mình đứng dậy, ống tay áo ướt đầm nước lạnh. Nó quay đầu ngó quanh. Nhưng phóng hết tầm mắt, chỉ thấy thung lũng thoải thoải xuống thành sườn dốc, cánh đồng rêu và địa y rộng mênh mông gió đùa. Giờ đây, thậm chí chẳng còn bóng chim nào nữa.

Tít dưới chân dốc, Jon nhận thấy chiếc xe đạp mới của mình dựa vào lớp rêu trên sườn dốc khiến nó yên tâm.

Không hẳn là một cái nhìn khi Jon nghiêng mình xuống suối nước. Hồ như có một giọng gọi tên nó, rất nhẹ nhàng, bên tai nó, một giọng êm ái và ngọt ngào chưa từng thấy. Hoặc giả một con sông đã bao bọc nó như ánh sáng, khiến nó rùng mình run rẩy như khi một đám mây rẽ ra và mặt trời hiện lộ.

Jon men dọc suối, đi tìm một chỗ lội qua được. Nó thấy điểm đó ở phía trên, tại một khúc quanh và vượt qua. Nước chảy xiết trên những viên đá phẳng phiu và những khóm rêu xanh bật khỏi bờ lạng lẽ trôi xuôi. Trước khi tiếp tục bước đi, Jon lại quỳ bên suối và uống nhiều ngụm nước lạnh một cách ngon lành. Những đám mây tan ra, tụ vào, ánh sáng thay đổi không ngừng. Đó là một thứ ánh sáng lạ vì dường như nó chẳng có bản phận gì với mặt trời. Nó lướt trong thinh không, quanh các vách núi. Ấy là một thứ ánh sáng rất chậm chạp và Jon hiểu rằng nó sẽ còn kéo dài hàng tháng, không hề yếu đi, ngày lại ngày, không nhường chỗ cho bóng đêm. Giờ đây nó đã sinh ra từ đất, thấp sáng giữa những vầng mây trên trời, dường như nó sẽ tồn tại mãi. Jon cảm thấy ánh sáng thấm vào nó qua toàn bộ lớp da trên cơ thể và mặt. Nó thiêu đốt và luồn qua lỗ chân lông như một loại chất lỏng nóng rẫy, tẩm ướt quần áo và mái tóc. Bỗng nhiên Jon muốn được trần truồng. Nó chọn một chỗ cánh đồng rêu tạo thành một cái hố trũng kín gió và vội vàng trút bỏ tất cả quần áo trên người. Rồi nó lăn trên đất ẩm, chân tay dụi trong rêu. Những khóm rêu rên rỉ trước sức nặng của cơ thể Jon, phủ lên nó những giọt nước lạnh. Jon nằm bất động, hai tay giang ra, nhìn trời và lắng nghe tiếng gió gào. Vào thời điểm đó, trên ngọn Reydarbarmur, mây tan đi và mặt trời thiêu đốt khuôn mặt, ngực và bụng Jon.

Jon mặc quần áo vào và lại bắt đầu đi về phía núi. Mặt nó nóng bỏng và tai ong ong như thể nó vừa uống bia. Rêu mềm khiến bước chân nảy lên và làm cho hơi khó đi thẳng. Khi cánh đồng rêu kết thúc, Jon bắt đầu leo lên hoành sơn. Địa thế trở nên hỗn độn, tạo thành những khối bazan màu sẫm và những con đường đá kê xào xạc và rã vụn dưới đế giày.

Trước Jon, vách núi dựng lên cao vút đến mức không trông thấy đỉnh. Chẳng có cách nào để leo lên đó. Jon đi vòng vách núi, leo lên mạn bắc để tìm một lối đi. Đột nhiên nó tìm thấy đường lên. Luồng gió thổi mà vách núi che cho Jon cho tới khi đó chợt quất mạnh, đẩy nó loạng choạng về phía sau. Trước mặt Jon, một khe nứt rộng rãi khối đá đen, tạo thành một cánh cửa khổng lồ. Jon bèn đi vào.

Giữa hai vách của khe nứt, những khối bazan rơi lổn nhổn, cần phải thận trọng vượt qua từng khe rãnh. Jon nín thở leo qua hết khối này sang khối khác. Một sự vội vã đang thúc giục nó, nó muốn đến đỉnh khe nứt nhanh nhất có thể được. Nhiều lần Jon suýt ngã ngửa do đá ẩm trơn và phủ đầy địa y. Jon phải dùng hai tay bấu lấy và gãy móng tay từ lúc nào không hay. Sức nóng tiếp tục lưu thông trong máu nó, bất chấp cái lạnh trong bóng râm.

Lên đỉnh khe, nó ngoái lại. Thung lũng dung nham và rêu rộng lớn trải dài ngút tầm mắt và những đám mây xám trôi trên bầu trời mênh mông. Jon chưa bao giờ được ngắm cảnh tượng nào kỳ vĩ hơn. Cơ hồ mặt đất xa xôi và trống rỗng, không người, không súc vật, không cây cối, bao la và cô đơn như đại dương. Đồi chỏ, phía trên thung lũng, một đám mây vỡ ra Jon thấy những đường xiên chéo của cơn mưa và những quãng ánh sáng.

Jon đứng im lìm nhìn đồng bằng, lưng tựa vào vách đá. Nó đưa mắt tìm kiếm màu đỏ chiếc xe đạp của mình và hình bóng ngôi nhà của cha nó nằm ở đầu bên kia thung lũng. Nhưng nó không thể trông thấy chúng. Tất cả những gì quen thuộc đã biến mất cứ như rêu xanh đã dâng lên đã dâng lên và che phủ tất cả. Duy chỉ dưới chân núi, dòng nước lấp lánh tựa một con rắn xanh óng ánh. Nhưng nó cũng biến mất phía xa như thể chảy vào một cái hang.

Thình lình Jon nhìn chằm chằm vào khe nứt tối thẫm phía bên dưới và rùng mình, nó đã không hề nhận thấy trong khi leo qua các khối chướng ngại, thì mỗi tảng bazan tạo thành bậc của một chiếc thang khổng lồ.

Khi ấy, một lần nữa Jon cảm thấy cái nhìn lạ lùng bao bọc mình. Sự hiện diện xa lạ đè lên đầu, lên vai, lên toàn bộ cơ thể nó, một cái nhìn thâm u và mạnh mẽ che phủ hết thấy mặt đất. Trên đầu nó, bầu trời tràn ngập một

thứ ánh sáng chói lòa chiếu rọi từ chân trời này sang chân trời kia. Jon nhắm nghiền mắt như nhìn thấy sét. Rồi những dải mây thấp lớn tựa đám khói lại tụ vào, vây phủ mặt đất sẫm đen. Jon nhắm mắt hồi lâu để khỏi cảm thấy chóng mặt. Nó nghe tiếng gió trượt qua những phiến đá trơn, nhưng cái giọng lạ lùng và ngọt ngào kia không gọi tên nó. Nó chỉ thì thào một cách khó hiểu trong điệu nhạc của gió.

Phải chăng là gió? Jon nghe những âm thanh xa lạ, tiếng những người phụ nữ lẩm bẩm, tiếng đập cánh, tiếng sóng. Thịnh thoảng, dưới đáy thung lũng vọng lên những tiếng vù vù kỳ cục của bầy ong, tiếng ì ầm của động cơ. Những tiếng động hòa lẫn vào nhau, vang vọng trên sườn núi, chuội đi như nước suối, lặn sâu vào đám địa y và xuống cát.

Jon mở mắt. Tay nó bám vào vách đá. Một ít mồ hôi vã ra trên mặt mặc dù trời lạnh. Lúc này, nó như đứng trên một mạch dung nham rẽ chậm chậm lướt qua một đám mây. Ngọn núi đồ sộ trượt nhẹ nhàng trên đất và Jon cảm nhận rõ sự rập rình nhồi lắc. Trên trời, mây trải rộng, lướt đi tựa những đợt sóng menh mông, khiến ánh sáng lấp lóa.

Việc đó diễn ra lâu như một chuyến du ngoạn ra một hòn đảo tí trùng khơi. Rồi Jon cảm thấy ánh nhìn rời xa khỏi mình. Nó buông các ngón tay khỏi vách đá. Phía trên, ngọn núi hiện ra sắc nét. Đó là một vòm đá đen, phồng lên như trái bóng, nhẵn nhụi và lấp lánh dưới ánh sáng trời.

Dòng dung nham và bazan tạo thành một đường thoải trên sườn núi và Jon chọn chính chỗ này để tiếp tục leo lên. Nó nhích từng bước nhỏ, đi vòng vèo như một chú dê, nửa thân trên chúi về phía trước. Bây giờ gió mặc sức quất mạnh, khiến quần áo bay phàn phật. Jon mím môi và mắt nó nhòe nước. Tuy nhiên nó không sợ hãi, cũng không thấy chóng mặt nữa. Cái nhìn xa lạ lúc này không đè nặng nữa. Trái lại, nó nâng đỡ thân xác, đẩy Jon lên cao với tất cả ánh sáng của mình.

Jon chưa khi nào cảm thấy một ấn tượng mạnh mẽ như vậy. Một người nào đó yêu quý Jon bước bên cạnh nó, cùng nhịp bước, cùng nhịp thở, ánh mắt xa lạ kéo nó về phía chòm đá cao, giúp nó leo lên. Một người nào đó đến từ nơi sâu thẳm nhất của một giấc mơ và quyền năng của nó không ngừng lớn lên, phình to tựa một đám mây. Jon đặt chân lên những tảng

nham thạch, chính xác là nơi phải qua, vì có lẽ nó đã lần theo dấu vết vô hình. Gió lạnh khiến nó thờ hờn hển và làm mắt nó mờ đi, nhưng nó không cần nhìn. Cơ thể nó tự di chuyển từng mét một, nó lần dọc theo đường vòng của ngọn núi.

Nó một mình cô lẻ giữa trời. Xung quanh nó, giờ đây không còn đất, không còn chân trời nữa, chỉ có không khí, ánh sáng, những vầng mây xám. Jon chuệch choạng tiến lên núi, những động tác của nó trở nên chậm chạp như một người bơi. Đôi lúc, tay nó chạm vào phiến đá tròn và lạnh, bụng nó chà lên đá và nó cảm thấy gờ sắc của khe nứt và những vết vĩa nham thạch. Ánh sáng thổi phồng đá, thổi phồng khung trời, lớn lên trong cơ thể và rung ngân trong máu Jon. Điệu nhạc của gió choán đầy tai nó, vang âm nơi miệng nó. Jon chẳng nghĩ ngợi gì, chẳng nhìn gì. Nó trèo lên bằng một cố gắng duy nhất, cả cơ thể nó leo lên, không ngừng, về phía đỉnh núi.

Dần dà nó lên đến nơi. Sườn dốc bazan trở nên thoải hơn, dài ra. Lúc này Jon như đang ở trong thung lũng, dưới chân núi, nhưng là một thung lũng đá rộng rãi và đẹp đẽ, vươn thành một đường cong dài cho đến khi chạm vào mây.

Mưa gió bào mòn đá, đánh bóng như đá mài. Đôi chỗ, những tinh thể màu đỏ máu lấp lánh, những đường vân xanh xanh da trời, những vết màu nâu dường như gợn sóng nhấp nhô trong làn ánh sáng. Lên cao hơn, thung lũng đã biến mất trong mây, chúng lướt trên thung để lại đằng sau những dải và lọn mây và khi chúng tan đi Jon lại trông thấy đường cong thuần khiết của đá.

Một lát sau, Jon đã đứng hẳn trên đỉnh núi. Nó không nhận ra điều đó ngay tức khắc vì việc ấy diễn ra dần dần. Nhưng khi ngó quanh, nó trông thấy cái vòng tròn đen nọ mà nó là trung tâm và nó hiểu rằng mình đã đến nơi. Ngọn núi là cái mâm dung nham chạm trời. Tại đây, gió thổi không phải những cơn cuồng phong, nhưng thổi mạnh không ngớt, phóng trên đá tựa một lưỡi dao. Jon lão đảo đi vài bước. Tim nó đập rất mạnh trong lồng ngực, đẩy máu dồn lên thái dương và cổ. Trong một lúc nào đó, nó bị ngạt bởi gió thốc vào mũi và miệng.

Jon tìm một chỗ trú ẩn. Đỉnh núi trơ trụi, không một cọng cỏ, không một cái hốc. Nham thạch lóe sáng đến nhức mắt như nhựa đường, đôi chỗ nứt nẻ, nơi mưa khoét thành những cái máng thoát nước. Gió giật một ít bụi xám khỏi bề mặt đá, tung thành các đám bụi nhỏ.

Ánh sáng ngự trị nơi này. Nó đã kêu gọi Jon khi cậu bé đi dưới chân núi và chính vì điều đó mà nó đã bỏ lại chiếc xe đạp ở sườn dốc rêu phong, bên bờ đường. Ánh sáng trời quay cuồng nơi đây, hoàn toàn tự do. Nó không ngừng phóng ra từ không gian và đập vào đá rồi nảy tung lên những đám mây. Dung nham đen thẫm hấp thụ ánh sáng nọ, nặng nề và sâu thẳm như biển mùa hạ. Đó là một thứ ánh sáng không nóng bức, đến từ nơi xa nhất trong không gian, ánh sáng của tất cả mọi mặt trời và mọi thiên thể không nhìn thấy và nó thấp lại những đồng than hồng xưa cũ, làm tái sinh ngọn lửa đã thiêu huỷ trái đất hàng triệu năm trước đây. Ngọn lửa lấp lánh trong nham thạch, bên trong núi, long lanh trong gió lạnh. Giờ đây Jon nhìn thấy ở phía trước, dưới lớp đá cứng, tất cả những dòng chảy bí ẩn lưu chuyển. Những đường vân đỏ trườn chẳng khác nào bày rãnh lửa; những bông nước đọng lại lóe sáng tựa những sinh vật biển phát quang.

Gió đột ngột ngừng như người ta nín một hơi thở. Khi đó Jon có thể bước vào giữa mảng dung nham. Nó dừng chân trước ba vật lạ. Đó là ba hố trũng khoét vào đá. Một trong các hố chứa đầy nước mưa còn hai hố khác mọc đầy rêu và một cái cây gầy guộc. Quanh cái hố, có những tảng đá đen tản mát và bột dung nham đỏ chảy lọt xuống các khe rãnh.

Đó là nơi trú ẩn duy nhất. Jon ngồi bên bờ hố trũng có các cây nhỏ. Nơi đây, gió dường như chưa bao giờ thổi thật mạnh. Dung nham mềm và trơn, ấm lên do ánh sáng trời. Jon tựa trên khuỷu tay, ngả người ra đằng sau và ngắm mây bay.

Nó chưa bao giờ nhìn thấy mây gần như vậy. Jon rất thích mây. Trong thung lũng phía dưới, nó thường nằm ngửa sau bức tường của trang trại để nhìn ngắm mây. Hoặc náu kín trong một vũng hồ, nó ở lì tại đó hồi lâu, đầu ngật ra sau cho tới khi cảm thấy những sợi gân cổ cứng lại như dây thừng. Nhưng ở đây, nơi đỉnh núi thì không giống như vậy. Mây kéo tới nhanh, sà sát bình nguyên dung nham, rải rộng đôi cánh mênh mang. Chúng nuốt chửng thình không và đá, không tiếng động, không cố gắng, trải rộng một



cách không giới hạn. Khi mây lướt qua đỉnh núi, tất cả trở thành màu trắng và có ánh lân quang, còn đá đen phủ đầy những hạt ngọc. Mây trôi qua mà không có bóng. Ngược lại, ánh sáng lấp lánh mãnh liệt hơn, phát ra thuần màu bọt và tuyết. Jon nhìn đôi tay trắng bệch của mình, những móng tay tựa những mẫu kim loại. Nó ngửa cổ và há miệng để uống những giọt li ti lẫn trong ánh sáng chói lóa. Cặp mắt mở to ngắm ánh bạc choán đầy không gian. Lúc đó, không còn núi, không còn thung lũng rêu, không còn làng mạc nữa, chẳng còn gì hết, khối mây dạt về hướng nam, dồn đẩy các hốc và khe rãnh. Hơi mát quán hồi lâu trên đỉnh núi, khiến mọi người lóa mắt. Rồi rất nhanh, như nó đã tới, khối mây dày đặc bay đi, trôi về nẻo trời đằng kia.

Jon cảm thấy hạnh phúc vì đã đến đây, gần gũi mây. Nó yêu xứ sở của mây, thật cao, thật xa khỏi các thung lũng và những con đường của con người. Bầu trời khép lại và mở ra không ngừng quanh cái vòng dung nham, ánh mặt trời gián đoạn lay động tựa những chùm đèn pha. Có lẽ chẳng có gì khác thực sự. Có lẽ giờ đây, tất cả lay động không ngừng, bốc khói, quay cuồng, những chiếc thòng lọng, những cánh buồm, những đôi cánh, những dòng sông màu sáng. Dung nham đen đúa cũng trượt đi, lan ra và chảy xuống vùng thấp, dung nham lạnh rất chậm rãi tràn khỏi mép núi lửa.

Khi mây bay đi, Jon ngắm những cái lưng tròn của chúng chạy trên trời. Khi đó bầu không khí lạ hiện ra, rất xanh, rung rẩy ánh mặt trời và các khối dung nham cứng lại.

Jon nằm áp bụng xuống dung nham. Thành linh, nó trông thấy một viên đá kỳ cục, nằm bên bờ hồ trữing chứa đầy nước mưa. Nó bò lại gần xem sao. Đó là một khối dung nham đen, không hề nghi là bị lở ra do xói mòn. Jon muốn lật nó lên, nhưng không tài nào làm được. Nó gắn chặt xuống đất bằng một trong lượng ghê gớm không tương xứng với kích thước.

Khi ấy Jon cảm thấy vẫn sợ rùng mình ban nãy khi leo qua các khối chướng ngại trong thung. Hòn đá giống hệt hình dáng ngọn núi. Không có nghi ngờ nào khả dĩ: cũng là phần chân rộng, góc cạnh, và cũng cái đỉnh hình bán cầu. Jon nghiêng xuống gần hơn và phân biệt rõ ràng khe nứt qua đó đã leo lên. Trên hòn đá, nó tạo chính xác một đường nứt, nhưng xẻ rãnh cưa giống như bậc cầu thang khổng lồ nó đã leo qua.

Jon áp mặt gần lại đá đen cho tới khi cái nhìn nhòe đi. Khối dung nham lớn lên, choán toàn bộ cái nhìn của nó, trải ra quanh nó. Jon dần dần cảm thấy nó đánh mất thân xác và sức nặng. Bây giờ nó trôi nổi, nằm trên lưng mây xám và ánh sáng cứ từng đợt tràn qua. Nó nhìn thấy bên dưới những mảng dung nham lớn lấp loáng nước và mặt trời, những vết màu gỉ sắt của cây địa y, những hồ nước tròn xanh. Nó từ từ lướt trên mặt đất vì nó đã trở nên giống như một đám mây, nhẹ bồng và thay hình đổi dạng. Nó là một luồng khói xám, một đám hơi bám vào đá và gửi lên đó những hạt nhỏ mịn.

Jon không rời mắt khỏi đá nữa. Nó sung sướng xòe tay vuốt ve giây lâu bề mặt nhẵn láng. Đá rùng lên dưới ngón tay nó như một lớp da. Nó cảm thấy mỗi gờ máu, mỗi khe nứt, mỗi vết nhăn bởi thời gian, và sức nóng êm dịu của ánh sáng tạo thành một lớp thảm nhẹ, giống như bụi.

Cái nhìn của nó dừng lại trên đỉnh viên đá. Ở đó, trên bề mặt tròn trịa và lấp lánh, nó thấy ba lỗ bé xíu. Quả là một cảm giác say sưa lạ lẫm khi thấy chính địa điểm nó đang có mặt. Jon chăm chú nhìn hầu như đầu đầu dấu vết của các hố trứng, song nó không thể trông thấy loại côn trùng đen đứng bất động nơi đỉnh đá.

Nó ngấm khối dung nham hồi lâu. Qua cái nhìn, nó dần dần cảm thấy thoát khỏi chính mình. Nó không mất tri giác, nhưng cơ thể nó từ từ đờ đẫn. Đôi bàn tay trở nên lạnh giá, đặt úp trên sườn núi. Đầu dựa, cầm chống xuống đá còn mắt mở chằm chằm.

Trong thời gian đó, khoảng trời quanh quả núi hết mở ra lại khép vào. Mây lướt trên khoảng dung nham, những giọt nước nhỏ chảy trên mặt Jon, bám vào tóc. Đôi lúc mặt trời lóe sáng với những tia bóng gắt. Gió thổi rền rĩ quanh núi, lúc theo hướng này, khi đổi chiều theo hướng khác.

Rồi Jon nghe tiếng tim mình đập, nhưng xa xôi trong lòng đất, xa tít dưới đáy dung nham, tới mạch lửa, tới nền dòng sông băng. Những nhịp đập khiến núi lay chuyển, rung trong các mạch dung nham, trong thạch cao, trên các khối bazan. Chúng âm vang dưới đáy hang, trong các khe nứt và hẳn là âm thanh đều đặn nọ chạy theo những thung lũng rêu đến tận cửa nhà của người ở. "Dom - dom, dom - dom, dom - dom, dom - dom".

Đó là tiếng động nặng nề dần tới một thế giới khác, như vào ngày tạo lập và Jon nhìn thấy trước mặt mình khối đá đen lớn phập phồng trong ánh sáng Cứ mỗi nhịp đập, toàn bộ ánh sáng trời lay động tăng lên bởi một luồng phóng sáng quắc như chớp. Mây nở ra, tích điện, lấp lóe lân quang như ánh trăng tròn đầy.

Jon nhận thấy một tiếng động khác, một thanh âm của biển khơi ì ầm nặng nề, một âm thanh của hơi nước rít lên và điều đó đưa nó đi xa hơn. Quả là khó khăn khi phải chống lại cơn buồn ngủ. Những tiếng động khác không ngớt nổi lên, những âm thanh mới, tiếng động cơ gào rú, tiếng chim kêu, tiếng tời nghiêng ken két, tiếng chất lỏng sôi lục bục.

Tất cả những âm thanh sinh ra, ùa tới, rời xa và trở lại, tạo nên một khúc nhạc vang xa. Jon lúc này chẳng cố gắng quay trở lại nữa. Hoàn toàn lơ đãng, nó cảm thấy đi xuống vài bước về phía hòn đá đen, bên mép những cái lỗ nhỏ xíu.

Khi mở mắt ra, lập tức nó trông thấy đứa trẻ có gương mặt sáng sủa đứng trên phiến nham thạch, đằng trước vũng nước. Quanh đứa bé, ánh sáng mềm mại hơn vì trên trời không còn mây nữa. “Jon” - Đứa trẻ nói. Giọng nói mềm mại có phần yếu ớt, tuy nhiên khuôn mặt trong sáng của nó mỉm cười. “Làm thế nào cậu biết tên tớ?” - Jon hỏi. Đứa trẻ không trả lời. Nó đứng im lìm bên bờ vũng nước, hơi xoay sang bên như thể sẵn sàng chạy trốn. “Thế còn cậu, cậu tên gì? - Jon hỏi - tớ không biết cậu”. Nó không động đậy để khỏi làm đứa trẻ hoảng sợ. “Tại sao cậu tới đây? Chưa bao giờ có ai lên núi”. Jon nói: “Tớ muốn thấy tầm nhìn người ta có từ đây. Tớ nghĩ người ta thấy hết thảy từ rất cao, như lũ chim vậy”. Nó ngập ngừng đôi chút rồi lên tiếng: “Cậu ở đây à?” Đứa trẻ tiếp tục cười. Ánh sáng bao quanh dường như phát ra từ cặp mắt và mái tóc của nó. “Cậu là người chặn cừu phải không? Cậu ăn mặc như những người mục đồng”. “Tớ sống ở đây - đứa bé nói - tất cả những gì cậu thấy nơi đây đều thuộc về tớ”. Jon ngắm nhìn khoảng dung nham trải dài và bầu trời. “Cậu nhầm rồi - nó nói - cái đó chẳng thuộc về ai cả”. Jon làm một cử chỉ để đứng dậy. Nhưng đứa trẻ nhảy sang bên cạnh như thể sắp bỏ đi. “Tớ không cựa quậy - Jon nói để trấn an - Hãy ở lại, tớ sẽ không đứng dậy đâu”. “Cậu không phải đứng dậy bây giờ” - đứa trẻ nói. “Vậy thì đến ngồi cạnh tớ”. Đứa trẻ phân vân lưỡng lự. Nó nhìn Jon như tìm cách đoán suy nghĩ của cậu. Rồi nó xáp gần và ngồi cạnh Jon.

“Cậu vẫn chưa trả lời tớ. Tên cậu là gì?” - Jon lại hỏi. “Điều đó không quan trọng, bởi lẽ cậu không biết tớ - Đứa trẻ nói - Tớ, tớ đã không hỏi tên cậu”. “Quả vậy” - Jon nói. Song cậu cảm thấy ngạc nhiên. “Nào, hãy nói cho tớ biết cậu làm gì ở đây? Cậu ở đâu. Khi leo lên, tớ chẳng thấy nhà cửa gì hết”. “Tất cả đều là nhà của tớ” - Đứa trẻ nói. Tay nó cử động từ tốn với những cử chỉ duyên dáng mà Jon chưa từng thấy.

“Cậu thật sự sống ở nơi này ư? - Jon hỏi - Thế cha mẹ cậu đâu?” “Tớ không có cha mẹ”. “Anh em cậu thì sao?” Tớ sống mỗi một mình, tớ vừa chẳng bảo cậu đấy thôi”. “Cậu không sợ à? Cậu còn quá trẻ đại để sống một mình”. Đứa trẻ lại cười: “Tại sao tớ phải sợ chứ? Trong nhà mình, cậu có hoảng sợ không?” “Không” - Jon đáp. Nó nghĩ đồ rằng việc đó không giống nhau, nhưng không dám nói. Chúng im lặng chốc lát, rồi đứa trẻ lên tiếng: “Tớ đã sống tại đây từ rất lâu. Tớ biết từng hòn đá trên ngọn núi này rõ hơn cậu biết phòng mình. Cậu có biết tại sao tớ sống ở chốn này không?” “Không” - Jon trả lời. “Đó là một câu chuyện dài - đứa trẻ nói - xa xưa, cách đây rất lâu rồi, nhiều người đã đến, họ cất nhà trên bờ biển, trong các thung lũng và nhà cửa tạo nên làng mạc và làng mạc trở thành các đô thị. Ngay cả chim chóc cũng đã chạy trốn. Thậm chí cá cũng hết hoảng. Khi ấy tớ cũng rời bờ biển, thung lũng và tới ngọn núi này. Bây giờ cậu cũng đã đến núi này, và sau những người khác sẽ kéo tới”. “Cậu nói cứ như cậu đã già lắm - Jon bảo - Tuy nhiên cậu chỉ là một đứa trẻ mà thôi”. “Phải, tớ là một đứa trẻ” - Đứa bé nói. Nó nhìn Jon chằm chằm, ánh màu xanh tràn đầy ánh sáng khiến Jon phải cụp mắt xuống.

Ánh sáng tháng sáu còn đẹp hơn. Jon nghĩ rằng có lẽ nó toát ra từ cặp mắt kẻ mực đồng lạ lùng, và nó trải tận trời, mãi tới biển. Phía trên núi, bầu trời xua quang mây, và đá đen hiền lành và ấm áp. Lúc này Jon không buồn ngủ nữa. Bằng tất cả sức lực nó nhìn đứa trẻ ngồi bên cạnh mình. Song đứa trẻ lại nhìn đi chỗ khác. Có một khoảng lặng tờ, không một ngọn gió. Đứa trẻ lại quay về phía Jon: “Cậu biết chơi nhạc chứ?” - nó hỏi - Tớ rất thích âm nhạc”. Jon lắc đầu, rồi chợt nhớ có mang trong túi một chiếc kèn ghimbac nhỏ. Nó lấy nhạc khí ra và đưa cho đứa trẻ xem. Jon hỏi: “Cậu muốn tớ chơi cho cậu nghe nhạc gì?” “Bất cứ loại nào cậu biết! Tớ yêu mọi loại âm nhạc”. Jon đưa cây ghimbac lên miệng và dùng ngón trở gảy lá kim loại mảnh. Nó chơi một điệu nhạc yêu thích, Draumkvaedi, một khúc nhạc cổ mà cha nó dạy cho ngày xưa.

Âm thanh giọng mũi của cây ghimbac ngân xa trên cánh đồng dung nham, đứa trẻ hơi nghiêng đầu lắng nghe. “Hay lắm - đứa trẻ nói khi Jon kết thúc - xin hãy chơi cho tớ nghe nữa đi”. Không hiểu rõ tại sao, Jon cảm thấy sung sướng vì điệu nhạc của mình khiến đứa mục đồng trẻ thích thú. “Tớ cũng biết chơi Manstu ekki Vina - Jon nói - Đó là một khúc nhạc nước ngoài”. Vừa chơi nhạc, nó vừa lấy chân dậm nhịp lên phiến dung nham. Đứa trẻ lắng nghe và cặp mắt nó lấp lánh hài lòng. “Tớ thích điệu nhạc của cậu - rất cuộc nó nói - cậu biết chơi các loại nhạc khác chứ?” Jon nghĩ ngợi: “Thỉnh thoảng cha tớ cho mượn cây sáo của ông. Ông có một cây sáo bằng bạc tuyệt đẹp và đôi khi cho tớ mượn để chơi”. “Tớ rất mê” - Đứa trẻ nói.

Rồi Jon lại tiếp tục chơi ghimbac. Lá kim loại ngân lừng trong sự thỉnh vắng của núi non, và Jon nghĩ rằng người ta có thể nghe thấy từ đầu bên kia thung lũng, tận trang trại. Đứa trẻ xích lại gần Jon. Nó vung tay theo nhịp đều đặn, đầu hơi cúi. Đôi mắt trong trẻo lấp lánh và nó bắt đầu cười phá lên khi khúc nhạc thật sự trở nên quá giọng mũi. Khi ấy Jon ghì chặt giai điệu, ngân những nốt nhạc dài run rẩy trong thỉnh không, và khuôn mặt của đứa trẻ lại trở nên nghiêm trang trịnh trọng, mắt nó hiện lên màu biển sâu.

Đến đoạn kết, nó dừng lại, tưởng chừng muốn muốn dứt hơi. Răng và môi đau nhức. Đứa trẻ vỗ tay và bảo: “Thật tao nhã! Cậu chơi nhạc tuyệt quá!” “Tớ còn biết nói với cây ghimbac nữa kia” - Jon nói. Đứa trẻ có vẻ ngạc nhiên: “Nói ư? Làm sao cậu có thể nói với thứ đồ vật ấy?” Jon lại đặt ghimbac lên miệng và hết sức chậm rãi, nó phát ra vài từ bằng cách làm rung lá kim loại. “Cậu có hiểu không?” “Không” - Đứa trẻ đáp. “Hãy nghe cho rõ nhé”. Jon lại tiếp tục, lần này còn chậm hơn. Gương mặt đứa trẻ rạng rỡ: “Cậu nói: chào bạn!” “Đúng thế”. Jon giải thích: “Ở chỗ chúng tớ, dưới thung lũng, tất cả bọn con trai đều biết làm trò này. Khi mùa hạ tới, người ta đi vào các cánh đồng, đằng sau những trang trại và nói như vậy với các cô gái bằng những cây ghimbac. Khi người ta tìm được một cô gái làm chúng tôi thích thú, người ta đến sau nhà cô ta vào buổi tối và nói với cô ấy như vậy để cha mẹ cô không hiểu. Các cô gái rất thích chuyện này. Họ ló đầu ra của sổ và lắng nghe những gì người ta thổ lộ cùng các cô gái bằng âm nhạc”.

Jon bày cho đứa trẻ làm thế nào người ta nói: “Anh yêu em, anh yêu em, anh yêu em”, chẳng có gì ngoài việc gại lưỡi thép của cây ghimbac và uốn lưỡi trong miệng. “Dễ thôi” - Jon bảo. Nó trao nhạc cụ cho đứa trẻ, đến lượt mình bằng cách gại lá kim loại. Tuy nhiên nó chẳng giống một ngôn ngữ chút nào và cả hai cùng cười phá lên.

Giờ đây đứa bé không còn ngờ vực nữa. Jon cũng chỉ bảo làm cách nào chơi các điệu nhạc và những âm thanh giọng mũi ngân vang hồi lâu trong núi. Chúng cùng ngồi trên mép núi và nhìn trời. Không có lấy một luồng gió, không một tiếng động, không một chuyển động. Jon cảm thấy không gian đi vào nó và làm cơ thể nó phồng lên như thể nó nín thở. Đứa trẻ không cất lời nữa. Nó bất động, thân ngồi thẳng, đầu hơi ngả ra sau và nhìn lên giữa trời.

Từng ngôi sao một thấp lên, xòe ra những tia sáng lấp lánh. Jon lại cảm thấy nhịp đập đều đặn trong lồng ngực và trong các mạch máu nơi cổ, bởi lẽ điều đó đến từ giữa trời qua nó và âm vang khắp núi. Ánh ngày cũng hắt mạnh, ngay sát chân trời, đáp lại sự phập phồng của trời đêm. Hai màu sắc, một tối sẫm và sâu, một sáng và nồng tụ lại trên thiên đỉnh và lay động bởi cùng một sự chuyển vận.

Jon lúi lại trên đá và nằm ngửa ra, mắt mở to. Bây giờ nó nghe rõ tiếng động, âm thanh lớn đến từ khắp nẻo không gian và tụ lại trên nó. Đó không phải lời nói, thậm chí cũng không phải âm nhạc và tuy nhiên dường như nó hiểu những gì hiện tượng đó muốn nói, tựa các lời lẽ, tựa tiết nhạc của bài hát. Nó nghe tiếng biển, bầu trời, mặt trời, thung lũng kêu lên như những con vật. Nó nghe những âm thanh nặng nề từ hãm dưới vực thẳm, những tiếng rì rầm dưới đáy giếng, dưới đáy khe nứt. Đâu đó đến từ mạn bắc, tiếng động tiếp tục và lướt trên sông băng, tiếng xào xạc đổ về và nghiêng ken két trên bề đá. Luồng hơi vọt ra khỏi đất phun khí lưu huỳnh, phát lên những tiếng chói tại và những quầng lửa mặt trời sáng gắt réo vù vù như xường rền. Khắp nơi, nước len lõi, bùn làm vỡ tung những đám bóng nước, những hạt cứng nứt ra và nảy mầm dưới đất. Rễ cây rùng mình, giọt nhựa sống trong thân cây, cỏ sắc réo trong gió. Rồi còn nhiều tiếng động khác mà Jon biết rõ, động cơ xe tải và những chiếc bơm, tiếng xích kim khí lách cách, cưa điện, tiếng búa nện của pít tông, tiếng còi tàu biển. Một chiếc máy bay bốn động cơ phản lực xé rách không khí, xa xa phía trên Đại Tây Dương.



Một giọng người nói đâu đó trong một phòng học, song đó có đúng là một con người không? Đó là tiếng côn trùng rí ran và biến ngay thành tiếng sục sục nặng nề, tiếng sôi bụng hoặc những tiếng huýt chói tai. Bầy chim biển đập cánh ào ào trên các vách đá, lũ mòng biển kêu quang quác. Tất cả các tiếng động mang Jon đi, thân xác nó trôi vờ trên khoảng dung nham, như trượt trên một mảng rêu, quay cuồng trong những dòng xoáy vô hình, trong lúc trên bầu trời, nhập nhoạng giữa ngày và đêm, những vì sao lấp lánh.

Jon nán lại hồi lâu, nhìn quanh và nghe ngóng. Rồi những tiếng động rời xa, yếu đi, tiếng này sau tiếng kia. Nhịp tim đập trở nên nhẹ nhàng, đều đặn hơn và ánh sáng được phủ lên bởi một tấm áo gối màu xám.

Jon quay sang bên cạnh nhìn người bạn của mình. Trên phiến đá đen, đứa trẻ nằm co chân, đầu áp nơi cánh tay. Ngực nó nhẹ phập phồng và Jon hiểu rằng nó đã ngủ. Khi đó Jon cũng nhắm mắt và chờ đợi giấc ngủ.

Jon tỉnh giấc khi mặt trời ló rạng phía chân trời. Nó nhồm dậy và nhìn quanh ngỡ ngàng. Đứa trẻ không còn ở đó nữa. Chỉ có khoảng dung nham màu đen trải hút tầm mắt, thung lũng nơi những cái bóng đầu tiên bắt đầu nổi lên. Gió lại thổi, quét trong không gian. Jon đứng lên và đi tìm người bạn của mình. Nó theo con dốc dung nham cho đến tận các hố trứng. Trong vũng, nước mang màu kim loại, gợn sóng lăn tăn bởi những luồng gió mạnh. Trong cái hồ phủ đầy rêu và cây địa y, cái cây già nua khô héo run rẩy. Trên phiến đá, viên đá hình trái núi vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Lúc đó Jon đứng một lát trên đỉnh núi và cất tiếng gọi nhiều lần, song thậm chí không có lấy một tiếng vọng đáp lời: “Ohé! Ohé!”

Lúc hiểu rằng nó không gặp lại người bạn ấy, Jon cảm nhận một nỗi cô đơn ghê gớm và nó đau trong cơ thể, giống một cơn đau ngực. Nó bắt đầu đi xuống núi càng nhanh càng tốt, nhảy qua các mỏm đá. Nó vội vã tìm kiếm khe nứt nơi có chiếc thang khổng lồ. Len lỏi trên những tảng đá to ảm ảm ướt, nó đi xuống thung lũng, không ngoảnh lại. Thứ ánh sáng đẹp đẽ nở rộng trên trời và trời sáng hẳn khi nó xuống đến phía dưới.

Rồi Jon bắt đầu chạy trên lớp rêu, cặp chân nó nảy lên và đẩy nó về phía trước nhanh hơn. Bằng một cú nhảy, nó vượt dòng suối màu trời, không nhìn những tảng rêu trôi xuôi quay cuồng trong xoáy nước. Không xa lắm,

nó bắt gặp một đàn cừu vừa chạy vừa kêu be be và vỡ lẽ ra rằng nó lại có mặt trên địa phận của con người. Sát con đường đất, chiếc xe đạp mới xinh xẻo đang chờ nó, tay lái mạ crom phủ đầy những giọt nước. Jon cưỡi lên chiếc xe và bắt đầu lăn bánh trên con đường đất thấp. Nó chẳng hề suy nghĩ, chỉ cảm thấy trống rỗng, nổi cô đơn vô bờ, trong lúc đạp xe dọc theo con đường. Khi về tới trang trại, Jon dựng chiếc xe đạp vào tường và bước thật khẽ khàng để bố mẹ nó còn đang ngủ khỏi thức giấc.

## HAZARAN

La Digue của những người Pháp không phải là một thành phố thực sự, bởi lẽ ở đó không có nhà, cũng chẳng có các đường phố, mà chỉ có những túp lều ghép bằng ván gỗ, giấy dầu và đất nện. Có lẽ nó được gọi tên như vậy vì cư trú tại đây là những người Ý, người Nam Tư, người Bồ Đào Nha, người Thổ Nhĩ Kỳ, người An Giê Ri, người Phi, thợ nề, thợ đá, những nông dân không chắc chắn tìm được việc làm và không bao giờ biết đích xác họ sẽ ở lại một năm hay chỉ hai ngày. Họ kéo đến đây, tới La Digue, gần những đầm lầy ven cửa sông, cắm trại ở nơi có thể và dựng lên những túp lều trong vài giờ. Họ mua ván của những người ra đi, những tấm ván cũ mềm và thùng lỗ chỗ nhìn xuyên qua được. Để lợp mái, họ cũng dùng ván gỗ và những tấm giấy dầu lớn, hoặc khi may mắn hơn tìm được những mảnh tôn uốn sóng, được giữ bằng dây thép và những hòn đá dăm. Họ lấy nùi giẻ nhét vào các lỗ hổng.

Alia sống ở phía tây La Digue, không xa nhà của Martin. Cô bé đến đây cùng thời gian với chú, ngay từ đầu, khi mới chỉ có chừng mười túp lều và đất vẫn còn rất mềm với những đồng cỏ và lau sậy bên bờ đầm lầy. Cha mẹ cô đã chết do tai nạn, khi đó Alia chẳng biết làm gì ngoài việc nô đùa với những đứa trẻ khác và bác gái cô đã đem cô về nhà mình. Giờ đây, sau bốn năm, La Digue đã rộng lớn hơn, chiếm tả ngạn cửa sông, từ vách con đường lớn kéo đến tận biển với hàng trăm con đường đất nện và vô số những căn lều mà người ta không thể đếm xuể. Hàng tuần, nhiều xe tải dừng lại ở lối vào La Digue để đổ xuống những gia đình mới và đón những người ra đi. Khi đi lấy nước ở vòi bơm hay mua gạo và cá xác đin tại khu dân cư, Alia dùng bước để xem những người mới tới định cư ở nơi còn chỗ. Đôi khi cảnh sát cũng tới lối vào La Digue để kiểm tra và ghi chép việc đi đến vào một cuốn sổ.

Alia nhớ rất rõ hôm Martin tới. Lần đầu tiên cô bé nhìn thấy chủ nhảy xuống từ xe tải cùng với những người khác. Khuôn mặt và quần áo chú phủ đầy bụi xám, nhưng Alia lập tức chú ý đến Martin. Đó là một người đàn ông kỳ quặc, cao và gầy với bộ mặt cháy nắng như một thủy thủ. Người ta

để làm tưởng chú đã già do những vết nhăn trên trán và má, nhưng tóc Martin rậm và đen nhúc còn đôi mắt lấp lánh tựa gương. Alia định ninh rằng chú có cặp mắt hấp dẫn nhất La Digue và thậm chí có lẽ cả vùng và cô bé đã để ý chú chính vì điều đó.

Alia đứng im khi Martin lướt qua bên cạnh cô. Chú bước chậm chạp, vừa nhìn xung quanh như thể chú chỉ đến thăm nơi này và chiếc xe tải sẽ lại đón chú đi trong vòng một giờ nữa. Tuy nhiên chú đã ở lại.

Martin không ở trong trung tâm La Digue. Chú chọn chỗ sát đầm nơi bắt đầu xuất hiện đám đá cuội của bãi biển. Chính tại địa điểm này chú dựng căn lều của mình, trơ trọi trên thửa đất chẳng ai muốn vì quá xa đường và bơm nước ngọt. Nhà của chú thực sự là ngôi nhà cuối cùng của thành phố.

Martin tự mình dựng lều, không cần sự giúp đỡ của ai cả và Alia nghĩ rằng đó cũng là ngôi nhà vị nhất vùng, theo cách của nó. Một căn lều hình tròn, chẳng có lối nào khác ngoài một cái cửa thấp mà Martin không thể thẳng người chui qua. Mái lều lợp giấy dầu như bao căn lều khác nhưng hình nắp vung. Khi người ta nhìn nhà của Martin từ xa, trong sương sớm, hoàn toàn cô độc giữa những khoảnh đất rộng nằm ở giới hạn của đầm lầy và bãi biển, nó dường như cao lớn hơn, như ngọn tháp của một lâu đài.

Và chẳng đó cũng là cái tên Alia đặt cho nó ngay từ đầu: lâu đài. Mọi người không ưa Martin và hơi coi thường chú, chẳng hạn như viên quản lý khu nói rằng căn lều khá giống một cái ổ, song đó là vì họ ghen tị. Điều này có vẻ lạ lùng bởi Martin nghèo xơ xác, còn nghèo hơn bất cứ ai trong cái thành phố nọ, tuy nhiên ngôi nhà không cửa sổ đó chứa đựng điều gì bí ẩn và gần như uy nghiêm mà người ta không hiểu rõ lắm và đầy vẻ hăm dọa.

Martin ở đó một mình, xa cách tất cả. Sự tĩnh lặng luôn ngự trị quanh nhà chú, nhất là vào buổi tối, một sự tĩnh lặng khiến mọi vật trở nên xa xôi và không thực. Khi mặt trời tỏa nắng trên thung lũng đầy bụi và trên đầm lầy, Martin ngồi trên một cái hòm trước cửa nhà. Mọi người không hay đi qua phía này có lẽ do sự vắng vẻ làm họ hoảng sợ thật sự hoặc giả họ không muốn làm phiền Martin. Buổi sáng và chiều tối, đôi khi đám phụ nữ đi kiếm củi khô và lũ trẻ từ trường học trở về. Martin rất yêu bọn trẻ. Chú ngọt ngào

trò chuyện với chúng và chúng là những người duy nhất được thấy chú cười. Khi đó đôi mắt chú trở nên tuyệt đẹp, lấp lánh tựa những tấm gương bằng đá, tràn đầy một thứ ánh sáng trong trẻo mà Alia chưa bao giờ thấy. Bọn trẻ con cũng rất yêu quý Martin vì chú biết kể chuyện và đặt ra những câu đố. Thời giờ còn lại, Martin không làm việc thực sự, nhưng chú biết sửa chữa những đồ lặt vặt như đồng hồ, radio và bếp dầu. Chú làm việc đó không công bởi không muốn lấy tiền.

Vậy nên kể từ khi Martin tới đây, hàng ngày, người ta sai con cái đem tới cho chú một ít thức ăn trong đĩa, khoai tây, cá xác đìn, cơm, bánh mì hoặc một chút cà phê nóng trong một chiếc cốc, Đôi khi đám phụ nữ cũng mang đồ ăn đến cho chú và Martin nói vài lời cảm ơn. Rồi khi đã ăn xong, chú trả lại đĩa cho bọn trẻ. Chú muốn được trả công như vậy.

Alia rất thích đến thăm Martin để được nghe những câu chuyện và ngắm màu mắt của chú. Cô bé lấy một miếng bánh trong kho dự trữ và đi xuyên qua La Digue tới lâu đài. Khi tới nơi, cô bé thấy chú ngồi trên cái hòm trước nhà, đang chữa một cây đèn đốt khí gaz và cô ngồi phệt xuống đất trước mặt chú để xem chú làm việc.

Lần đầu tiên Alia mang bánh đến cho chú, Martin nhìn cô với cặp mắt tràn ngập ánh sáng và bảo cô: "Chào mặt trăng" "Tại sao chủ lại gọi cháu là mặt trăng?" - Alia hỏi. Martin mỉm cười và mắt chú càng lấp lánh hơn. "Vì đó là một cái tên làm chú thích. Cháu không muốn chú gọi tên cháu là mặt trăng ư?" "Cháu cũng chẳng biết nữa. Cháu không nghĩ đó là một cái tên". "Đó là một cái tên đẹp - Martin nói - cháu đã ngắm trăng khi bầu trời rất trong và sâu, những đêm trời rất lạnh chưa? Nó tròn và dịu dàng và chú thấy cháu cũng như vậy".

Và kể từ hôm đó, Martin luôn luôn gọi cô bằng cái tên ấy: vàng trắng, trắng nhỏ. Và Martin tìm cho mỗi đứa trẻ đến chơi với mình một cái tên, tên cây, tên quả hay tên các con vật khiến chúng cười nắc nẻ. Martin không nói gì về bản thân và cũng chẳng một ai dám hỏi chú về chuyện đó. Thực ra, dường như chú vẫn luôn ở đây, tại La Digue, trước những người khác rất lâu, thậm chí rất lâu trước lúc người ta xây dựng đường xá, cầu sắt và đường băng cho máy bay hạ cánh. Martin biết rõ những điều mà mọi người

ở đây không biết, những điều rất xa xưa và tuyệt đẹp mà chú giữ trong đầu và khiến cho mắt chú lấp lánh.

Ấy là sự lạ nhất là vì Martin chẳng có tài sản gì, thậm chí không có lấy một chiếc ghế dựa hay một cái giường. Trong nhà chẳng có gì khác ngoài một mảnh chiếu để ngủ trên đất và một vò nước đặt trên cái hòm. Alia không hiểu lắm nhưng cô cảm thấy ở nhà chú như thể một niềm ao ước, dường như Martin chẳng muốn giữ thứ gì hết. Kỳ quặc vì dường như có chút ánh sáng trong treo luôn lấp lánh trong đôi mắt chú, tựa những ao nước càng trong và đẹp hơn khi không có gì dưới đáy.

Ngay khi làm việc xong, Alia ra khỏi nhà bác gái, giấu trong áo sơ mi mẩu bánh mỳ và cô bé đến ngồi trước mặt Martin. Cô rất thích ngắm đôi tay chú trong lúc chú sửa chữa vật gì. Martin có đôi tay sạm nắng với những cái móng gãy giống như cánh thợ đấu và thợ nề, song chúng cực kỳ nhẹ nhàng và khéo léo, biết làm những chiếc nơ với những sợi dây nhỏ xíu và vụn những con ốc tí teo. Đôi tay tuân theo mệnh lệnh mà chú không phải bận tâm, không cần nhìn và mắt chú chăm chăm nhìn vào một nơi nào xa xôi như thể đang nghĩ điều gì khác. "Chú nghĩ tới chuyện gì vậy?" - Alia hỏi. Người đàn ông nhìn cô bé mỉm cười. "Tại sao cháu hỏi chú điều đó hả mặt trắng bé nhỏ? Còn cháu, cháu nghĩ tới điều gì?" Alia tập trung suy nghĩ. "Cháu nghĩ nơi mà chú từ đó đến hẳn phải đẹp lắm". "Cái gì khiến cháu tin như vậy?" "Bởi vì..." - Cô bé không tìm được câu trả lời và đỏ mặt. "Cháu nói đúng - Martin bảo - rất đẹp". "Cháu cũng cho là cuộc sống nơi đây buồn tẻ." - Alia lại nói. "Cớ sao cháu lại nói vậy? Chú không thấy thế". "Vì ở đây chẳng có gì cả, lại bẩn thỉu nữa, phải đi kiếm nước ở máy bơm, đầy ruồi và chuột, còn mọi người thì nghèo kiệt". "Chú cũng vậy, chú nghèo - Martin nói - tuy nhiên chú không thấy đó là một lý do để buồn chán". Alia vẫn nghĩ ngợi: "Nếu như nơi chú từ đó đến đẹp tuyệt vời, vậy thì tại sao chú lại ra đi, tại sao chú lại đến đây, nơi mà tất cả hết sức bẩn thỉu, xấu xa?"

Martin chăm chú nhìn cô còn Alia tìm kiếm trong ánh sáng chiếu tỏa từ mắt chú tất cả những gì mà cô có thể thấy từ vẻ đẹp mà người đàn ông từng ngắm xưa kia, xứ sở mênh mông với ánh phản chiếu ánh vàng sâu kín còn vẹn nguyên trong màu sắc của tròng mắt chú. Nhưng giọng Martin còn ngọt ngào hơn, như khi chú kể một câu chuyện vậy. "Này mặt trắng bé nhỏ, liệu cháu có thể ăn uống sung sướng nếu cháu biết bên cạnh có một gia đình đã



không ăn gì từ hai ngày không?" Alia lắc đầu. "Liệu cháu có thể vui thú ngắm trời, biển, hoa lá hay nghe chim hót nếu cháu biết bên cạnh cháu, trong nhà hàng xóm, có một em nhỏ bị nhốt vô cơ và không thể nhìn thấy gì, nghe thấy gì không?" "Không - Alia nói - trước hết cháu sẽ mở cửa nhà để cậu bé có thể ra đi". Và đồng thời với điều đã nói, cô bé hiểu rằng cô vừa trả lời chính câu hỏi của mình. Martin vẫn mỉm cười nhìn cô, rồi lại tiếp tục sửa chữa đê vật, hơi lơ đãng, không nhìn đôi tay cử động.

Alia không chắc đã hoàn toàn bị thuyết phục. Cô bé lại lên tiếng: "Dầu sao, nơi chú sống hẳn phải đẹp lắm". Khi người đàn ông kết thúc công việc, chú đứng lên và cầm tay Alia. Chú chậm rãi dắt cô bé ra tận đầu khoảng đất rộng phía trước đầm lầy. "Nhìn kìa - khi ấy chú bảo. Chú chỉ bầu trời, bãi đất bằng phẳng, cửa sông mở ra biển - Đó, chú đến từ tất cả những nơi ấy". "Tất cả những chốn ấy ư?" "Tất cả, phải, tất cả những gì cháu thấy". Alia đứng im hồi lâu, ngắm nghía thoả thuê cho tới khi mắt cô nhức mỏi. Cô nhìn ngắm bằng tất cả sức lực, như bầu trời rớt cuộc sắp mở ra và phơi bày hết thảy các cung điện, lâu đài, những khu vườn đầy quả và chim chóc, và sự bàng hoàng khiến cô bé phải nhắm mắt lại. Khi Alia ngoái lại thì Martin đã đi rồi. Cái dáng cao gầy của chú bước giữa các dãy lều, về phía bên kia thành phố.

Kể từ buổi đó, Alia bắt đầu ngắm bầu trời, ngắm một cách thật sự như thể cô chưa bao giờ thấy. Khi cô làm việc ở nhà người bác, đôi khi cô ra ngoài chốc lát để ghéch đầu lên trời và khi quay vào, cô cảm thấy có cái gì đó tiếp tục ngân rung trong mắt và cơ thể mình. Cô vấp cả vào các đồ gỗ vì mắt còn bị chói. Khi những đứa trẻ khác biết được Martin từ đâu tới, chúng vô cùng kinh ngạc. Lúc đó, bao nhiêu trẻ con ở La Digue đi dạo, đầu ngẩng lên trời mà nhìn đến nổi húc cả vào cọc, và mọi người tự hỏi điều gì đã xảy đến với chúng. Có lẽ họ cho rằng đó là một trò chơi mới.

Thỉnh thoảng, không một ai biết tại sao, Martin không muốn ăn nữa. Bọn trẻ mang đồ ăn trong đĩa đến cho chú như mọi sáng, nhưng chú nhã nhặn từ chối và nói: "Không, cảm ơn, hôm nay thì không".

Ngay cả khi Alia tới với mẩu bánh giầu trong áo sơ mi chú cũng chỉ mỉm cười lịch sự và lắc đầu. Alia không hiểu tại sao chú lại khước từ ăn uống, vì quanh nhà, dưới mặt đất, trên trời, mọi sự vẫn bình thường. Trên

bầu trời xanh thẳm là vàng dương, một vài áng mây và đôi khi một chiếc máy bay phản lực lên xuống. Trên những nẻo đường của La Digue, lũ trẻ chơi đùa la hét còn đám phụ nữ gọi và quát tháo chúng bằng tất cả các ngôn ngữ. Alia không thấy có thể xoay chuyển được điều gì. Tuy vậy cô bé vẫn cứ ngồi trước mặt Martin cùng với hai hoặc ba đứa trẻ khác và đợi chú lên tiếng.

Martin không như những ngày trước đây. Khi nhin ăn, khuôn mặt chú dường như già hơn và cặp mắt lấp lánh khác thường, thứ ánh sáng đáng lo ngại của những người lên cơn sốt. Martin nhìn đi nơi khác. Phía trên đầu bọn trẻ, dường như chú phóng mắt xa hơn đèo đất và đầm lầy, về phía bờ sông bên kia và những quả đồi xa tắp phải mất hàng tháng trời mới đi tới được. Những ngày đó, chú hầu như không nói và Alia cũng không hỏi chú. Mọi người vẫn đến như hàng ngày để nhờ vả chú một việc, dán lại đôi giày, sửa chiếc đồng hồ quả lắc, hoặc đơn giản là viết một bức thư. Song Martin hầu như không đáp lời họ, chú lắc đầu và nói khe khẽ, hầu như không mấp máy môi: "Không phải hôm nay, không phải hôm nay..." Alia hiểu rằng chú không ở đó trong những ngày này, rằng chú thật sự đang ở chỗ khác, cho dù thân thể chú vẫn nằm im lìm trên chiếc chiếu trong nhà. Có thể chú đã quay về xứ sở quê hương, nơi tất cả đều tuyệt diệu, mọi người đều là hoàng tử và công chúa, cái xứ sở mà ngày nọ chú đã chỉ cho thấy con đường vắt ngang trời.

Cứ mỗi ngày, Alia lại tới với một mẩu bánh mới để chờ chú quay về. Việc này kéo dài rất lâu và cô bé hơi hoảng sợ khi thấy mặt chú hốc hác, trở nên xám xịt như thể ánh sáng đã tắt và chỉ còn lại tro tàn. Thế rồi, một buổi sáng kia, Martin đã trở lại, kiệt sức đến nỗi hầu như không bước nổi từ chỗ nằm ra khoảng đất trước nhà. Khi trông thấy Alia, rớt cuộc chú nhìn cô bé và mỉm cười yếu ớt, đôi mắt chú xin mờ vì mệt mỏi. "Chú khát" - Martin nói, giọng chú chậm và khàn đục. Alia đặt miếng bánh xuống đất và chạy xuyên qua thành phố để kiếm một xô nước. Lúc cô hớn hển quay về, Martin uống một hơi dài trong cái xô ấy. Rồi chú rửa mặt và tay, ngồi lên cái hòm dưới ánh nắng và ăn miếng bánh. Chú dạo vài bước quanh nhà, nhìn ngó quanh mình. Ánh mặt trời sưởi ấm khuôn mặt và tay, mắt chú lại bắt đầu lấp lánh.

Alia nhìn người đàn ông vẽ sột ruột. Cô bé đánh bạo hỏi Martin: "Thế nào hả chú?" Chú tỏ vẻ không hiểu. "Thế nào là sao?" "Nơi chú đã đến ra sao?" Martin không trả lời. Có thể là chú không còn nhớ gì, như thể chú vừa trải qua một giấc mộng. Chú lại bắt đầu sống và trò chuyện như trước, ngồi dưới mặt trời, trước cửa nhà, sửa những chiếc máy hỏng, hoặc đi trên những con đường của La Digue và chào mọi người ngang qua. Về sau, Alia lại hỏi: "Tại sao đôi khi chú lại không muốn ăn?" "Bởi vì chú phải tuyệt thực" - Martin nói. Alia ngẫm nghĩ. "Tuyệt thực nghĩa là gì?" Ngay liền đó cô hỏi thêm: "Có phải như đi du lịch không?" Nhưng Martin cười: "Quả là ý tưởng kỳ cục! Không, tuyệt thực là đôi khi người ta không muốn ăn". Làm Sao người ta có thể không muốn ăn cơ chứ? - Alia nghĩ. Chưa có ai nói với cô điều gì kỳ quặc hơn thế. Mặc dù vậy, cô cũng nghĩ đến tất cả lũ nhóc ở La Digue suốt ngày đi kiếm thứ gì để ăn, thậm chí cả những đứa không đói cũng vậy. Cô nghĩ tới những kẻ ăn cắp trong các siêu thị gần sân bay, tới những đứa trộm vặt hoa quả và trứng trong những khu vườn ở vùng lân cận.

Martin không trả lời ngay tức khắc, dường như chú đọc được điều Alia nghĩ: "Đã có một ngày nào cháu khát cháy họng chưa?" "Rồi ạ". Alia nói. "Lúc cháu thật khát, cháu có muốn ăn không?" Cô bé lắc đầu. "Không chứ gì? Cháu chỉ thèm uống, rất thèm. Cháu có cảm tưởng cháu có thể uống sạch nước ở máy bơm và vào lúc ấy nếu người ta đưa cháu một đĩa thức ăn lớn, cháu sẽ từ chối vì điều cháu cần chính là nước kia". Martin ngừng lời giây lát. Chú mỉm cười: "Cũng tương tự, khi cháu rất đói, cháu không thích người ta đưa cháu một vò nước. Cháu sẽ nói, không, không phải bây giờ, trước hết tôi muốn ăn cái đã, ăn thật nhiều có thể được và rồi sau đó, giả sử bụng vẫn còn chỗ chứa, tôi sẽ uống nước". "Nhưng chú không ăn mà cũng chẳng uống" - Alia thốt lên. "Đó chính là điều chú muốn nói với cháu, trăng nhỏ ạ - Martin nói - khi người tuyệt thực, họ không muốn cả thức ăn và nước bởi lẽ họ rất thèm thứ khác còn quan trọng hơn cả ăn và uống". "Vậy họ thèm muốn điều gì?" - Alia hỏi. "Chúa trời" - Martin đáp. Chú nói điều đó một cách giản dị, như thể lẽ hiển nhiên và Alia không hỏi thêm nữa. Đây là lần đầu tiên Martin nói về Chúa trời và việc này khiến Alia hơi sợ hãi, không hẳn là hoảng hốt, nhưng nó đột ngột tách xa cô bé, đẩy lui cô tít về phía sau, dường như tất cả chiều rộng của La Digue với những túp lều gỗ và đầm lầy bên bờ sông chia rẽ cô với Martin.

Song người đàn ông dường như không nhận thấy điều đó. Lúc này, chú đứng dậy, nhìn lau sậy nghiêng ngả trên đầm lầy bằng phẳng. Chú đưa tay vuốt tóc Alia và thong thả dạo bước trên con đường chạy qua thành phố, trong khi lũ trẻ chạy nhảy đằng trước chú để chào mừng chú trở về.

Vào thời kỳ đó, Martin bắt đầu việc dạy dỗ của mình, nhưng chẳng người nào biết việc này. Tôi muốn nói không hẳn là một sự dạy dỗ giống như một thầy tu hay một giáo viên vì lẽ nó được tiến hành không nghi lễ trịnh trọng và người ta chẳng biết rõ những gì đã học. Bọn trẻ đã quen tới đầu con đê, trước lâu đài của Martin và ngồi phệt xuống đất để tán gẫu và nô đùa hoặc nghe kể chuyện. Martin vẫn không rời khỏi cái hòm của mình, chú tiếp tục sửa chữa đồ đạc, một cái nồi, van một nồi áp suất hay một ổ khoá và việc dạy học bắt đầu. Nhất là khi bọn trẻ kéo đến sau bữa trưa hoặc từ trường học trở về. Nhưng đôi lúc cũng có cả đàn ông và đàn bà do rảnh việc và trời quá oi bức nên khó ngủ, lũ nhóc ngồi đằng trước, ngay sát Martin và Alia cũng thích ngồi ở đó. Chúng gây huyên náo, không chịu ở yên tại chỗ, song Martin hài lòng thấy chúng. Chú nói với chúng, hỏi chúng đã làm những gì và thấy gì tại La Digue hay ngoài bờ biển. Có những đứa rất thích nói, kể những chuyện vô thưởng vô phạt trong nhiều giờ liền. Những đứa khác im lặng, lấy tay che mặt lúc Martin nói với chúng.

Sau đó Martin kể một câu chuyện. Bọn trẻ rất thích nghe chuyện, chính vì thế mà chúng đến đây. Khi Martin bắt đầu câu chuyện của mình, ngay cả kẻ nghịch ngợm nhất cũng ngồi im. Martin biết nhiều chuyện, dài và hơi kỳ quặc diễn ra ở những xứ sở xa lạ mà chắc hẳn ngày xưa chú từng ghé thăm.

Có chuyện về bọn trẻ xuống sông, cưỡi trên một chiếc bè sậy và đi qua những vương quốc kỳ diệu, những cánh rừng, núi non và các thành phố bí ẩn, ra tận biển. Có chuyện kể về con người phát hiện ra một cái giếng dẫn vào giữa lòng quả đất, nơi tồn tại vương quốc của lửa. Chuyện về nhà buôn nợ đỉnh ninh có thể làm giàu bằng cách bán tuyết, ông ta mang những bao tuyết từ đỉnh núi cao xuống, nhưng khi tới vùng thấp, ông ta chỉ còn một vũng nước. Chuyện về một cậu bé phiêu lưu đến lâu đài nơi công chúa của những giấc mơ sống, nàng phái đi những giấc mơ và ác mộng xuống trần gian. Chuyện về người khổng lồ tạc tượng những ngọn núi, chuyện con bé thuần phục lũ cá heo, chuyện thuyền trưởng Tecum đã có công cứu sống một chú hải âu lớn và con chim đã trả ơn bằng cách dạy ông bí mật để biết

bay. Ấy là những câu chuyện hấp dẫn, hay đến nỗi người ta đôi khi ngủ thiếp đi trước khi nghe đoạn kết. Martin thủ thủ kể, làm điệu bộ, chốc chốc lại ngừng để người ta có thể đặt câu hỏi. Trong lúc nói, cặp mắt chú rục lên, dường như chú cũng hết sức vui thích.

Trong số tất cả các câu chuyện Martin kể, bọn trẻ thích chuyện về Hazaran nhất. Chúng không hiểu cặn kẽ lắm song tất cả bọn đều nín thở khi câu chuyện bắt đầu. Có một cô bé tên là Trèfle, đó là một cái tên kỳ quặc người ta đặt cho cô, không nghi ngờ là do cái vết nhỏ trên má, gần tai trái của cô, giống hệt một cây cỏ ba lá. Trèfle nghèo, rất nghèo, nghèo xơ xác đến độ cô chẳng có gì để ăn ngoài một ít bánh và quả cây cô lượm được trong bụi. Cô sống thui thủi một mình trong một túp lều của những người chăn cừu, chơ vơ giữa đám ngáy gai và đá, chẳng một ai quan tâm đến cô. Nhưng khi thấy cô đơn độc và buồn tẻ, những con vật nhỏ sống trên cánh đồng đã trở thành bạn của cô bé. Chúng thường xuyên đến thăm cô sớm tối và trò chuyện với cô để giải khuây, chúng dạo chơi và kể chuyện cho cô bé nghe vì Trèfle biết nói ngôn ngữ của chúng. Có một con kiến tên là Zoé, một chú thần lùn tên Zoof, một con chim sẻ tên Pipit, một con chuồn chuồn tên là Zell và đủ loại bướm vàng, xanh, đỏ, nâu. Ngoài ra còn có một chú bọ hung thông thái tên Kepr và một con châu chấu cộ xanh tằm nắng trên đám lá. Cô bé Trèfle rất tử tế với các con vật và chúng yêu quý cô vì lẽ đó. Một hôm Trèfle còn buồn bã hơn thường lệ bởi lẽ cô chẳng còn gì để mà ăn, con châu chấu cộ xanh gọi cô. Bạn có muốn thay đổi một cuộc đời không? - Con châu chấu huýt lên hỏi cô. Làm sao tôi có thể đổi đời được - Trèfle đáp - tôi chẳng có gì ăn và côi cút một thân một mình.- Bạn có thể làm điều đó nếu bạn muốn - châu chấu nói - chỉ cần đến xứ sở của Hazaran. - Đất nước ấy ra làm sao? - Trèfle hỏi - Tôi chưa từng bao giờ nghe nói về xứ sở nọ. - Để tới được đó, bạn phải trả lời câu hỏi của người canh cửa của Hazaran. Nhưng trước tiên bạn phải thông tuệ, cực kỳ thông tuệ mới có thể giải đáp nổi. Khi đó Trèfle đi gặp bọ hung Kepr đang đậu trên thân cây hoa hồng và bảo nó: này Kepr, hãy dạy tôi những gì cần biết và tôi muốn đi tới Hazaran. Suốt một thời gian dài, bọ hung và châu chấu cộ xanh dạy cho cô bé tất cả những điều chúng biết. Chúng dạy cô đoán thời tiết hoặc đoán biết những gì lũ người hạ tiện nghĩ, dạy chữa trị chứng sốt và các loại bệnh tật. Chúng còn dạy cô hỏi con bọ ngựa xem những đứa trẻ sắp sinh ra là trai hay là gái, vì rằng loài bọ ngựa biết bí mật nọ và trả lời bằng cách giơ càng lên là một bé trai, hạ càng xuống là một bé gái. Cô bé Trèfle học tất cả và rất nhiều thứ



khác nữa, những điều bí mật và bí ẩn, Khi con bỏ hung và châu cháu cô xanh kết thúc việc dạy dỗ, một ngày kia, có một người đến làng. Ông ta ăn vận sang trọng và giống một hoàng tử hay một vị bộ trưởng. Ông ta đi qua làng và phán bảo: *Ta tìm một người.* Nhưng dân làng không hiểu. Lúc đó Trèfle đến gặp ông ta và nói: tôi chính là người mà ngài cần tìm kiếm. Tôi muốn đi tới Hazaran. Người nọ hơi sùng sốt bởi cô bé Trèfle rất nghèo và dường như hết sức dốt nát. Cô có biết giải đáp các câu hỏi không? - Vị bộ trưởng hỏi - Nếu cô không thể trả lời được, cô sẽ không bao giờ có thể tới xứ sở của Hazaran. - Tôi sẽ giải đáp các câu hỏi - Trèfle nói. Tuy nhiên cô sợ không chắc chắn có thể trả lời được. Vậy thì hãy trả lời những câu hỏi của ta nêu ra. Nếu cô biết lời giải đáp, cô sẽ là công chúa của Hazaran. Sau đây là ba câu hỏi.

Martin ngừng lời trong giây lát và bọn trẻ chờ đợi. Đây là câu hỏi thứ nhất - vị bộ trưởng nói. Trong bữa ăn mà ta được mời, cha ta mang cho ta ba món ăn rất ngon. Món tay ta có thể cầm, miệng ta không thể ăn được. Món tay ta có thể lấy, tay ta không thể giữ được. Món miệng ta có thể ăn được, miệng ta không thể giữ được. Cô bé suy nghĩ rồi nói: tôi có thể trả lời câu hỏi này. Vị bộ trưởng ngạc nhiên nhìn cô bởi lẽ cho tới lúc đó chưa một ai trả lời được. Đây là câu đố thứ hai - Vị bộ trưởng tiếp tục - cha ta mời ta tới bốn ngôi nhà của ông. Ngôi thứ nhất ở phương bắc, nghèo và buồn tẻ. Ngôi thứ hai nằm ở phía đông đầy hoa. Ngôi nhà thứ ba ở phương nam là cái nhà đẹp nhất. Ngôi nhà thứ tư ở phương tây, khi ta vào, ta nhận được một món quà tặng, tuy nhiên ta càng nghèo hơn. Tôi có thể giải đáp câu hỏi này - Trèfle lại nói. Vị bộ trưởng càng kinh ngạc hơn, vì rằng cũng chẳng một người nào trả lời nổi câu hỏi nọ. Đây là câu thứ ba - vị bộ trưởng nói - gương mặt của cha ta tuyệt đẹp, tuy vậy ta không thể trông thấy nó. Với ông, người đầy tớ của ta nhảy múa hàng ngày. Nhưng mẹ ta còn xinh đẹp hơn thế, tóc bà đen mượt và khuôn mặt trắng như tuyết. Bà đeo nhiều đồ trang sức và coi sóc khi ta ngủ. Trèfle lại ngẫm nghĩ và ra hiệu cô sẽ giải thích các câu đố. Cô nói đây là lời giải thứ nhất: bữa ăn mà ta được mời chính là thế giới nơi ta sinh ra. Ba món ăn tuyệt diệu mà cha ta mang đến cho ta là đất, nước và không khí. Tay ta có thể lấy đất song không thể ăn được. Tay ta có thể lấy nước, song không thể giữ được. Miệng ta có thể hợp không khí, song ta phải thở ra.



Martin ngừng lại một chốc và lữ nhóc bốc đất lên tay và để nước chảy ra khỏi kẽ tay. Chúng thổi phù phù ra đằng trước. Đây là lời giải cho câu hỏi thứ hai: bốn ngôi nhà mà cha ta mới ta đến chính là bốn mùa trong năm. Cái thứ nhất ở hướng bắc, buồn và nghèo là nhà của mùa đông. Nhà phía đông nơi có nhiều hoa, là nhà của mùa xuân. Nhà phía nam đẹp nhất là nhà của mùa hạ. Ngôi nhà ở hướng tây là nhà của mùa thu và khi vào trong, ta nhận được món quà năm mới khiến ta nghèo hơn về sức lực bởi ta già hơn, Vị bộ trưởng gật gù tán đồng vì ông ta vô cùng sùng sốt về sự hiểu biết uyên bác của cô bé. Câu trả lời cuối cùng thật đơn giản - Trèfle nói - người chúng ta gọi là cha tức là mặt trời mà ta không thể nhìn thẳng vào. Người đầy tớ nhảy múa với ông chính là bóng tối. Người chúng ta gọi là mẹ chính là đêm, tóc mẹ đen mượt và mặt sáng tựa mặt trăng. Đồ trang sức của bà chính là những vì sao. Đó là nghĩa của các câu đố. Khi vị bộ trưởng đã nghe các lời giải đáp của Trèfle, ông ta bèn hạ lệnh và tất cả chim chóc trên trời đến đưa cô bé tới tận xứ sở của Hazaran. Ấy là một đất nước xa tít mù tắp, xa đến nỗi lũ chim phải bay suốt nhiều đêm ngày, nhưng khi Trèfle đến nơi cô đã ngẩn ngơ thán phục vì cô không hình dung nổi những gì đẹp đến vậy thậm chí trong mơ.

Đến đây Martin lại ngừng một chút còn bọn trẻ nóng lòng hỏi: Thế nào? Xứ sở Hazaran ra sao nhỉ? Dĩ nhiên là mọi thứ đều to đẹp và có những khu vườn đầy hoa và bướm, những dòng sông sáng loáng như đúc bằng bạc, cây cối cao lớn và phủ đầy các loại quả. Nơi đây quần tụ chim chóc, tất cả các loài chim trên đời. Chúng bay chuyền từ cảnh nọ sang cảnh kia, ca hát suốt ngày và khi Trèfle tới, chúng quây quần quanh cô bé để chào mừng. Chúng có những bộ lông đủ màu sắc và nhảy múa trước mặt Trèfle vì sung sướng có một nàng công chúa như cô.

Rồi bầy chim hét bay đến, ấy là các vị bộ trưởng của vua các loài chim và chúng đưa cô tới tận cung điện của Hazaran. Quốc vương là một chú họa mi hát hay mê li đến mức mọi người nín lặng để nghe nó. Kể từ đó Trèfle sống trong cung điện của quốc vương và vì cô đã biết ngôn ngữ của loài vật nên cô cũng học ca hát để đáp từ vua Hazaran. Cô đã ở lại xứ sở này và có lẽ vẫn còn sống ở đó, khi Trèfle muốn thăm trái đất, cô hóa thành một con chim sẻ ngô và bay về gặp bạn bè còn ở đó. Rồi cô lại trở về nhà, trong khu vườn rộng lớn mà cô đã trở thành công chúa.

Lúc câu chuyện kết thúc, lũ nhóc từng đưa một quay về nhà. Alia luôn là người cuối cũng nán lại trước nhà Martin. Cô bé chỉ ra về khi chú quay vào lâu đài của mình và trải chiếu đi ngủ. Cô lững thững bước trên các con đường của La Digue, trong khi những cây đèn gaz thấp lên bên trong những căn lều, và cô bé không buồn nữa. Alia nghĩ đến ngày có thể một người đàn ông ăn vận như một vị bộ trưởng sẽ đến, ông ta nhìn quanh và bảo: *“Ta tới tìm một người”*.

Đúng vào khoảng thời kỳ ấy, chính phủ bắt đầu tới đây, tới La Digue của người Pháp. Một đám người kỳ cục kéo đến một hai lần mỗi tuần, trong những chiếc xe hơi màu đen và xe tải màu da cam đậu trên đường, ngay trước địa phận của thành phố. Họ mặc sức làm mọi điều mà chẳng cần lý do, như đo chiều dài các con đường, khoảng cách giữa các ngôi nhà, lấy một ít đất đỏ vào những chiếc hộp sắt, một chút nước vào các ống thủy tinh và một ít không khí trong những quả cầu nhỏ màu vàng. Họ đặt nhiều câu hỏi cho những người họ gặp, nhất là cánh đàn ông vì đám phụ nữ tỏ ra không hiểu lắm những gì họ nói và chung quy họ không dám trả lời.

Khi đi lấy nước ở máy bơm, Alia dùng chân quan sát đám người nọ đi qua, nhưng cô biết thừa họ không đến để tìm một người. Không phải họ đến để hỏi những câu cho phép đi tới xứ sở của Hazaran. Và chẳng họ không quan tâm đến lũ trẻ và chẳng bao giờ hỏi han chúng. Có những người vói vẻ nghiêm túc mặc com lê xám và xách những chiếc va li nhỏ bằng da, những sinh viên, những cô cậu mặc áo săng đay và anorac to xù. Số này kỳ quặc hơn cả bởi họ nêu ra những câu hỏi mà tất cả mọi người đều hiểu về thời tiết hoặc về gia đình, nhưng người ta chỉ không hiểu tại sao họ lại hỏi những vấn đề đó. Họ ghi những câu trả lời vào sổ cứ như những điều cực kỳ quan trọng và chụp rất nhiều ảnh về những căn nhà ghép ván gỗ như thể chúng xứng được như vậy. Thậm chí họ chụp ảnh những gì có trong nhà với một cây đèn nhỏ phát ra ánh sáng chói lòa hơn cả mặt trời.

Ít lâu sau người ta mới vỡ lẽ khi biết được đó là các quý ông và những sinh viên của chính phủ đến để chuyển tất cả thành phố và mọi người tới một địa điểm khác. Chính phủ đã quyết định rằng La Digue không được tồn tại nữa vì nó quá gần đường và sân bay, hoặc có lẽ họ cần đất đai để xây dựng các tòa nhà và văn phòng. Người ta biết được chuyện này vì họ phân phát giấy tờ cho hết thầy mọi gia đình nhằm thông báo tất cả mọi người

phải ra đi và thành phố sẽ bị máy móc và xe tải phá trụi. Những sinh viên của chính phủ cho mọi người xem những bản vẽ giới thiệu thành phố mới họ sẽ xây phía thượng nguồn con sông. Đó là những điều hết sức kỳ lạ với những ngôi nhà chằng giống chút gì với những gì dân nơi đây từng biết, những tòa nhà lớn vuông vắn với các cửa sổ giống hệt những cái lỗ bằng gạch. Giữa mỗi toà nhà, có một khoảng sân rộng, trồng cây cối và đường phố thẳng tắp như đường ray xe lửa. Những người sinh viên gọi là Thành phố Tương lai và khi họ nói chuyện đó với đàn ông đàn bà ở La Digue, họ có vẻ rất hài lòng, mắt họ lấp lánh và họ khoa chân múa tay. Hẳn là vì họ đã vẽ các bản thiết kế.

Khi chính phủ quyết định sẽ phá huỷ La Digue và không ai có thể ở lại, cần phải có sự đồng ý của người có trách nhiệm. Nhưng không có người đảm đương tại La Digue. Người ta đã quen sống như vậy bởi lẽ cho đến lúc này chẳng ai cần một nhân vật tương tự. Chính phủ đã tìm một người muốn cáng đáng vai trò này và viên quản lý khu đã được đề cử. Khi ấy chính phủ thường đến nhà ông ta để nói chuyện về Thành phố Tương lai và thậm chí đôi khi họ đưa ông ta đi trên một chiếc xe màu đen để đến văn phòng ký các loại giấy tờ và mọi việc theo đúng nguyên tắc. Hẳn có lẽ Chính phủ đã gặp Martin trong lâu đài của chú, song không một ai đã động đến chú và chú ở quá xa, tận cùng của La Digue, gần đầm lầy. Dầu sao, chú chẳng muốn ký kết gì và mọi người đồ rằng chú đã quá già.

Khi Martin biết tin, chú không nói gì, nhưng người ta cảm thấy chú không thích chuyện này. Chú đã dựng lên lâu đài của mình ở nơi chú muốn và chú hoàn toàn không muốn dời đến chỗ khác chút nào, nhất là tại một trong những tòa nhà của Thành phố Tương lai giống một đống gạch. Sau đó, chú bắt đầu tuyệt thực, nhưng không phải một đợt tuyệt thực vài ngày như thường lệ. Một cuộc tuyệt thực kinh khủng kéo dài hàng tuần lễ, dường như không có ngày kết thúc.

Ngày ngày, Alia đến nhà mang cho chú bánh mỳ và những đứa trẻ khác cũng tới với cả đĩa thức ăn, hy vọng rằng Martin sẽ dậy. Tuy nhiên chú vẫn cứ nằm lì trên chiếu, mặt xoay ra cửa và làn da chú trở nên tái nhợt dưới sự khô héo trước kia. Đôi mắt sẫm màu le lói một thứ ánh sáng u ám do chúng mệt mỏi và đau đớn vì nhìn không nghĩ. Đêm chú không ngủ. Chú giữ

nguyên tư thế như vậy, không động cựa, nằm dài trên đất, mặt hướng về cánh cửa để mở, dõi mắt vào đêm.

Alia ngồi cạnh chú, cô bé lau mặt chú bằng một mảnh vải ướt để làm sạch bụi và gió cuốn phủ lên chú giống như lên một tảng đá. Chú uống một ít nước trong vò, chỉ vài ngụm cho cả ngày. Alia nói: "Bây giờ chú không muốn ăn ư? Cháu đem bánh tới cho chú đây này". Martin gượng cười, xong miệng chú đầy nhọc mệt và chỉ cặp mắt chú lộ ánh cười. Alia cảm thấy tim mình co thắt vì cô bé nghĩ rằng Martin sắp chết. "Có phải vì chú không muốn dời đi nên chú không đói không?" - Alia hỏi. Martin không đáp nhưng mắt chú lên tiếng với ánh đầy mệt mỏi và đau đớn. Chúng dời ra ngoài qua khuôn cửa thấp để ngó, mặt đất lau sậy, bầu trời xanh. "Có lẽ chú hẳn không đến thành phố mới đằng kia cùng cháu. Có thể chú lại phải quay về đất nước tuyệt đẹp của mình, nơi chú từ đó tới, nơi mọi người đều như các hoàng tử và công chúa".

Giờ đây sinh viên của chính phủ đến ít thường xuyên hơn, rồi họ không tới nữa. Alia trông chừng họ trong khi làm việc tại nhà bác gái hoặc trong lúc lấy nước tại máy bơm. Cô bé để ý xem ô tô của họ có đậu trên đường, ở cửa ngõ thành phố không. Rồi cô chạy băng đến lầu đài của Martin. "Hôm nay họ cũng không đến!" Cô hỏn hển trong hơi thở đứt quãng. "Họ sẽ không tới đây nữa! Chú nghe thấy không? Xong rồi, họ sẽ không đến nữa đâu, chúng ta sẽ ở lại nơi này!"

Tim cô bé đập rất mạnh, vì cô nghĩ rằng chính Martin đã tống khứ đám sinh viên kia đi chỉ bằng cách tuyệt thực. "Cháu chắc đấy chứ?" - Martin hỏi. Giọng chú rất chậm rãi và chú chống khuỷu tay hơi nhòm dậ. "Họ đã không đến ba ngày nay rồi!" "Ba ngày?" "Bây giờ họ sẽ không đến nữa đâu, cháu chắc vậy!" Alia bẻ một mẩu bánh và đưa cho Martin. "Không, không ăn ngay lập tức được - người đàn ông nói - trước hết chú phải rửa ráy cái đã". Tựa vào Alia, chú loạng choạng đi vài bước ra ngoài. Cô bé đưa chú ra tận sông, lách qua đám lau sậy, Martin quỳ gối và thông thả rửa mặt. Và chú cạo râu và chải tóc chẳng chút vội vã và như thể chú vừa mới ngủ dậy. Sau đó chú đến ngồi trên cái hòm dưới ánh nắng, và ăn bánh của Alia. Lúc này bọn trẻ lũ lượt mang thức ăn tới và Martin ăn những gì người ta cho và ngỏ lời cảm ơn. Khi đã khá no nê, chú trở vào nhà và lại nằm dài như trước.

"Bây giờ chú phải ngủ" - chú nói. Tuy nhiên lũ nhóc vẫn ngồi bệt trước cửa nhà để xem chú ngủ.

Trong lúc Martin ngủ thì những chiếc xe hơi mới tinh đã quay trở lại. Trước tiên là những người mặc comlê xám, xách những chiếc vali đen. Họ đi thẳng tới nhà viên quản lý khu dân cư. Rồi đám sinh viên cũng kéo đến, còn đông hơn lần đầu.

Alia đứng im, lưng tựa vào tường một ngôi nhà trong khi đám người nọ điếu qua trước mặt cô và sải bước đến quảng trường nơi đặt bơm nước ngọt. Họ tụ tập lại và dường như chờ đợi điều gì. Rồi những người bận đồ xám cũng xuất hiện, có viên quản lý khu cùng đi. Những người mặc đồ xám nói với ông ta song ông ta lắc đầu và cuối cùng, một trong những người của chính phủ, bằng một giọng rõ ràng, vang xa thông báo cho tất cả mọi người. Ông ta chỉ nói một cách đơn giản rằng việc khởi hành sẽ diễn ra vào 8 giờ sáng ngày mai. Các xe tải của chính phủ sẽ đến chở mọi người đến vùng đất mới, nơi người ta sẽ sớm xây dựng Thành Phố Tương Lai. Anh ta còn nói rằng các sinh viên chính phủ sẽ tình nguyện giúp dân chúng chất đồ đạc lên xe tải.

Alia không dám động đậy, ngay cả khi những người mặc đồ xám và đám sinh viên lại ra đi trên những chiếc xe ô tô của họ. Cô bé nghĩ đến Martin lúc này chắc hẳn sắp chết bởi người chú chẳng bao giờ còn muốn ăn uống nữa.

Khi ấy cô bé đi tìm chỗ ẩn lánh xa nhất có thể được, giữa đám lau sậy bên sông. Cô ngồi trên đám đá cuội và nhìn mặt trời lặn, Ngày mai, khi mặt trời cũng ở chỗ này, thì đã chẳng còn một bóng người ở La Digue nữa. Những chiếc máy ủi sẽ chà sát thành phố, húc tung các ngôi nhà chẳng khác nào những hộp diêm và sẽ chỉ còn lại những vết lốp xe và bánh xích trên mặt đất bị cày xới. Alia im lìm hồi lâu trong bài sậy ven sông. Đêm xuống, một đêm lạnh lẽo được chiếu tỏa bởi vầng trăng tròn trặn màu trắng bạc. Nhưng Alia không muốn quay về nhà bác. Cô bắt đầu bước qua đám lau lách, dọc theo dòng sông, cho tới khi đến đầm lầy. Cao hơn một chút, cô đoán ra hình dạng tròn của lâu đài của Martin. Cô bé lắng nghe bầy cóc kêu ộp oạp và nước sông chảy rì rầm đều đều phía bên kia đầm.

Khi Alia đến trước nhà Martin, cô bé nhìn thấy chú đứng như tượng. Khuôn mặt được ánh trăng soi sáng còn cặp mắt tựa nước sông, sẫm tối và lấp lánh. Martin ngó ra đầm lầy, về phía cửa sông rộng lớn trải ra bãi đá cuội mênh mông lấp lóa ánh lân tinh. Người đàn ông xoay về phía cô và cái nhìn của chú tràn đầy một sức mạnh lạ thường dường như phát quang thật sự. "Ta tìm cháu" - Martin nói. "Chú sắp đi ư?" - Alia khẽ thốt lên. "Phải, ta sẽ đi ngay lập tức". Chú nhìn Alia như đùa cợt: "cháu có muốn đi với ta không?". Alia cảm thấy niềm vui đột nhiên nở phồng trong phổi và họng. Cô nói, giọng lúc này như kêu lên: "Chờ cháu với! Chờ cháu với!"

Cô bé chạy qua các đường phố, đập cửa tất cả các nhà và hét to: "Lại đây mau! Lại đây! Chúng ta sẽ đi liền!" Bọn trẻ và đám phụ nữ ra khỏi nhà trước tiên vì họ đã hiểu. Rồi cánh đàn ông cũng vậy, người này tiếp sau người kia. Dân chúng La Digue đổ ra chận các ngã đường. Người ta đem những gì có thể dưới ánh sáng của các cây đèn pin, nào bao, thùng đồ làm bếp. Lũ nhóc la hét và chạy trên đường, vừa lặp lại cùng một câu: "Chúng ta đi thôi! Chúng ta đi thôi!"

Khi mọi người tới nhà Martin, có một thoáng im lặng như lưỡng lự. Thậm chí viên quản lý khu cũng chẳng dám ho he gì vì lẽ mọi người đều cảm thấy đó là một sự bí ẩn. Martin vẫn đứng bất động trước con đường mở vào đầm lau sậy. Rồi chẳng nói một lời với đám đông đang chờ đợi, chú bắt đầu lên đường, đi về phía dòng sông. Khi ấy những người khác bám đằng sau chú. Chú đều đặn tiến bước, không ngoái lại, không trù trù như thể biết rõ mình đi đâu, và họ không sợ nữa. Dòng nước đen sẫm tỏa ánh quanh cơ thể Martin, trong lúc chú lội qua sông. Lũ trẻ nắm tay đàn bà và đàn ông và đám đông cũng từ từ tiến lên trong nước sông giá lạnh. Phía trước mặt, bên kia dòng sông đen với những bãi đá cuội phát lân quang, khi bước trên lòng sông trơn truội, tấm váy dán vào bụng và đùi, Alia trông thấy dải sẫm tối của bờ bên kia, nơi chẳng một tia sáng nào lấp lánh.



## NGƯỜI CHƯA BAO GIỜ THẤY BIỂN

Nó tên là Daniel nhưng rất thích được gọi là Sindbad vì nó đã đọc những cuộc phiêu lưu của nhân vật nọ trong một cuốn sách đóng bìa đỏ to tướng mà nó luôn mang theo bên mình, đến lớp học cũng như trong nhà ngủ nội trú. Thật ra tôi định ninh rằng nó chẳng bao giờ đọc được gì ngoài cuốn sách nói trên. Nó không đả động tới chuyện đó, trừ phi thỉnh thoảng người ta hỏi. Khi ấy đôi mắt đen của nó lấp lánh mãnh liệt hơn và khuôn mặt nhọn đột nhiên trở nên linh hoạt. Song đó là một cậu bé ít nói. Nó không tham gia vào chuyện của người khác, trừ khi đó là chuyện về biển hoặc cuộc du ngoạn. Phần lớn con người sống trên cạn. Họ sinh ra trên đất và chính đất và những sản vật của đất khiến họ lưu tâm. Thậm chí các thủy thủ cũng là người của đất, họ yêu nhà cửa và phụ nữ, họ bàn tán về chính trị và xe hơi. Nhưng nó, Daniel, lại như thể thuộc về dòng giống khác hẳn. Những thứ có trên mặt đất làm nó buồn chán, những cửa hàng, xe cộ, âm nhạc, phim ảnh và tất nhiên là những bài giảng ở trường trung học. Nó chẳng buồn nói gì, thậm chí chẳng thèm ngáp để biểu lộ sự buồn bực. Tuy nhiên nó vẫn nán tại chỗ, ngồi trên một chiếc ghế dài hay trên bậc cầu thang trước sân chơi, nhìn vào khoảng không. Đó là một học sinh xoàng, mỗi quý chỉ vừa điểm đủ trụ lại. Khi một giáo viên xướng tên, nó đứng lên đọc thuộc lòng bài học, rồi lại ngồi xuống và thế là xong. Như thể nó ngủ mở mắt vậy.

Ngay cả khi người ta nói tới biển, điều này cũng chẳng khiến nó quan tâm được lâu. Nó lắng nghe một lát, hỏi han vài ba câu rồi nhận thấy họ không thực sự nói về biển, mà là về chuyện tắm, về đi săn ngà, những bãi biển và những cơn cảm nắng. Lúc đó nó bèn bỏ đi, quay về ngồi trên cái ghế dài hoặc trên bậc cầu thang quen thuộc, dõng mắt vào khoảng trống. Nó không muốn nghe nói về loại biển ấy. Đó là một loại biển khác, người ta chẳng biết rõ biển gì, nhưng là một thú biển khác.

Chuyện là vậy trước khi nó biến mất, trước khi nó ra đi. Không một ai hình dung nổi một ngày kia nó bỏ đi, tôi muốn nói một cuộc ra đi thực sự, không trở lại. Nó nghèo xác, cha nó có một khoảng đất trống trọt nhỏ cách thành phố chừng vài cây số. Còn Daniel phải mặc bộ đồ xám của học sinh

nội trú bởi lẽ gia đình nó ở quá xa để nó có thể trở về nhà mỗi tối. Nó có ba hoặc bốn người anh mà người ta không biết mặt người nào. Daniel chẳng hề có bạn bè, chẳng quen biết một ai và cũng chẳng ai biết nó. Có lẽ nó thích như vậy hơn để khỏi bị ràng buộc. Khuôn mặt nhòn nhọn của nó khá kỳ cục với cặp mắt huyền đẹp, lãnh đạm.

Daniel không hé răng với bất kỳ người nào. Nhưng hẳn nó sửa soạn tất cả cho thời điểm ấy, chắc chắn thế. Nó đã chuẩn bị hết thảy trong đầu, ghi nhớ các con đường, bản đồ và tên những thành phố phải đi qua. Có lẽ nó đã ước mơ về nhiều điều, ngày lại ngày và hàng đêm khi nằm trên giường trong ký túc xá, trong lúc những đứa trẻ khác đùa tếu và lén hút thuốc. Nó nghĩ đến những dòng sông lững lờ trôi về cửa sông, tới tiếng táo tác của bầy chim mòng biển, gió, những cơn giông rít lên giữa những cột buồm và những nạng tiên cá trên các cây cọc tiêu.

Daniel bỏ đi vào đầu mùa đông, khoảng giữa tháng chín. Khi đám học sinh nội trú thức dậy trong ký túc xá to lớn màu xám, nó đã biến mất. Người ta lập tức nhận ra điều đó, ngay khi mở mắt, vì giường của Daniel còn nguyên vẹn. Các tấm chăn được kéo cẩn thận và tất cả đều hết sức ngăn nắp. Khi đó người ta chỉ thốt lên: "Này! Daniel đã đi rồi!" mà chẳng thực sự ngạc nhiên cho lắm bởi lẽ đầu sao đã biết mang máng rằng việc này sẽ xảy đến. Song không ai nói gì khác vì họ không muốn gặp lại nó.

Ngay cả những học sinh hay chuyện nhất của lớp trung cũng chẳng nói gì. Chung quy, chúng có thể nói gã kia chứ? Chúng chẳng biết gì hết. Suốt một thời gian dài, chúng thì thào, ngoài sân hay trong giờ tiếng Pháp, nhưng đó chỉ là những mẩu chuyện rời rạc mà chỉ chúng tôi biết nghĩa. "Cậu cho là bây giờ nó đã tới nơi chưa?" "Cậu nghĩ thế ư? Chưa đâu, còn xa lắm, cậu biết đấy..." "Ngày mai chẳng?" "Ồ, có thể." Những đứa táo bạo nhất bảo: "Có thể nó đã ở Châu Mỹ..." Còn những đứa bi quan thì nói: "Úi chà, có lẽ hôm nay nó sẽ quay về cho mà xem."

Nhưng nếu chúng tôi im lặng, trái lại câu chuyện có vẻ xôn xao trong giới lãnh đạo. Các giáo viên, các giám thị bị triệu tập đều đặn lên văn phòng hiệu trưởng và thậm chí đến đồn cảnh sát. Thỉnh thoảng, những viên thanh tra lại về và vắn hỏi từng học sinh một hòng cố gắng moi tin tức.

Lẽ dĩ nhiên, chúng tôi nói về mọi chuyện, trừ cái mà chúng tôi biết, về biển. Chúng tôi nói về núi non, về thành phố, về những kho báu, thậm chí cả những kẻ lang thang bắt cóc trẻ con và đội quân lê dương. Chúng tôi lôi ra những chuyện giời ơi đất hỡi để làm rối hướng điều tra, đám giáo viên và giám thị ngày càng cáu kỉnh và trở nên giận dữ.

Sự ồn ã kéo dài nhiều tuần, nhiều tháng. Đã xuất hiện vài ba mẫu nhân tìm trên báo chí với đặc điểm nhân dạng của Daniel và một tấm ảnh chẳng hề giống nó. Rồi tất cả đột ngột dịu đi do chúng tôi thấm mệt vì câu chuyện này. Có lẽ mọi người đều biết rằng nó sẽ chẳng bao giờ trở lại.

Cha mẹ của Daniel đã khuây khoả dần bởi lẽ họ quá nghèo và chẳng có gì khác phải làm. Cảnh sát ra tay sắp xếp vụ việc, đó là những gì chính họ nói, và còn thêm vài điều được các giáo viên và giám thị lặp lại, như thể đó là chuyện thường tình, trong khi với chúng tôi lại hết sức kỳ dị. Họ bảo rằng mỗi năm có hàng chục ngàn người biến mất không để lại dấu vết và người ta chẳng bao giờ còn gặp lại họ. Cảnh giáo viên và giám thị nhắc lại câu này và nhún vai như thể đó là điều vặt vãnh nhất trần đời, nhưng khi chúng tôi nghe những lời này lại khiến chúng tôi mơ ước, bắt đầu khơi dậy trong sâu thẳm bản thân một giấc mơ thậm kín và đầy mê hoặc, còn chưa đến hồi kết thúc.

Khi Daniel tới nơi, chắc chắn là ban đêm, trên một chuyến tàu hàng dài đặc lãn bánh đêm ngày trong một khoảng thời gian rất lâu. Những đoàn tàu hàng, thường chạy ban đêm vì chúng dài và đi rất chậm, từ đầu mỗi đường sắt này tôi đều mới khác. Daniel nằm trên sàn cứng, cuộn mình trong một mảnh bao vải cũ. Nó nhìn qua cửa có chấn song thưa, trong lúc con tàu giảm tốc độ và dừng lại, bánh nghiền ken két dọc khu cảng. Daniel mở cửa, nhảy lên đường và chạy dọc ta luy cho tới khi tìm được một lối qua. Nó không có hành lý gì cả, chỉ mang một cái túi lính thủy màu xanh nước biển luôn kè kè bên mình, trong để cuốn sách cũ bìa đỏ.

Giờ đây, nó tự do và cảm thấy lạnh. Sau chừng ấy giờ vạ vật trên toa tàu khiến đôi chân Daniel nhừ nhối. Đêm xuống, trời đổ mưa. Daniel bước thật nhanh trong chừng mực có thể để rời khỏi thành phố. Nó không biết mình đi đâu. Nó tiến thẳng về phía trước giữa các bức tường nhà kho, trên con đường lấp lánh ánh sao của những cột đèn đường. Chẳng thấy một bóng

người ở nơi này, cũng không có những cái tên viết trên các mảng tường. Nhưng biển thì không xa nữa. Daniel đoán nó đâu đó phía bên phải, ẩn sau những tòa nhà đồ sộ xây bằng xi măng, phía bên kia bờ tường. Biển đắm chìm trong đêm.

Một lát sau, Daniel cảm thấy mệt mỏi do cuộc bộ. Lúc này nó đã đến vùng nông thôn và thành phố hấp háy phía xa đằng sau nó. Đêm đen kịt, đất và biển trở nên vô hình. Daniel tìm một chỗ để tránh mưa gió và chui vào một chiếc lều ván gỗ bên lề đường. Nó dọn chỗ ngủ cho tới sáng tại nơi này. Đã nhiều ngày nay Daniel không ngủ và có thể nói không ăn uống, bởi lẽ luôn phải trông chừng qua cửa toa tàu. Nó biết thừa rằng không nên chạm trán cảnh sát. Khi ấy, náu kỹ tít trong túp lều gỗ, Daniel nhám nháp một chút bánh mì và ngủ thiếp đi.

Khi nó thức giấc, mặt trời đã lên cao và Daniel ra khỏi lều, neho mắt dạo vài bước. Có một con đường dẫn tới đụn cát và Daniel bắt đầu lần theo con đường nọ. Tim nó đập mạnh hơn vì biết cái nó tìm nằm phía bên kia cồn cát, cách không đầy hai trăm mét. Nó chạy trên đường, leo qua con dốc cát, gió thổi mỗi lúc một mạnh hơn, mang theo tiếng động và mùi lạ. Rồi nó cũng đã tới đỉnh cồn cát và thình lình nó trông thấy biển.

Đại dương đó, khắp nơi, trước mặt nó, mênh mông, cuộn vòng tựa dốc núi, lấp lánh màu xanh, sâu thẳm, rất gần với những đợt sóng cao chạy về phía Daniel. “Biển! Biển!” - Daniel nghĩ, nhưng nó không dám nói to. Nó đứng bất động, những ngón tay hơi xò ra, nó không nhận thấy mình đã ngủ ngay cạnh biển. Daniel nghe tiếng sóng vỗ trên bãi cát. Đột nhiên gió tắt, vàng dương sáng loá trên biển, chậm rãi thấp lên một ngọn lửa trên mỗi ngọn sóng. Cát trên bãi biển màu tro, trơn truội, dọc ngang những lạch nhỏ và phủ đầy những vũng nước phản chiếu bầu trời.

Tận đáy lòng mình, Daniel lặp đi lặp lại nhiều lần cái tên đẹp đẽ: “Đại dương, đại dương, đại dương...” Đầu tràn ngập tiếng động và nổi bâng hoàng. Nó thềm nói, thậm chí muốn kêu to lên, nhưng họng nó tắc nghẹn. Khi đó nó vừa đi vừa la hét, ném đi thật xa chiếc túi màu xanh lặn trên cát, nó vừa đi vừa khoa chân múa tay như một người đi qua đường cao tốc. Daniel nhảy qua những đám tảo giạt, loạng choạng trên cát khô nơi bãi biển

nhô cao. Nó trút bỏ giày tất và để chân trần, chạy càng mau hơn, không cảm thấy những cái gai nhọn của cây cóc gai.

Biển đằng xa, phía đầu kia trắng cát. Nó lấp lánh trong ánh sáng, đổi màu và hình vẽ, xanh nước biển, rồi xám, xanh lục, gần như đen, những dải cát màu son viền những con sóng bạc. Daniel không biết biển xa đến thế. Nó tiếp tục chạy, cánh tay khé vào người, tim nện thình thịch trong lồng ngực. Lúc này, nó cảm thấy cát cứng như nhựa đường, ẩm và lạnh dưới chân. Càng lại gần, tiếng sóng gầm càng lớn, tựa như tiếng rít của hơi nước. Đó là một tiếng động rất nhẹ và chậm, rồi mãnh liệt và đáng lo ngại như những đoàn tàu trên cầu sắt hoặc chạy lùi về sau như nước sông. Tuy nhiên Daniel không sợ. Nó vẫn tiếp tục chạy thật nhanh, thẳng một mạch trong khí lạnh, không nhìn ngó chỗ khác. Khi chỉ còn cách điểm bọt sóng vài mét, nó cảm nhận mùi vị của chồn sâu thẳm và đứng lại. Một cơn đau ngực quặn thắt lan xuống bẹn nó và mùi nước mặn làm nó khó thở.

Daniel ngồi bệt trên cát ẩm ướt và nhìn biển dâng lên trước nó như tới giữa trời. Nó nghĩ đã lao lung về khoảnh khắc này, tưởng tượng biết bao nhiêu về cái ngày rớt cuộc nó sẽ được ngắm biển một cách thực sự, không giống như trên phim ảnh mà là biển đích thực, trải ra quanh nó, nổi cuộn những con sóng lớn dồn dập ủa vào, những đám mây bọt hiển, cơn mưa bụi nước trong ánh nắng và xa tít, chân trời uốn cong như một bức tường! Nó đã mong muốn giờ phút này nhường nào đến mức không còn đủ sức nữa, như thể nó sắp chết hay ngủ thiếp đi.

Đúng là biển, biển của nó, chỉ của riêng nó lúc này và Daniel biết nó không bao giờ có thể ra đi nữa. Daniel nằm hồi lâu trên cát rần, nằm nghiêng và chờ lâu đến nỗi biển bắt đầu dâng lên dọc theo bờ dốc và chạm vào đôi chân trần của nó.

Ấy là thủy triều. Daniel nhảy lên, tất cả các cơ bắp căng ra cho cuộc chạy trốn. Đằng xa, sóng bạc đầu lao vào với tiếng động như sấm. Nhưng nước còn chưa cường. Sóng vỗ bờ, sôi sục phía dưới bãi biển, trườn lên. Lớp bọt nhẹ vây quanh bắp chân Daniel, đào những cái giếng quanh gót chân nó. Thoạt tiên nước lạnh ngọam vào ngón chân rồi mắt cá, rồi không cảm thấy gì nữa.

Gió nổi lên cùng lúc với thủy triều. Nó trỗi dậy từ chân trời, mây tụ vùn vủ. Nhưng đó là những đám mây lạ, giống hệt bọt biển và muối cuộn theo gió tựa những hạt cát. Daniel không nghĩ tới việc chạy trốn nữa. Nó bắt đầu đi dọc biển, trong lớp bọt. Cứ mỗi đợt sóng, Daniel lại cảm thấy cát luồn vào ngón chân doãng rồi khép lại. Chân trời phía xa phồng lên xẹp xuống tựa một hơi thở và tạo ra sức đẩy về đất liền.

Daniel thấy đói bụng. Nó vốc một ít nước và bọt trong lòng tay và uống một ngụm. Muối thiêu đốt miệng và lưỡi nó song Daniel vẫn uống tiếp vì nó yêu vị của biển. Nó mơ tưởng đến thứ nước này đã từ lâu lắm, tự do, không ranh giới, tất cả thứ nước mà người ta có thể uống trong suốt cuộc đời mình! Trên bờ biển, đợt thủy triều cuối cùng ném lên những mẩu gỗ và đám rế giống y những mẩu xương lớn. Lúc này nước lại dâng chậm chạp, đẩy chúng lên cao hơn một chút, trộn lẫn chúng vào các khóm tảo đen to tướng.

Daniel đi dọc mép nước và nhìn thao láo như thể muốn biết trong giây lát tất cả những gì biển có thể cho nó xem. Nó cầm trong tay những sợi tảo nhớt dính, những mẩu vỏ sò, nó đào trong bùn theo các hang côn trùng, tìm kiếm khắp nơi, bước đi hoặc bò lồm cồm trên cát ướt. Mặt trời chói gắt trên cao và biển gầm gừ bất tận.

Chốc chốc, Daniel dừng lại, dỗi mắt về phía chân trời và nhìn những ngọn sóng cao tìm cách vượt qua các mỏm đá ngầm. Nó ra sức thở để cảm nhận hơi thở và dường như biển và chân trời làm phôi, bụng và đầu nó nở phồng, trở thành một thứ khổng lồ. Nó nhìn làn nước màu sẫm phía xa, nơi không có đất cũng chẳng có bọt biển mà chỉ thấy bầu trời bao la khoáng đạt và Daniel khe khẽ nói với biển như thể biển có thể nghe thấy; nó gọi: “Nào! Hãy dâng lên tận đây đi, lại đây! Lại đây!” “Mây quả là đẹp, mây sẽ đến và bao phủ lên cả trái đất, tràn ngập các thành phố, mây sẽ dâng cao tít lên các đỉnh núi!” “Lại đây với những con sóng của mây, dâng lên, dâng lên! Qua đây, qua đây!” Rồi nó lùi dần từng bước, về phía chỗ cao của bãi cát.

Nó biết rằng nước dâng lên, nở tràn, lan rộng tựa những bản tay dọc theo các thung lũng cát nhỏ. Những con cua màu xám chạy đằng trước Daniel, càng giờ lên, lẹ làng như lũ côn trùng, Làn nước bạc đổ đầy những cái hốc bí ẩn, chìm ngập những cái hang kín đáo. Nó dâng cao, mỗi ngọn



sóng lại cao hơn chút ít rồi trải vờn những tấm thảm chuyển động. Daniel nhảy múa đờng trước như bày cua xám, nó vừa giơ tay vừa chạy và nước cù vào gót nó, Rồi Daniel lại trở xuống, đào những đường rãnh trong cát để nước lên nhanh hơn và cất tiếng hát khe khẽ nhằm giúp nước dâng tới: “Nào, dâng lên, nào, sóng, hãy dâng lên cao hơn, cao hơn, nào!”

Lúc này Daniel lội trong nước ngập đến thắt lưng, nhưng nó không cảm thấy lạnh mà cũng chẳng hề sợ. Quần áo ướt bết vào da, tóc rũ trước mắt như một mớ tảo. Đại dương sôi sục quanh nó, nước rút mạnh đến nỗi Daniel phải bầu xuống cát để không bị ngã ngửa ra, rồi lại ùa vào và đẩy nó lên bãi biển.

Những đám tảo chết quất vào bắp chân Daniel, quấn vào mắt cá. Daniel gỡ chúng ra như một lũ rắn, ném xuống biển và kêu lên: “Arrh, Arrh!” Nó chẳng buồn nhìn vàng dương và bầu trời. Thậm chí nó không trông thấy dải đất xa xa và những bóng cây. Chẳng có ma nào ở đây, không có ai khác ngoài biển và Daniel hoàn toàn tự do.

Bỗng nhiên, đại dương bắt đầu dâng nhanh hơn. Biển trào qua dãy đá ngầm và giờ đây những đợt sóng xuất phát từ ngoài khơi chẳng có gì kìm giữ nổi chúng. Sóng lừng lững, hơi xiên xiên với cái ngọn toả khói và bụng màu xanh thẫm lõm phía dưới, viền bọt. Chúng lao đến nhanh quá khiến Daniel không có thời gian chạy trốn. Nó quay lưng bỏ chạy, song tấp vào vai nó, ào qua đầu. Theo bản năng, Daniel móc chặt những ngón tay vào cát và nín thở.

Nước ào ào đổ lên nó quay tròn, chui vào mắt, vào tai, miệng và mũi nó.

Daniel cố gắng trườn về phía đám cát khô. Nó choáng váng đến mức phải nằm sấp bụng trong bọt biển một lát, không động đậy. Nhưng những đợt sóng khác lại gầm gào xô tới. Chúng còn ngóc đầu lên cao hơn trước và bụng khoét sâu tựa những cái hang. Khi ấy Daniel chạy về phía bãi cát cao và ngồi trên cồn cát, phía bên kia hàng rào tảo dạt. Thời gian còn lại trong ngày, nó không đến gần biển nữa. Tuy nhiên cơ thể nó vẫn còn run rẩy, khắp trên lớp da và thậm chí cả bên trong có vị mặn chát của muối và đáy mắt nó hiện lên vệt sáng của sóng.

Phía đầu kia vịnh có một mũi đất đen nhô ra biển, lăm lăm động. Khi ra biển, Daniel sống những ngày đầu tiên tại nơi này. Cái hang nó ở là một hốc nhỏ ngoằn ngoèo trong bờ đá đen phủ kín đá cuội và cát xám. Daniel sống tại đây trong suốt những ngày này, có thể nói là không bao giờ rời mắt khỏi đại dương.

Khi ánh mặt trời ló rạng, tái xám và chân trời hầu như giống một sợi chỉ lẩn trong màu biển và trời, Daniel đứng dậy và ra khỏi hang. Nó leo lên bờ đá màu đen để uống nước mưa trong các vũng. Lũ chim biển to lớn cũng đến, chúng bay lượn quanh nó, thốt ra những tiếng kêu lạc lõng và Daniel huýt sáo chào chúng. Buổi sáng, khi biển còn chưa dâng lên, phần đáy bi ảm của nó được khám phá. Có những vũng nước lớn màu sẫm, những dòng thác chảy len lõi trong đá, những con đường trơn tuột, những quả đồi tảo sống. Khi đó Daniel rời mũi đất và tụt dọc xuống theo vách đá đến tận trung tâm khoảng bằng phẳng mà biển để lộ ra. Dường như nó tới ngay giữa biển, trong một xứ sở lạ lùng chỉ tồn tại vài giờ.

Cần phải khẩn trương, đường viền màu đen của dãy đá ngầm rất gần và Daniel nghe sóng trầm trầm, và những dòng nước sâu rì rầm.

Ở đây, mặt trời không lấp lánh được lâu. Biển sớm quay trở lại phủ bóng lên mọi vật và ánh sáng phản chiếu rất mạnh, không sưởi ấm nổi. Biển hé lộ vài điều bí mật nhưng phải nắm bắt thật nhanh trước khi chúng biến mất. Daniel chạy trên những tảng đá dưới lòng biển, giữa những rừng tảo. Một thứ mùi nồng nàn dâng lên từ những vũng nước và các thung lũng màu đen, mùi con người không biết và khiến họ say sưa.

Daniel tìm kiếm tôm cá và sò trong những vũng nước lớn ngay sát biển. Nó vục tay xuống nước, giữa những khóm tảo và chờ lũ tôm cua đến ủa vào ngón tay nhòn nhọn và bắt chúng. Trong các vũng, những con hải quỳ màu tím, xám, đỏ khép mở những cái tràng.

Trên những tảng đá phẳng phiu có bày sao sao màu trắng và xanh sinh sống, những cái lò màu da cam, những cái mũ lễ, những vòm cầu, vô số những loài nhuyễn thể. Ánh sáng lấp lánh trong lòng các ao vũng. Hoặc đột nhiên, giữa đám lá tảo hiện ra cái vỏ rỗng lấp lánh ánh ngũ sắc như đám mây của một con bào ngư già, lưỡi một con dao, hình dạng hoàn hảo của

“một con sò Saint-Jacques. Daniel ngấm chúng hồi lâu qua lớp nước trong suốt và như thể nó cũng đang sống trong vũng, dưới đáy một khe nứt bé xíu, bị chói lóa bởi mặt trời và chờ đêm buông trên biển.

Daniel bắt những con sao sao để ăn. Nó phải lại gần chúng mà không gây động để chúng khỏi ngậm chặt miệng vào đá rồi dùng đầu ngón chân cái tách chúng ra. Nhưng lũ sao sao thường nghe được tiếng bước chân của Daniel hay tiếng thở của nó và chúng dán chặt xuống đá phẳng, phát ra những tiếng lét đét. Khi Daniel bắt được kha khá tôm và sò, nó bỏ những thứ kiếm được vào một cái vũng nhỏ khoét vào một tảng đá, để sau đó nấu chín trong một cái vỏ đồ hộp nhờ đốt tảo. Rồi nó đi xem xa hơn, tận cùng khoảng bằng phẳng của đáy biển, nơi những con sóng dồn dập vỗ bờ. Bởi vì người bạn mực tuộc của nó sống chính tại chỗ này.

Ngay hôm đầu tiên ra biển, Daniel đã lập tức quen biết con vật nọ, thậm chí trước khi biết bày chim biển và lũ hải quỳ. Nó đã đến tận những mép những đợt sóng ầm ào tự đổ xuống chính mình, khi biển và chân trời không xô động, không nổi sóng nữa và những dòng hải lưu lớn thẫm xanh dường như ghìm lại trước khi chồm dậy.

Không hề nghi đó là chốn bí mật nhất trên đời, nơi đây ban ngày chỉ tồn tại trong vài phút. Daniel bước rất nhẹ, bám chặt vào vách đá trơn nhẵn, như thể tụt xuống giữa lòng quả đất. Nó trông thấy vũng ao lớn với thứ nước nặng, chậm chậm khua động những búi tảo dài nghêu và nó bất động, mặt gần như chạm mặt nước. Khi ấy nó đã thấy những cái vôi của con mực tuộc ngoe nguẩy trước bờ vũng. Chúng vươn ra từ một khe nứt, sát đáy, tựa hồ một làn khói và trườn nhẹ nhàng trên các đám tảo. Daniel nín thở, nhìn những chiếc vôi hầu như không động đậy, lẫn vào các sợi tảo.

Rồi con mực tuộc chui ra. Cái thân dài hình trụ của nó di chuyển một cách thận trọng, các vôi của nó uốn lượn đằng trước. Trong ánh sáng chập chờn của mặt trời phù du, cặp mắt màu vàng của con bạch tuộc lấp lánh tựa kim loại đuôi lớp da nổi gò. Con mực tuộc để những chiếc vôi dài múa lượn một chốc với những đĩa khớp màu tím như tìm kiếm cái gì đó. Rồi nhìn thấy bóng Daniel nghiêng xuống vũng, nó nhảy lùi về phía sau, thu vôi lại và nhả ra một đám mây xanh xám kỳ lạ.

Giờ đây, như mọi ngày, Daniel đến bên bờ vũng, ngay gần những con sóng. Nó lại cúi trên làn nước trong vắt và nhẹ nhàng gọi con mực tuộc. Nó ngồi trên tảng đá, thả chân trần ngập trong nước, đằng trước cái khe có con mực tuộc ở và im lìm chờ đợi. Một lát sau Daniel cảm thấy những cái vòi khê chạm vào da nó, quần quanh mắt cá chân. Con mực tuộc thận trọng mon trón Daniel, đôi khi lướt giữa các ngón và dưới gan bàn chân khiến Daniel bật cười.

“Chào Wiatt!” - Daniel nói. Con mực tuộc tên là Wiatt, nhưng dĩ nhiên nó không biết tên mình. Daniel thủ thủ với nó để khỏi làm nó sợ hãi. Daniel đặt cho nó những câu hỏi về những gì xảy ra dưới đáy biển, về những điều người ta thấy khi ở bên dưới những lớp sóng. Wiatt không trả lời, sóng vẫn tiếp tục vuốt ve chân và mắt cá của Daniel, rất êm ái như với những sợi tóc vậy. Daniel yêu con mực tuộc lắm. Daniel chưa bao giờ có thể ngắm nó thật kỹ vì biển lên nhanh. Khi săn bắt được kha khá, Daniel mang cho nó một con cua hay những con tôm và thả vào vũng. Những chiếc vòi xám vươn ra tựa một mớ roi tóm lấy con mồi và kéo vào tảng đá. Daniel chưa khi nào thấy con mực tuộc ăn cả. Nó hầu như luôn luôn nấp trong cái khe tối đen, nằm im lìm với những chiếc vòi dài phát phơ đằng trước. Có lẽ nó cũng giống Daniel, có thể nó chu du đã lâu để tìm ngôi nhà của mình dưới đáy ao và ngắm bầu trời sáng sủa qua làn nước trong.

Khi biển tụt xuống thấp, như bùng lên một vùng sáng. Daniel đi giữa những tảng đá, bước trên lớp thảm tảo và vàng dương bắt đầu phản chiếu trên nước và đá, thấp lên những ngọn lửa chói mắt. Chẳng có lấy một ngọn gió vào lúc này. Phía trên khoảng đáy biển bằng phẳng, bầu trời xanh rộng mở, lấp lánh một thứ ánh sáng đặc biệt. Daniel cảm thấy hơi nóng trên đầu và vai, nó nhắm mắt để không bị loá do ánh phản chiếu gay gắt. Lúc đó chẳng còn gì khác ngoài bầu trời, mặt trời, muối và chúng bắt đầu nhảy nhót trên đá.

Một ngày kia biển lùi xa đến mức người ta chỉ còn nhìn thấy một đường viền mảnh màu xanh phía chân trời. Daniel bắt đầu lên đường xuyên qua những tảng đá dưới đáy biển. Đột nhiên nó cảm thấy say mê những người đi vào một miền đất nguyên sơ và họ biết rõ rằng có lẽ không thể quay trở lại. Ngày hôm đó chẳng còn gì như trước nữa, tất thảy đều mới lạ. Daniel ngoái lại và thấy đất liền đằng xa sau lưng nó, giống như một hố bùn. Nó

cũng cảm nhận sự đơn độc, sự im lặng của đá trần trụi bị nước biển bào mòn, nổi lo lắng phát xuất từ tất cả các kẽ nứt, từ tất cả những miệng giếng bí mật và Daniel bắt đầu bước nhanh hơn rồi chạy. Tim nó đập dữ dội trong lồng ngực giống như cái hôm đầu tiên trước biển. Daniel cảm đầu chạy tưởng chừng không kịp thở, nhảy ào qua các vũng nước và những thung lũng tảo, men theo những sống đá, hai cánh tay giang ra để giữ thăng bằng.

Thỉnh thoảng có những phiến đá rộng phẳng phiu, phủ đầy tảo bé xíu hoặc những mòm đá sắc như lưỡi dao những tảng đá lạ giống hệt da cá nhám. Khấp chón, những vũng nước óng ánh, rì rầm. Những vỏ sò bám đầy các tảng đá kêu lách tách dưới ánh mặt trời, những cuộn tảo phát ra những tiếng phì phụt kỳ cục.

Daniel chạy mà không biết mình đi đâu, giữa khoảng phẳng trên đáy biển, không hề dừng lại xem giới hạn của sóng. Lúc này đại dương đã biến mất, nó rút lui tận chân trời như thể chạy tuột hết vào một cái lỗ thông với trung tâm trái đất.

Daniel chẳng sợ, nhưng nó hoàn toàn không còn là chính mình nữa. Nó không gọi biển, không trò chuyện với nó nữa. Ánh mặt trời phản chiếu trên vũng nước tựa những tấm gương, nó bị chặn lại trên những mòm đá, vọt nhanh qua và nhân những tia sáng lên vô số. Ánh sáng cùng lúc toả rạng khắp chón, gần đến mức Daniel cảm thấy những tia nắng gắt lướt qua mặt, hoặc rất xa, tựa như những tia sáng lạnh lẽo của các hành tinh. Chính vì nó mà Daniel chạy ngoằn ngoèo qua bình nguyên đá. Ánh sáng khiến nó tự do và điên rồ và Daniel cũng nhảy vọt lên như ánh sáng, không chút bận lòng. Ánh sáng không dịu êm như trên bãi biển và cồn cát. Ấy là một dòng xoáy rồ dại phụt lên không ngừng, nhảy nhót giữa hai tấm gương trời và đá.

Đặc biệt nhất là muối. Từ nhiều ngày nay, nó đọng khắp nơi trên những tảng đá đen, trên đá cuội, trong vỏ loài nhuyễn thể và thậm chí trên những chiếc lá nhỏ nhợt nhạt của loài cây mọc dưới chân vách đá. Muối thấm vào da thịt Daniel, bám trên trên lông mày lông mi, trên mái tóc và quần áo và lúc này tạo thành một lớp cứng gây bỏng rát. Thậm chí muối còn chui cả vào cơ thể, lọt vào họng, vào bụng, tới tận xương, gặm nhấm và kêu lạo xạo tựa một đám vụn thủy tinh, làm nảy những tia đóm trên võng mạc nhức nhối, ánh mặt trời nung nóng muối và giờ đây mỗi lạng kính đều lấp lánh

xung quanh Daniel và trong mình nó. Khi ấy xuất hiện cái cảm giác say sưa nọ, thứ điện năng run rẩy lạ lùng, bởi lẽ muối và ánh sáng không muốn người ta ngồi yên tại chỗ. Chúng buộc người ta nhảy múa, chạy, nhảy từ tảng đá này sang tảng đá khác, chúng muốn họ chạy trốn qua đáy biển.

Chưa bao giờ Daniel thấy sắc trắng nhiều như vậy. Ngay cả nước trong các ao vũng và bầu trời cũng trắng bệch. Chúng thiêu đốt võng mạc. Daniel nhắm nghiền mắt lại và dừng bước vì lẽ đôi chân nó run rẩy và không thể mang nổi nó được nữa. Nó ngồi phệt xuống một phiến đá bằng phẳng, trước một hồ nước biển. Daniel lắng nghe tiếng ánh sáng nhảy nhót trên đá, tất cả những tiếng lách tách khô khốc, tiếng lép bốp, tiếng huýt dài và ngay bên tai là âm thanh rừ rì như bài ca của bầy ong. Daniel khát, nhưng dường như không một thứ nước nào có thể làm nó thỏa thuê mãi mãi. Ánh sáng tiếp tục thiêu đốt khuôn mặt nó, đôi tay, hai bờ vai, cắn chích với hàng ngàn vết nhoi nhói và cảm giác kiến bò. Những giọt nước mắt mặn chát bắt đầu tuôn trào từ đôi mắt khép, thong thả vạch những rạch nóng hổi trên gò má. Cố hé mắt, Daniel nhìn bình nguyên đá trắng, hoang mạc rộng lớn lấp lánh những ao nước tàn nhẫn. Những con vật biển và lũ sò đã biến mất, chúng ẩn trong các khe nứt, dưới lớp màn ảo.

Daniel cúi mình về phía trước trên phiến đá phẳng và phủ áo sơ mi lên đầu để khỏi phải thấy ánh sáng và muối nữa. Nó ngồi lặng hồi lâu, đầu lọt giữa hai gó, trong khi vũ điệu nóng bỏng vẫn qua lại trên đáy biển.

Rồi gió thổi đến, thoát tiên còn yếu ớt, chạt vật lưu thông trong lớp không khí đậm đặc. Gió mạnh lên, cơn gió lạnh xuất phát từ chân trời và các vũng nước biển rên rỉ đổi màu. Trời đầy mây, ánh sáng trở nên có kết hơn. Daniel nghe tiếng gầm của biển rất gần, những ngọn sóng lớn vỗ bụng vào vách đá. Những giọt nước làm ướt quần áo của Daniel khiến nó thoát khỏi trạng thái đờ đẫn.

Biển đã ở đó. Nó đến rất mau lẹ, vội vàng vây quanh những mỏm đá đầu tiên như những hòn đảo, chìm ngập các khe rãnh, băng đi với âm thanh sôi réo của sóng nước đang dâng cao. Mỗi khi nuốt gọn một mẩu đá, một tiếng động trầm đục rung chuyển nền đất, kèm theo một giọng gầm trong thỉnh không. Daniel chồm dậy. Nó bắt đầu cầm cổ chạy về phía bờ. Lúc này nó chẳng buồn ngủ nữa, cũng không sợ ánh sáng và muối. Daniel cảm thấy



một sự tức giận tít sâu trong cơ thể, một sức mạnh mà nó không hiểu nổi, như thể nó có thể đập vỡ nát những tảng đá và đào các khe rãnh chỉ bằng một gót chân. Nó chạy đằng trước biển, theo hướng gió và nghe sóng gầm gào phía sau. Chốc chốc, nó lại thét lên để bắt chước: “Ram! Ram!” vì chính nó chỉ huy biển.

Cần phải chạy thật nhanh! Đại dương muốn chiếm lấy hết thủy, những mỏm đá, tảo và cả kẻ chạy trước nó. Rồi khi biển phóng ra cánh tay bên phải, bên trái, một cánh tay dài xám và sủi bọt cắt đường của Daniel. Nó nhảy phóc sang bên cạnh, tìm một lối đi qua đỉnh các tảng đá và nước rút đi, liếm vào các hốc khe.

Daniel bơi qua nhiều cái hồ đã trở nên đục ngầu. Nó không cảm thấy mệt mỏi nữa. Trái lại, trong nó có một niềm vui, dường như biển, gió và mặt trời đã đánh tan muối và giải phóng cho Daniel. Biển đẹp quá! Những chùm màu trắng vọt vào ánh sáng, thật cao và thẳng rồi lại rớt xuống thành những đám mây hơi nước lướt đi trong gió. Dòng nước tinh khôi dòn dầy các hốc đá, lau rửa lớp vỏ trắng, giật bứt đi các khóm tảo. Đằng xa, sát vách đá, con đường trắng trên bãi biển lấp loáng. Daniel nghĩ tới vụ đắm tàu của Sindbad khi ông ta được sóng cuối tới tận đảo của vua Mihrage, và giờ đây mọi chuyện hoàn toàn giống hệt. Nó chạy lẹ làng trên các tảng đá, đôi chân trần chọn lối đi tốt nhất, thậm chí không có thời gian để nghĩ tới việc đó. Không nghi ngờ rằng nó từng sống ở đây từ bao lâu nay, trên bình nguyên của đáy biển, giữa những vụ đắm tàu và bão táp.

Daniel chạy nhanh chẳng kém gì biển, không dừng lại, không kịp lấy lại hơi, lắng nghe sóng trào. Sóng đến từ đầu kia của thế giới, cao ngọp, chúi về phía trước, mang theo những đám bọt, tràn qua những tảng đá nhẵn và ùa vào các khe nứt.

Daniel lọt vào hang khi biển lần đến bức thành tảo. Nó ngồi trên lớp đá cuội ngắm nhìn ra biển trời. Nhưng sóng vượt qua những đám tảo và Daniel phải lùi vào trong hang. Đại dương vỗ sóng ì ầm, phóng ra những lớp thảm nước dào dạt trên đá sỏi như đang sôi. Những đợt sóng tiếp tục dâng lên, hết lớp này tới lớp khác, đến tận lớp tảo chắn cuối cùng. Biển gập những đám tảo khô xác, những cành cây bị muối làm cho trắng xoá, tất cả những thứ được dồn đống trước cửa hang từ nhiều tháng nay. Nước vấp phải

những mẩu vụn, chia rẽ chúng rồi gom chúng lại. Bây giờ Daniel tựa lưng vào vách hang. Nó không thể lùi hơn được nữa. Khi ấy nó nhìn biển để ngăn biển lại. Bằng tất cả sức lực của mình, Daniel nhìn biển, không nói nửa lời và bắt sóng trở lại đằng sau bằng cách tạo ra những đợt sóng phản hồi bề gãy đà xô của biển.

Nhiều lần những con sóng ào qua bức thành tảo và những mảnh vụn, bắn toé nước vào lòng hang và nhấn ngập quanh chân Daniel. Rồi đợt ngớt biển ngừng dâng. Tiếng động khủng khiếp yếu đi, sóng trở nên hiền hoà chậm chậm hơn, như nặng nề hơn bởi những đám bọt biển. Daniel hiểu rằng mọi sự đã kết thúc.

Nó nằm duỗi dài trên đá cuội ở lối vào hang, đầu quay ra phía biển. Daniel run lập cập vì lạnh và mệt mỏi, nhưng nó chưa bao giờ biết tới một niềm hạnh phúc như vậy. Nó thiếp ngủ trong sự yên tĩnh và ánh mặt trời chậm chậm sà xuống như một ngọn lửa tắt lịm.

Sau chuyện đó, Daniel ra sao? Nó đã làm gì trong những ngày tháng ấy, ở cái hang của của mình, trước biển? Có thể nó thật sự đi đến Mỹ hoặc tận Trung Hoa trên một con tàu chở hàng lẻ mề di chuyển từ cảng này sang cảng khác, từ đảo này tới đảo khác? Những giấc mơ khởi đầu như vậy hẳn không chấm dứt. Nơi đây, đối với lũ chúng tôi, những kẻ ở xa biển, mọi sự đều bất khả và dễ dàng. Tất thấy những gì chúng tôi biết là đã xảy ra điều gì đó kỳ lạ.

Kỳ lạ bởi lẽ câu chuyện mang một vẻ phi logic phủ nhận tất thấy những gì mà những người khả kính đã nói. Họ đã chạy nháo nhào khắp nơi nhằm tìm ra dấu vết của Daniel Sindbad, nào các thầy giáo, những giám thị, cảnh sát, họ đã đặt biết bao câu hỏi và rồi đến một ngày, kể từ một ngày nào đó, họ làm như thể Daniel chưa bao giờ tồn tại. Họ không nhắc tới nó nữa. Họ gửi mọi tư trang và thậm chí cả những bài làm cũ của Daniel về cho cha mẹ nó. Daniel chẳng còn lại gì trong trường trung học ngoài kỷ niệm về nó. Và ngay cả điều này, mọi người cũng không muốn đa động tới. Họ bắt đầu nói về điều này điều khác, về các bà vợ và nhà cửa, về xe hơi và những cuộc bầu cử trong vùng như trước đây, như thể chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

Có thể họ không hề vờ vịt. Có thể họ đã thực sự quên Daniel do đã nghĩ về nó quá nhiều trong nhiều tháng. Có thể nó đã quay về và xuất hiện trước cổng trường trung học, mọi người đã không nhận ra nó và hỏi: “Anh là ai? Anh muốn gì?”

Nhưng chúng tôi, chúng tôi không hề lãng quên Daniel. Chẳng một ai quên nó, trong ký túc xá, trong lớp học, ngoài sân chơi, thậm chí ngay cả những người không quen biết nó cũng vậy. Chúng tôi nói về mọi việc ở trường trung học, về những bài toán và bài dịch, tuy nhiên chúng tôi luôn nghĩ rất lung về nó, dường như Daniel thật sự hơi giống Sindbad và nó cứ tiếp tục chu du khắp thế giới. Thỉnh thoảng, chúng tôi ngừng tán chuyện và ai đó luôn luôn hỏi cùng một câu: “Cậu tin chắc nó đang ở đó chứ?” Chẳng ai biết đích xác ở đó là thế nào, song như thể chúng tôi trông thấy chồn nọ, biển mênh mang, bầu trời, mây, những mỏm đá ngằm hung dữ và sóng, những con chim lớn màu trắng chao lượn trong gió.

Khi gió nhẹ lay động các cành của cây dẻ, chúng tôi ngó nhìn trời và nói theo cách của đám thủy thủ với đôi chút lo lắng: “Ở đó sẽ có bão.” Và khi vàng dương mùa đông lấp lánh trên bầu trời xanh, chúng tôi lại bình luận: “Hôm nay nó gặp may.”

Nhưng chúng tôi không bao giờ nói nhiều hơn vì rằng như có một thoả ước chúng tôi đã ký kết với Daniel mà không hề ý thức, một liên minh bí mật và câm lặng mà chúng tôi đã thông qua cũng với nó một ngày nọ, hoặc giả như giấc mơ mà chúng tôi gặp một cách đơn giản vào buổi sáng, khi mở mắt và nhìn cái giường của Daniel trong ánh tranh tối tranh sáng của ký túc xá, rằng nó đã sửa soạn cho phần đời còn lại của mình, như thể nó chẳng bao giờ ngủ nữa.